

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÔN THẾP
TRƯỜNG XUÂN**

Giảng viên HD	:	TS. Trần Thượng Bích La
Sinh viên thực hiện	:	Võ Thị Lệ Hằng
Mã số sinh viên	:	2254010012
Khóa học	:	2022 - 2026
Lớp	:	22KH1

Đà Nẵng, Tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Võ Thị Lệ Hằng
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

Các số liệu sử dụng trong khóa luận được thu thập từ hệ thống sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân năm 2025.

4. Các bảng biểu

Các bảng biểu sử dụng trong khóa luận bao gồm các sơ đồ về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán, chứng từ kế toán liên quan nhằm phục vụ cho việc minh họa và đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân.

5. Cán bộ hướng dẫn: TS. Trần Thượng Bích La

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ	
DANH MỤC BẢNG BIỂU	
DANH MỤC HÌNH ẢNH	
LỜI CẢM ƠN	
LỜI MỞ ĐẦU	
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	1
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
1.1.1 Khái niệm	1
1.1.2 Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.2 Kế toán doanh thu và thu nhập	3
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
1.2.2 Kế toán các khoản trừ doanh thu	7
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	8
1.2.4 Kế toán thu nhập khác	10
1.3 Kế toán chi phí	12
1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán	12
1.3.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	16
1.3.3 Kế toán chi phí tài chính	19
1.3.4 Kế toán chi phí khác	20
1.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22
1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	24
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN	26
2.1 Giới thiệu về công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân	26
2.1.1 Thông tin khái quát về Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân	26
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	26
2.1.3 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty	27
2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	27
2.1.6 Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty	29
2.1.7 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty	32

2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân	32
2.2.1 Đặc điểm hàng hoá, tổ chức kinh doanh tại công ty	32
2.2.2 Phương thức bán hàng	33
2.2.3 Phương thức thanh toán	33
2.3 Kế toán doanh thu và thu nhập	33
2.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33
2.3.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	43
2.3.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	44
2.3.4 Kế toán thu nhập khác	48
2.4 Kế toán chi phí	48
2.4.1 Kế toán giá vốn hàng bán	48
2.4.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	53
2.4.3 Kế toán chi phí tài chính	60
2.4.4 Kế toán chi phí khác	63
2.4.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	65
2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	67
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN	71
3.1 Nhận xét chung về công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân	71
3.1.1 Ưu điểm	71
3.1.2 Hạn chế	73
3.2 Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân	74
3.2.1 Sự cần thiết	74
3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện	75
3.3 Một số kiến nghị để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân	75
TÀI LIỆU THAM KHẢO	83
KHAI BÁO SỬ DỤNG AI	84
PHỤ LỤC	86

DANH MỤC TÊN VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Tên viết tắt</i>	<i>Diễn giải</i>
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TK	Tài khoản
3	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
4	GBC	Giấy báo có
5	GBN	Giấy báo nợ
6	DN	Doanh nghiệp
7	TKDU	Tài khoản đối ứng
8	HĐ	Hoá đơn
9	KC	Kết chuyển
10	PC	Phiếu chi
11	BCTC	Báo cáo tài chính
12	HTK	Hàng tồn kho
13	BTC	Bộ Tài chính
14	LN	Lợi nhuận
15	XĐKQKD	Xác định kết quả kinh doanh
16	DT	Doanh thu
17	BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
18	KCT	Không chịu thuế
19	HĐNT	Hợp đồng nguyên tắc

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp	5
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu hàng trả góp, trả chậm	5
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng trường hợp giao đại lý	6
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng trường hợp nhận đại lý	6
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu trường hợp gửi hàng đi bán	7
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán các chi phí liên quan	8
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	10
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	12
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên	15
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ	16
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	18
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	20
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	22
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp	23
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh	25
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy của công ty	27
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty	29
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung	30
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy	31
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại công ty	34

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Hoá đơn GTGT số 00000029 ngày 19/02/2025	35
Bảng 2.2: Hoá đơn GTGT số 00000161 ngày 26/09/2025	37
Bảng 2.3: Hoá đơn GTGT số 00000681 ngày 20/07/2025	38
Bảng 2.4: Hoá đơn GTGT số 00000087 ngày 05/04/2025	39
Bảng 2.5: Sổ chi tiết TK 5111	41
Bảng 2.6: Sổ chi tiết TK 5113	41
Bảng 2.7: Sổ Cái TK 511	42
Bảng 2.8: Hoá đơn GTGT điều chỉnh số 00000778 ngày 28/07/2025	43
Bảng 2.9: Sổ chi tiết TK 515	46
Bảng 2.10: Sổ Cái TK 515	47
Bảng 2.11: Phiếu xuất kho ngày 19/02/2025	48
Bảng 2.12: Phiếu xuất kho ngày 26/09/2025	49
Bảng 2.13: Phiếu xuất kho ngày 20/07/2025	49
Bảng 2.14: Phiếu nhập kho theo hoá đơn số 00000778	50
Bảng 2.15: Sổ chi tiết TK 632	51
Bảng 2.16: Sổ Cái TK 632	52
Bảng 2.17: Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7	53
Bảng 2.18: Hóa đơn mua xăng RON 95 Mức 3 ngày 29/12/2025	55
Bảng 2.19: Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ tháng 12	56
Bảng 2.20: Sổ chi tiết TK 6421	57
Bảng 2.21: Sổ chi tiết TK 6422	58
Bảng 2.22: Sổ Cái TK 642	59
Bảng 2.23: Sổ chi tiết TK 635	61
Bảng 2.24: Sổ Cái TK 635	62
Bảng 2.25: Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước	63
Bảng 2.26: Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước	64
Bảng 2.27: Sổ Cái TK 811	65
Bảng 2.28: Sổ Cái TK 821	66
Bảng 2.29: Sổ Cái TK 911	68
Bảng 2.30: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	70

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Giao diện trước khi hạch toán	36
Hình 2.2: Giao diện hạch toán HD 00000029	36
Hình 2.3: Giao diện vào xem sổ chi tiết TK 5111,5113	40
Hình 2.4: Giao diện phiếu chi trên phần mềm	44
Hình 2.5: Lịch sử giao dịch lãi tiền gửi	45
Hình 2.6: Giao diện hạch toán lãi tiền gửi trên phần mềm	45
Hình 2.7: Giao diện phần mềm tiền lương	54
Hình 2.8: Giao diện phần mềm hạch toán tiền lương và bảo hiểm	54
Hình 2.9: Giao diện hạch toán phiếu chi trên phần mềm	56
Hình 2.10: Lịch sử giao dịch trả nợ TK vay	60
Hình 2.11: Giao diện hạch toán trả lãi trên phần mềm	60
Hình 2.12: Giao diện hạch toán chậm nộp trên phần mềm	65
Hình 2.13: Giao diện phần mềm kết chuyển	67

LỜI CẢM ƠN

Trong khoảng thời gian thực tập, em đã được học tập và rèn luyện những kỹ năng, những kiến thức trang bị cho tương lai. Để có được những điều này, là nhờ sự dạy dỗ và giúp đỡ của các quý thầy cô ở Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

Lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô khoa Kinh Tế, bộ môn Kế Toán đã tận tình chỉ dạy, truyền đạt những kiến thức tạo cơ hội cho em làm quen với môi trường doanh nghiệp, được học hỏi trang bị những kỹ năng cần thiết. Và đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn cô Trần Thượng Bích La - giảng viên đã trực tiếp hướng dẫn em trong suốt quá trình thực tập vừa qua. Cảm ơn cô đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn, bổ sung những kiến thức mà em đang thiếu sót, đồng thời đưa ra những nhận xét và lời khuyên bổ ích giúp em hoàn thiện bài khóa luận này đầy đủ và hoàn chỉnh nhất.

Tiếp đến em xin gửi lời cảm ơn đến toàn thể Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân, đặc biệt là anh Bùi Văn Hoàn - Giám đốc công ty và chị Nguyễn Thị Thanh Nhân - Kế toán trưởng tại công ty đã tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Trong quá trình tìm hiểu, quan sát, học hỏi và bắt tay vào thực hiện nghiên cứu bài khóa luận, mặc dù em đã cố gắng, nỗ lực hết mình để đạt được mục tiêu đặt ra, song kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn có hạn chế nên không thể tránh khỏi một số thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự thông cảm cũng như góp ý, bổ sung của quý thầy cô, quý anh chị Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin kính chúc Quý Thầy Cô luôn dồi dào sức khỏe và thành công hơn nữa trên con đường giảng dạy của mình. Và chúc cho Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân phát triển bền vững.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Võ Thị Lệ Hằng

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng, các doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội cũng như thách thức lớn. Để tồn tại và phát triển bền vững, doanh nghiệp không chỉ cần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phải tổ chức tốt công tác quản lý, đặc biệt là công tác kế toán. Trong đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò quan trọng, giúp phản ánh chính xác tình hình hoạt động của doanh nghiệp, từ đó cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tôn, thép và các vật liệu xây dựng. Với đặc điểm hàng hóa có giá trị lớn, biến động giá cả thường xuyên và khối lượng giao dịch đa dạng. Để tồn tại và phát triển bền vững, doanh nghiệp cần không ngừng đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hóa và cung cấp dịch vụ nhằm tạo ra doanh thu, thu hồi vốn đã đầu tư, bù đắp các khoản chi phí phát sinh và tạo ra lợi nhuận. Lợi nhuận không chỉ là mục tiêu quan trọng của doanh nghiệp mà còn là cơ sở để doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện các mục tiêu, chiến lược kinh doanh đã đề ra. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty càng trở nên quan trọng và cần được tổ chức một cách khoa học, hợp lý.

Xuất phát từ vai trò và ý nghĩa đó, em đã lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân” làm đề tài nghiên cứu. Thông qua việc tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp, đề tài nhằm đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, từ đó chỉ ra những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty.

Nội dung khoá luận gồm ba chương:

❖ **Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Hệ thống lại cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã được học trong trường đại học để làm cơ sở giải quyết các mục tiêu tiếp theo của đề tài.

❖ **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân.**

Chương 2, trình bày khái quát về quá trình hình thành và phát triển của công ty, đồng thời giới thiệu chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm về lao động, tình hình tài

sản, nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm gần đây. Bên cạnh đó, chương còn phản ánh thực trạng tổ chức bộ máy quản lý và công tác quản lý tại công ty.

Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân.

❖ **Chương 3: Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân.**

Thông qua việc đối chiếu giữa cơ sở lý luận đã được học với thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân, em đã đưa ra một số nhận xét về tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty. Trên cơ sở đó, cùng với những hiểu biết và quan điểm cá nhân, em đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Do thời gian nghiên cứu và kiến thức còn hạn chế, bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

(Cơ sở lý luận được trình bày theo thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016)

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp luôn hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và tạo ra lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu, doanh nghiệp cần tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm phản ánh đầy đủ tình hình bán hàng, quản lý các khoản chi phí phát sinh và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản lý trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Thông qua việc ghi nhận doanh thu, tập hợp chi phí và xác định lợi nhuận, doanh nghiệp có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động kinh doanh trong từng kỳ kế toán, từ đó đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

1.1.1 Khái niệm

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS - Doanh thu và thu nhập khác) ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của BTC: “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.”

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 (VAS01 - Chuẩn mực chung): “Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu.”

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một kỳ nhất định của doanh nghiệp. Việc so sánh giữa chi phí kinh doanh đã bỏ ra và thu nhập kinh doanh đã thu về trong kỳ. Nếu thu nhập lớn hơn chi phí thì kết quả hoạt động kinh doanh là lãi, thu nhập nhỏ hơn chi phí thì kết quả hoạt động kinh doanh là lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Nhiệm vụ

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp hiện nay. Việc tổ chức tốt công tác kế toán giúp doanh nghiệp theo dõi đầy đủ tình hình bán hàng, các khoản chi phí phát sinh và xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ như:

- Kế toán doanh thu có nhiệm vụ ghi nhận chính xác các khoản doanh thu phát sinh theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, theo dõi chi tiết doanh thu theo từng đối tượng, từng loại sản phẩm, dịch vụ. Đồng thời, kế toán cần thường xuyên kiểm tra, đối chiếu chứng từ liên quan nhằm đảm bảo tính trung thực, hợp lý của số liệu, làm cơ sở cho việc xác định kết quả kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.
- Kế toán chi phí có nhiệm vụ thu thập, ghi chép và thực hiện phân loại mọi chi phí phát sinh có liên quan đến việc sản xuất, kinh doanh của mỗi đơn vị. Kế toán phải kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi, theo dõi chi phí theo từng bộ phận, từng hoạt động nhằm phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, phân tích chi phí và hỗ trợ quá trình ra quyết định của nhà quản trị.
- Xác định kết quả kinh doanh cần tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hiện hành, các văn bản pháp lý, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và các khoản chi phí phát sinh trong kỳ. Kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí và các khoản thu nhập, chi phí khác theo quy định nhằm xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác và kịp thời. Đồng thời, kế toán thực hiện tính toán lợi nhuận trước thuế, sau thuế và lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

❖ Ý nghĩa

Kế toán doanh thu có thể đánh giá được khả năng tiêu thụ sản phẩm, mức độ mở rộng thị trường và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc ghi nhận doanh thu chính xác còn giúp xác định nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, cung cấp các thông tin quan trọng cho nhà quản lý trong việc điều tiết và đưa ra quyết định cho doanh nghiệp.

Kế toán chi phí giúp doanh nghiệp nắm bắt, theo dõi và quản lý toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, có thể

biết được doanh nghiệp đã tối ưu hoá chi phí hay không để đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, nó giúp tổng hợp doanh thu và chi phí để xác định chính xác lãi hoặc lỗ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Vì vậy, đòi hỏi kế toán doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2 Kế toán doanh thu và thu nhập

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Theo đoạn 10, 16 Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS) - “Doanh thu và thu nhập khác”

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- + DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập BCĐKT.

- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch dịch vụ đó.

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Hoá đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác...

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 511
- Sổ Cái TK 511
- Các loại sổ tổng hợp khác tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng như: Sổ Nhật

ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ, nhật ký sổ cái.

c) *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, được kế toán theo dõi bên Có TK 511.

Bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ là hai hoạt động trong lĩnh vực thương mại:

Bán hàng hoá: là hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình cung cấp sản phẩm cho khách hàng. Doanh nghiệp sẽ thực hiện các bước như xuất kho, giao hàng theo hoá đơn cho khách hàng.

Cung cấp dịch vụ: doanh nghiệp thực hiện các thoả thuận đã được ký kết trong hợp đồng như dịch vụ vận tải hàng tới cho khách hàng, các khoản gia hạn theo hợp đồng nguyên tắc,...

+ Tài khoản này có 4 tài khoản cấp 2:

TK 5111: “Doanh thu bán hàng hoá”. Tài khoản này phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

TK 5112: “Doanh thu bán thành phẩm”. Tài khoản này phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

TK 5113: “Doanh thu cung cấp dịch vụ khác”. Tài khoản này phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.

TK 5118: “Doanh thu khác”. Tài khoản này phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

- Kết cấu tài khoản 511:

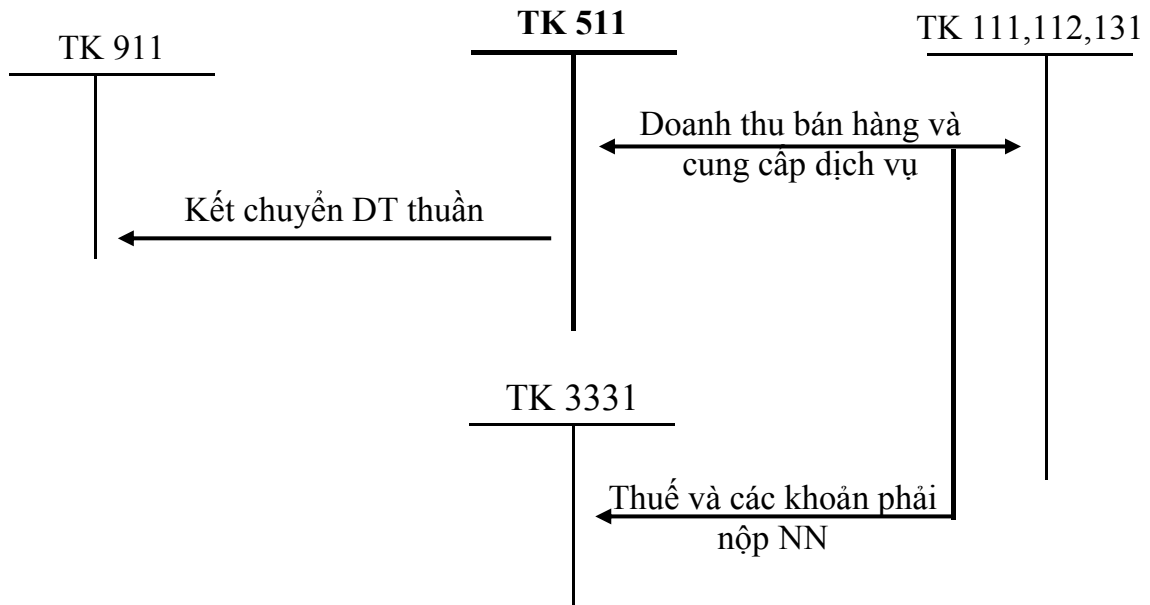
TK 511

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT).	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
- Các khoản giảm trừ doanh thu: Khoản giảm giá hàng bán; Trị giá hàng bị trả lại; Khoản chiết khấu thương mại;	
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

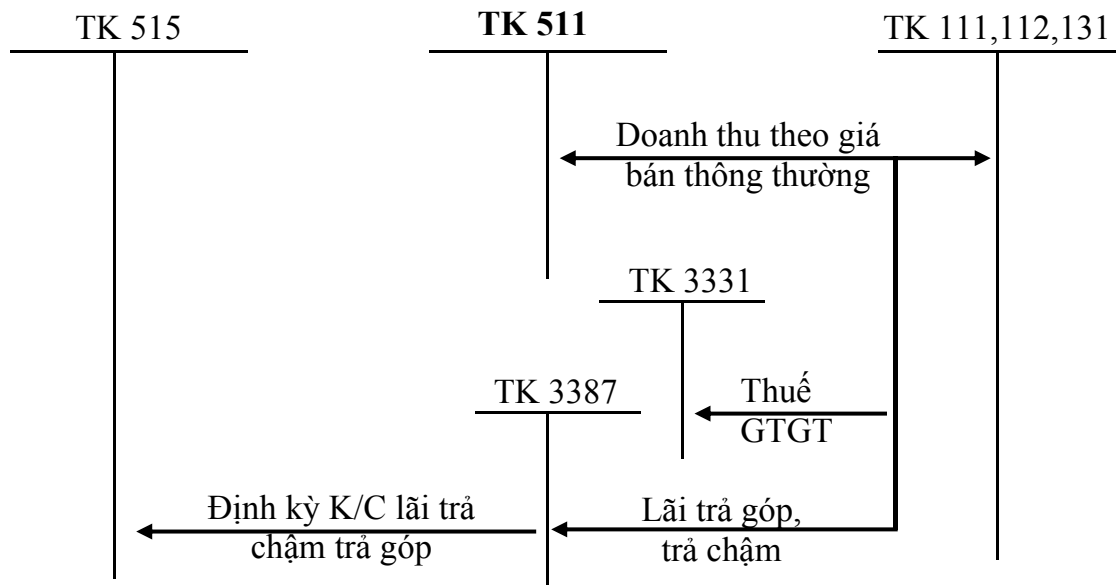
d) *Phương pháp hạch toán*

- **Trường hợp tiêu thụ trực tiếp:**



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp

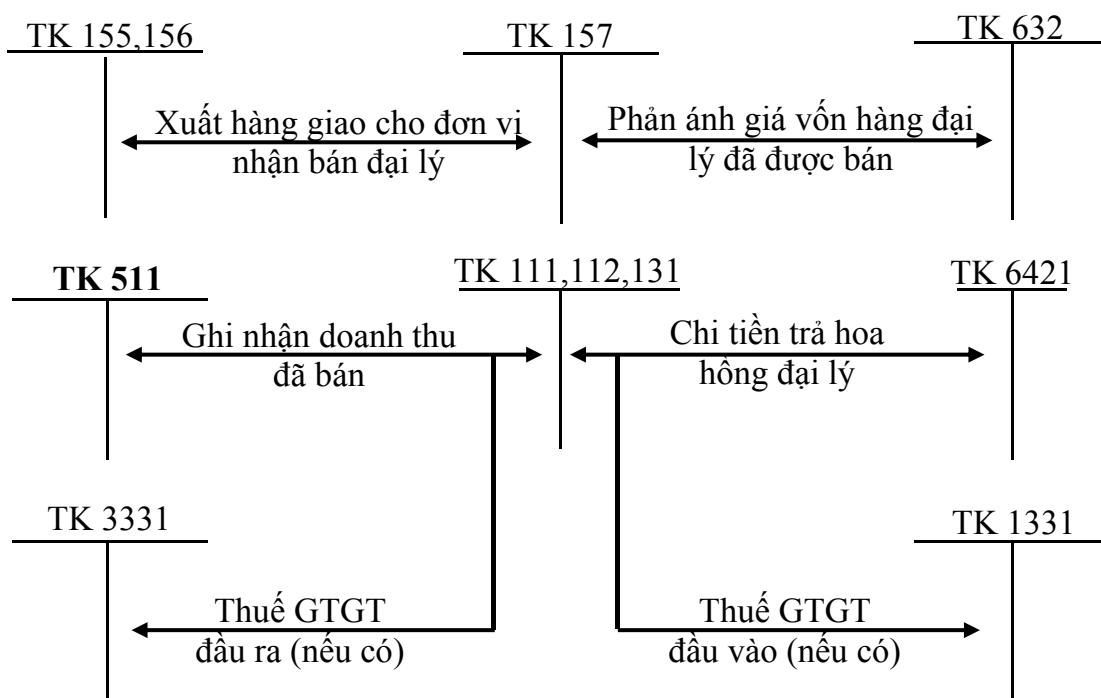
- **Trường hợp bán hàng trả chậm, trả góp:**



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu hàng trả góp, trả chậm

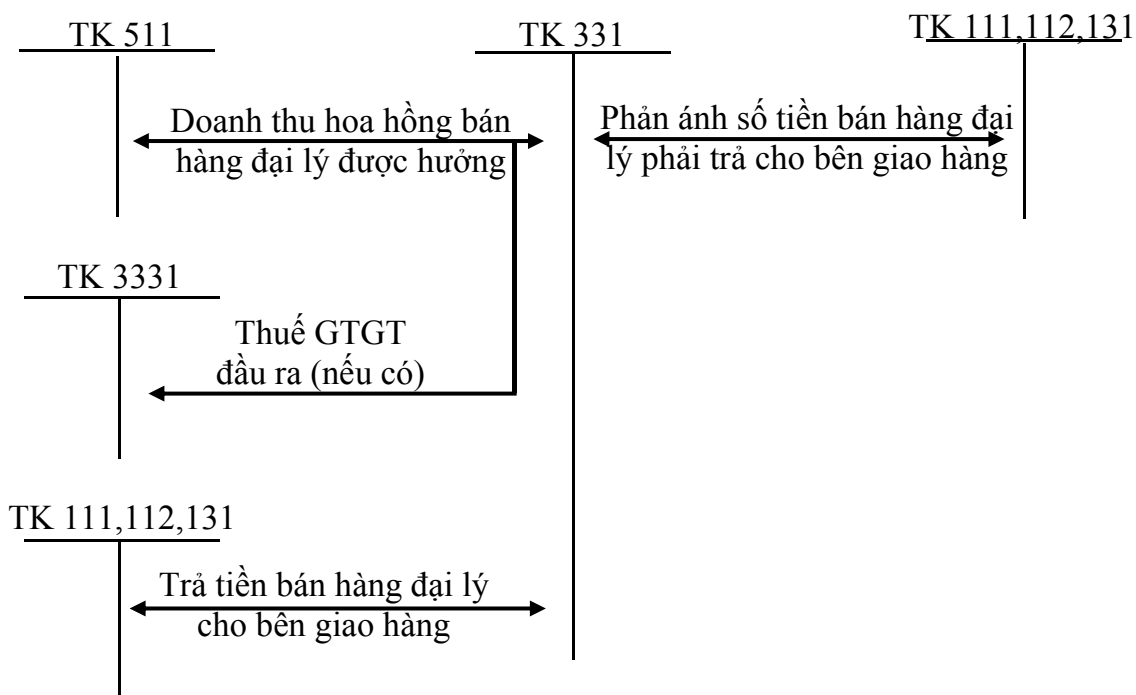
- **Trường hợp bán hàng đại lý:**

➤ **Đối với bên giao đại lý:**



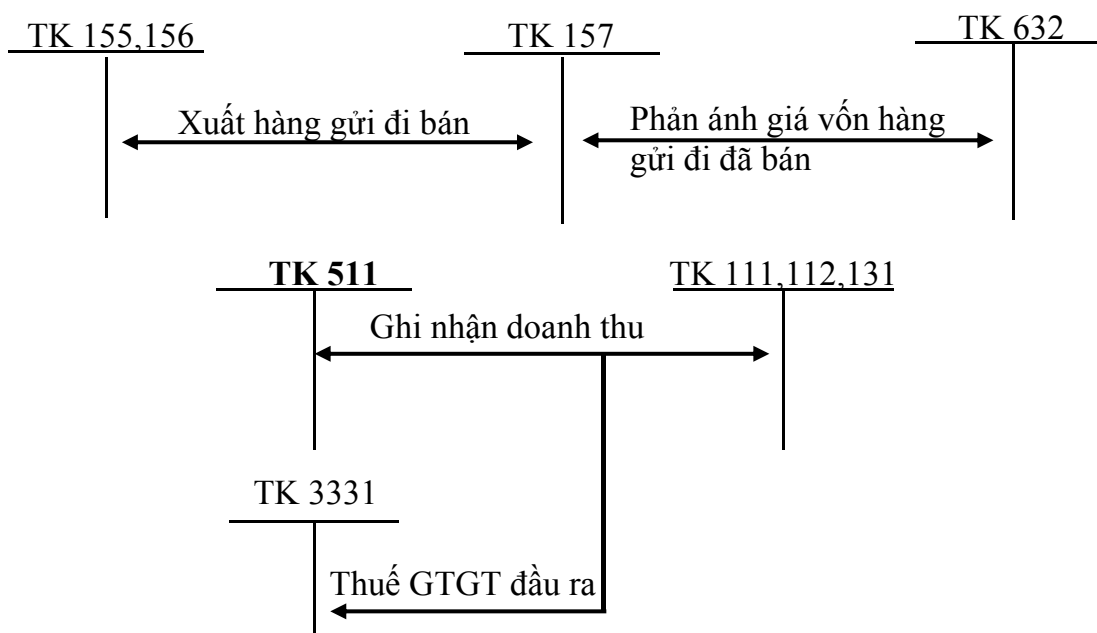
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng trường hợp giao đại lý

➤ **Đối với bên nhận đại lý:**



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng trường hợp nhận đại lý

- **Trường hợp gửi hàng đi bán:**



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu trường hợp gửi hàng đi bán
1.2.2 Kế toán các khoản trừ doanh thu

a) Khái niệm

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam 14 (VAS):

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu thị hiếu. Không đáp ứng được điều kiện chất lượng trong hợp đồng đã ký trước đó.
- Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại do không đáp ứng đủ điều kiện cam kết trong hợp đồng kinh tế, sai mặt hàng, kỹ thuật chưa chính xác và từ chối thanh toán.

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hàng bán bị trả lại:
 - + Hoá đơn GTGT do bên mua lập (nội dung trả lại hàng)
 - + Hoá đơn điều chỉnh do bên bán lập
- Giảm giá hàng bán: Hoá đơn GTGT (nội dung ghi giảm giá hàng bán)
- Chiết khấu thương mại: Hoá đơn GTGT (nội dung ghi rõ tỷ lệ và số tiền được chiết khấu)

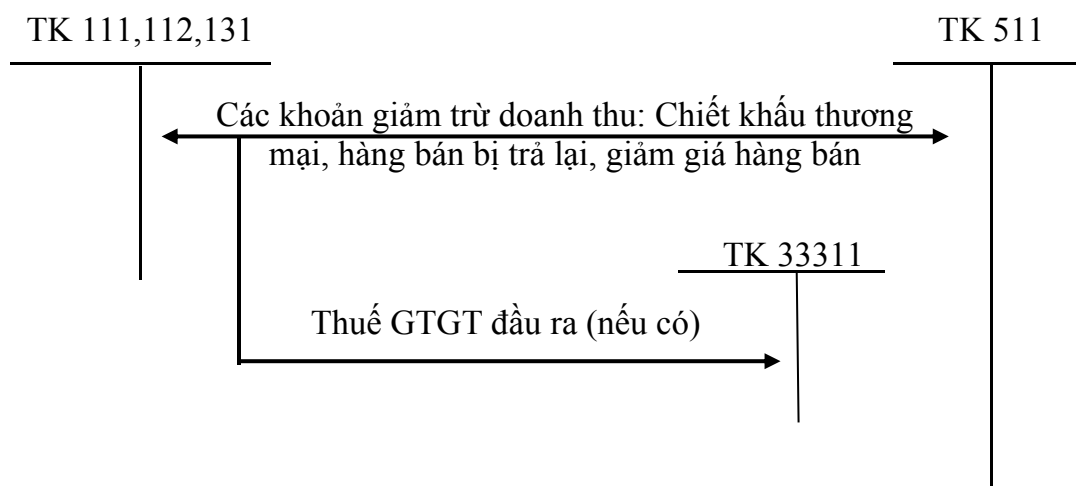
- ❖ Sổ sách sử dụng
 - Sổ chi tiết TK 511
 - Sổ Cái TK 511
 - Các loại sổ tổng hợp khác tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng như: Sổ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ, nhật ký sổ cái.

c) Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, kế toán sử dụng tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Kế toán theo dõi các khoản giảm trừ doanh thu bên Nợ của TK 511.

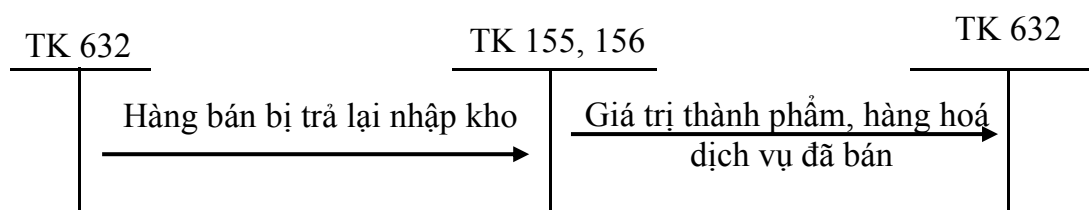
d) Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Trường hợp nhận lại hàng hoá, sản phẩm bị trả lại



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán các chi phí liên quan

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a) Khái niệm

Theo khoản 1 điều 58 theo thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đem lại trong kỳ kế toán. Doanh thu được phát sinh từ các khoản tiền lãi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia,...

Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp bao gồm: Tiền lãi (Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,...); Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ; và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Các chứng từ có liên quan khác...

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 515
- Sổ Cái TK 515
- Các loại sổ tổng hợp khác tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng như: Sổ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ, nhật ký sổ cái.

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính”: tài khoản dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

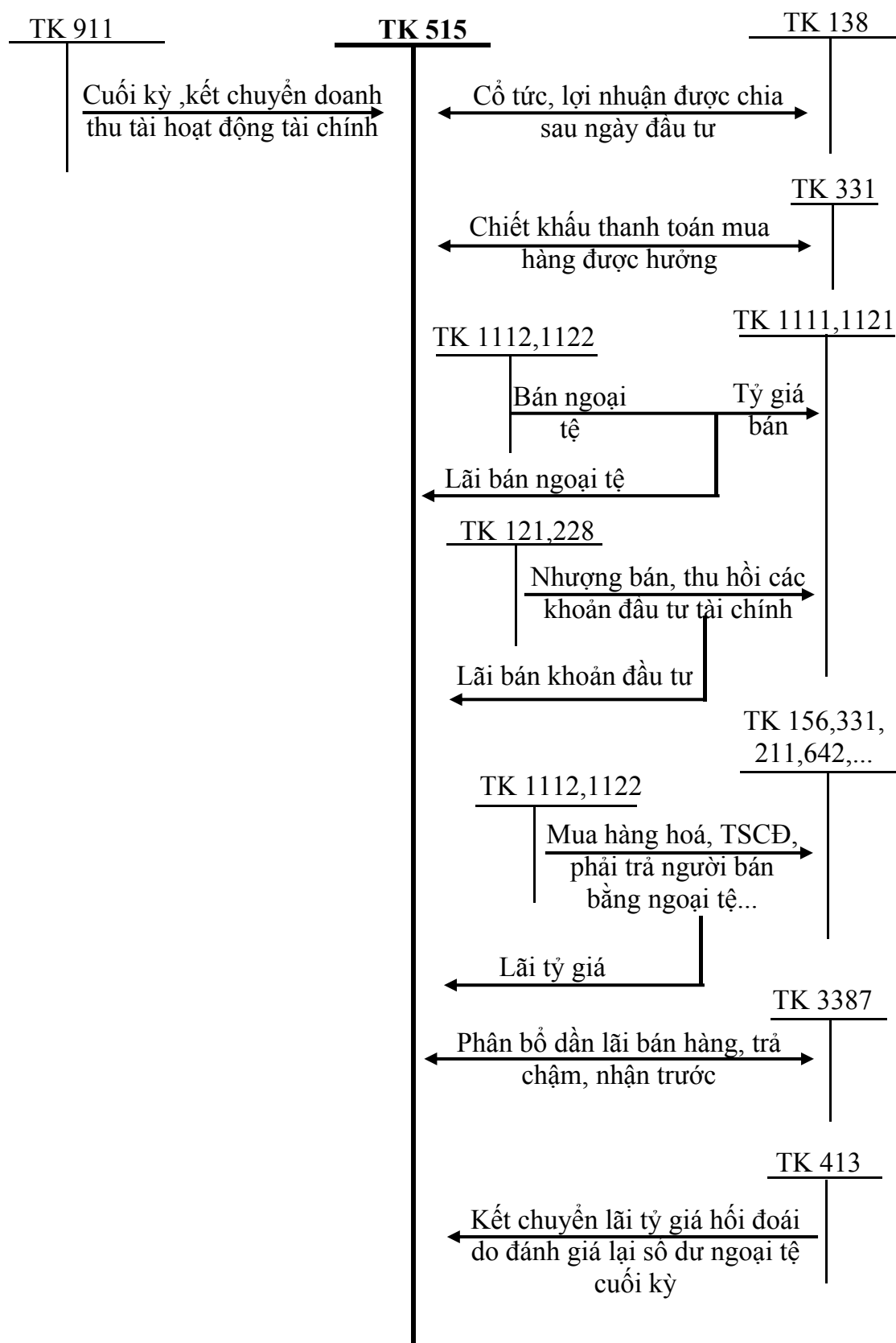
- Tài khoản này không có tài khoản cấp 2.
- Kết cấu tài khoản 515:

TK 515

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
--	---

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4 Kế toán thu nhập khác

a) Khái niệm

Thu nhập khác là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên có thể do chủ quan của doanh nghiệp hay khách hàng đưa tới.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam 14 (VAS): “Doanh thu và thu nhập khác”, thu nhập khác bao gồm: Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ; Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; Thu tiền bảo hiểm được bồi thường; Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; Và các khoản thu khác.

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản giao nhận, thanh lý TSCĐ
- Giấy báo có và các chứng từ có liên quan khác...

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 711
- Sổ Cái TK 711
- Các loại sổ tổng hợp khác tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng như: Sổ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ, nhật ký sổ cái.

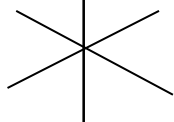
c) Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, tài khoản 711 - “Thu nhập khác”: tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản 711:

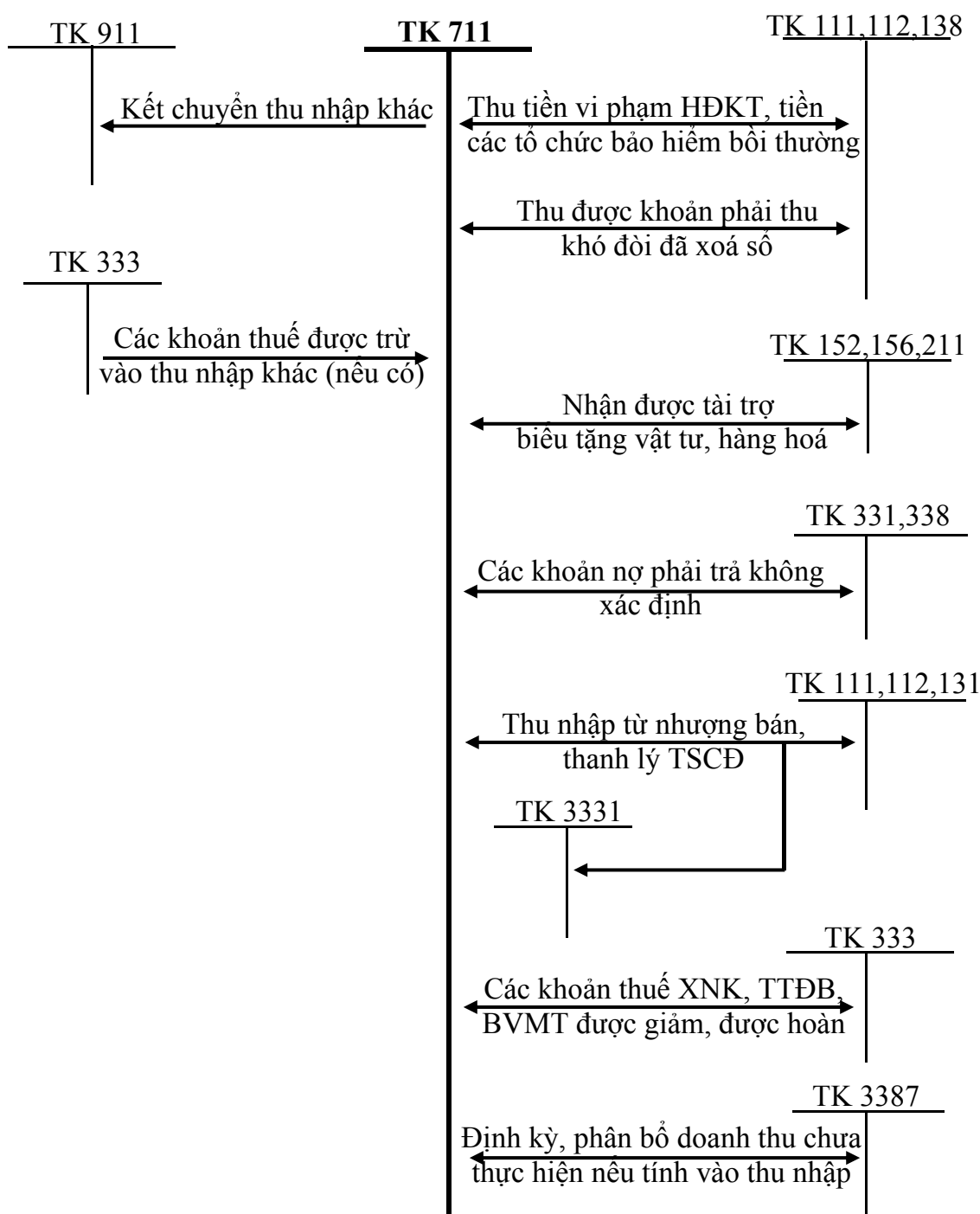
TK 711

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
--	---



Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.3 Kế toán chi phí

1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán

a) Khái niệm

Giá vốn hàng bán là giá thành thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hoá đã bán được xác định là tiêu thụ và các khoản được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

b) Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán xuất kho

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo kỳ hoặc từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

- *Phương pháp bình quân cả kỳ*

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất kho} \\ \text{bình quân trong} \\ \text{kỳ của một loại} \\ \text{sản phẩm i} \end{array} = \frac{(\text{Giá trị hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng i nhập trong kỳ})}{(\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kỳ})}$$

- *Phương pháp bình quân thời điểm*

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực tế của hàng tồn kho và đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho sau lần nhập} \\ \text{thứ i} \end{array} = \frac{(\text{Trị giá tồn kho trước lần nhập thứ i} + \text{Trị giá nhập kho lần i})}{(\text{Số lượng tồn kho trước lần nhập thứ i} + \text{Số lượng nhập kho lần i})}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh**

Phương pháp tính giá theo đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hoá mua vào, từng sản phẩm xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

Đây là phương án tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại mặt hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

❖ **Phương pháp giá bán lẻ**

Phương pháp giá bán lẻ được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác, thường được áp dụng trong các doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ, đặc biệt là siêu thị - nơi có số lượng lớn mặt hàng với tốc độ luân chuyển nhanh và biên lợi nhuận tương đối đồng đều. Theo phương pháp này, giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán trừ đi tỷ lệ lợi nhuận biên hợp lý. Tỷ lệ này được xây dựng dựa trên đặc điểm từng nhóm hàng và có thể khác nhau giữa các bộ phận kinh doanh.

❖ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Phương pháp nhập trước xuất trước tuân thủ theo nguyên tắc hàng hoá mua trước sẽ được xuất trước để sử dụng và tính theo giá thực tế của lô hàng cũ trước.

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng hoá được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước đó hoặc sản xuất trước, được thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết. Giúp cho chúng ta có thể tính được ngay giá trị vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như quản lý. Trị giá của hàng tồn kho sẽ sát hơn so với giá thị trường của mặt hàng đó.

c) Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho và các chứng từ có liên quan khác...

❖ **Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ Cái TK 632
- Các loại sổ tổng hợp khác tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng như: Sổ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ, nhật ký sổ cái.

d) *Tài khoản sử dụng*

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành. Tài khoản 632 - “Giá vốn hàng bán”: phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

- Kết cấu tài khoản 632:

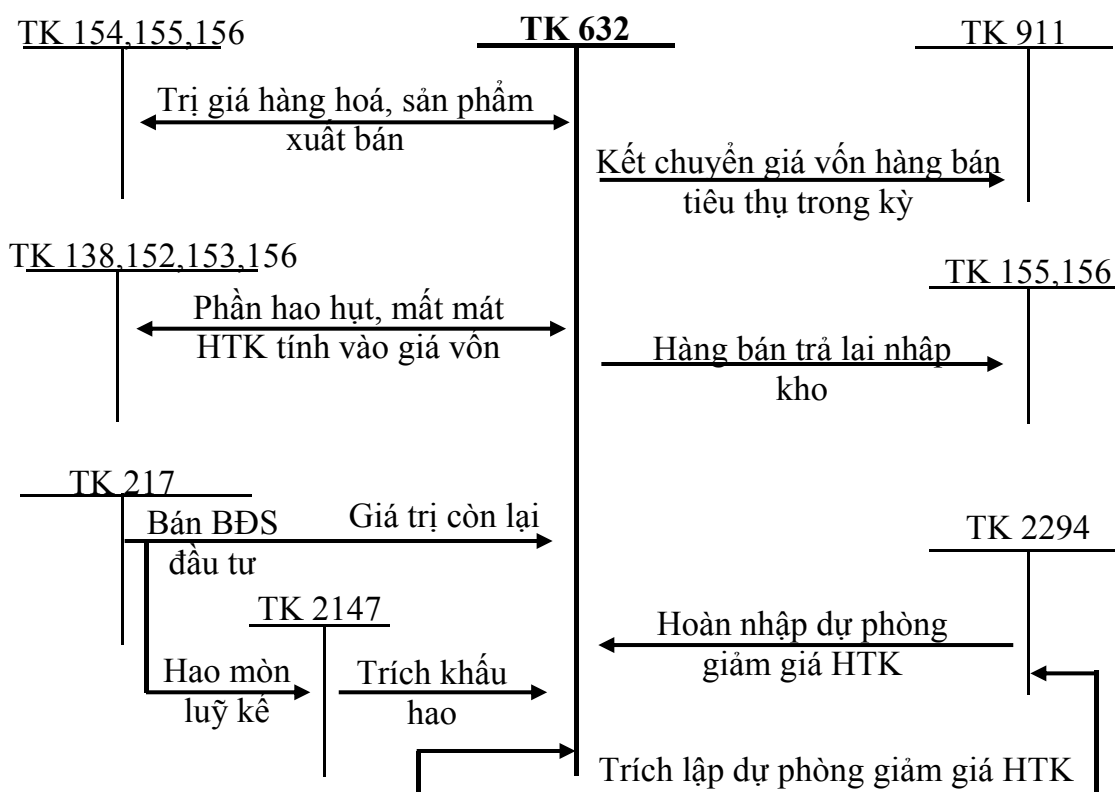
TK 632

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911. - Trị giá hàng bán bị trả lại. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
---	--

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

e) *Phương pháp hạch toán*

- **Trường hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên:**



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên

- Trường hợp theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ

1.3.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a) Khái niệm

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như: chi phí quảng cáo, vận chuyển, bảo quản, đóng gói, hoa hồng bán hàng, tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ, dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí phục vụ cho hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp như: tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý, chi phí văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ CCDC, TSCĐ và các chứng từ có liên quan khác...
- ❖ Sổ sách sử dụng
 - Sổ chi tiết TK 642
 - Sổ Cái TK 642
 - Các loại sổ tổng hợp khác tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng như: Sổ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ, nhật ký sổ cái.

c) Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh”

+ Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

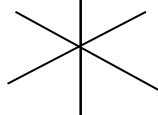
TK 6421: Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ trong kỳ của DN.

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

- Kết cấu TK 642:

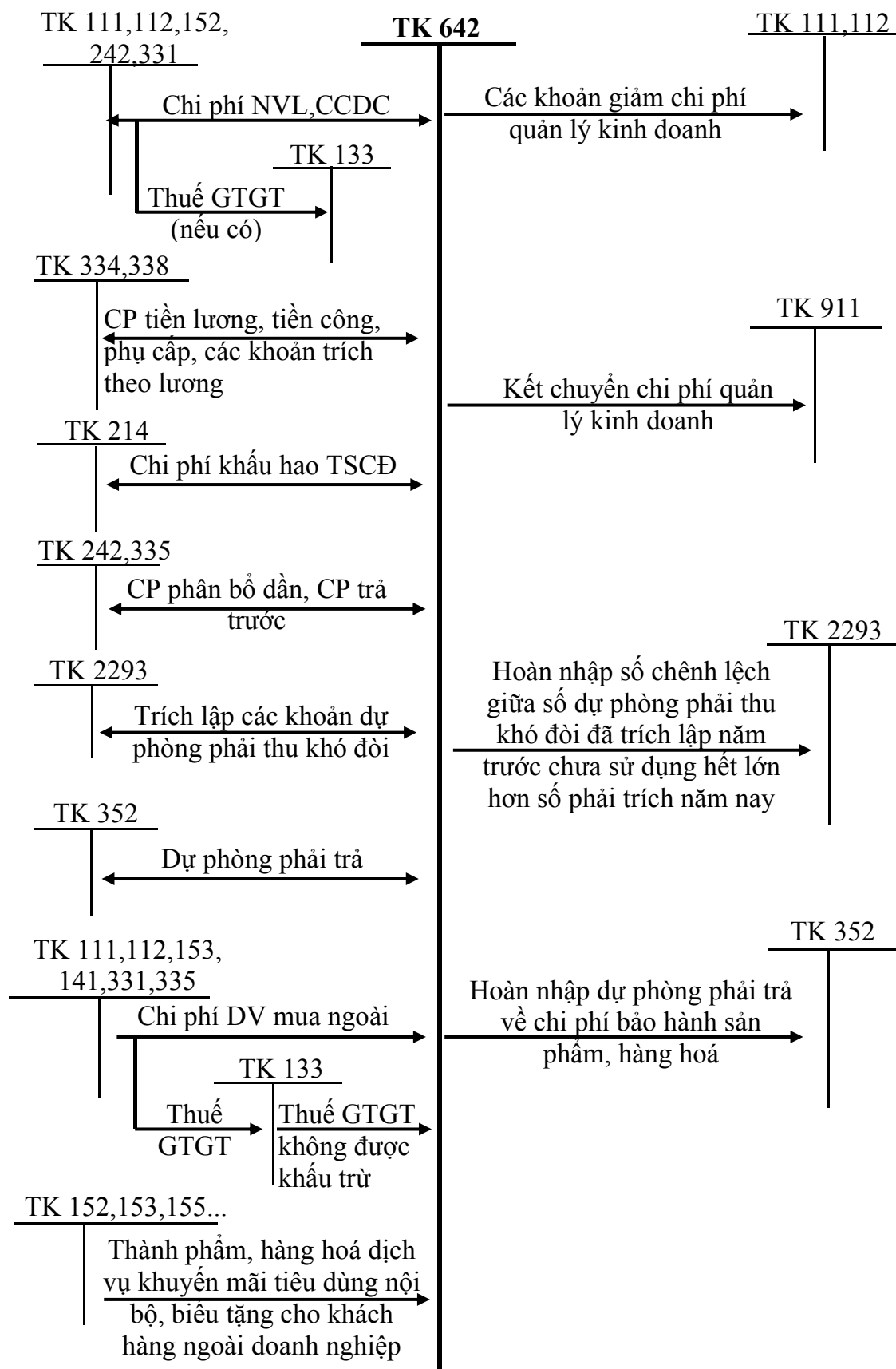
TK 642

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
---	---



Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3 Kế toán chi phí tài chính

a) Khái niệm

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí tài chính là tất cả các chi phí có liên quan đến hoạt động tài chính trong kỳ bao gồm các khoản sau: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; Chiết khấu thanh toán cho người mua; chi phí giao dịch bán chứng khoán; Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; và các khoản chi phí tài chính khác...

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi và các chứng từ có liên quan khác...

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 635
- Sổ Cái TK 635
- Các loại sổ tổng hợp khác tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng như: Sổ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ, nhật ký sổ cái.

c) Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”: tài khoản này phản ánh những khoản chi phí tài chính như chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh.
- Kết cấu tài khoản 635:

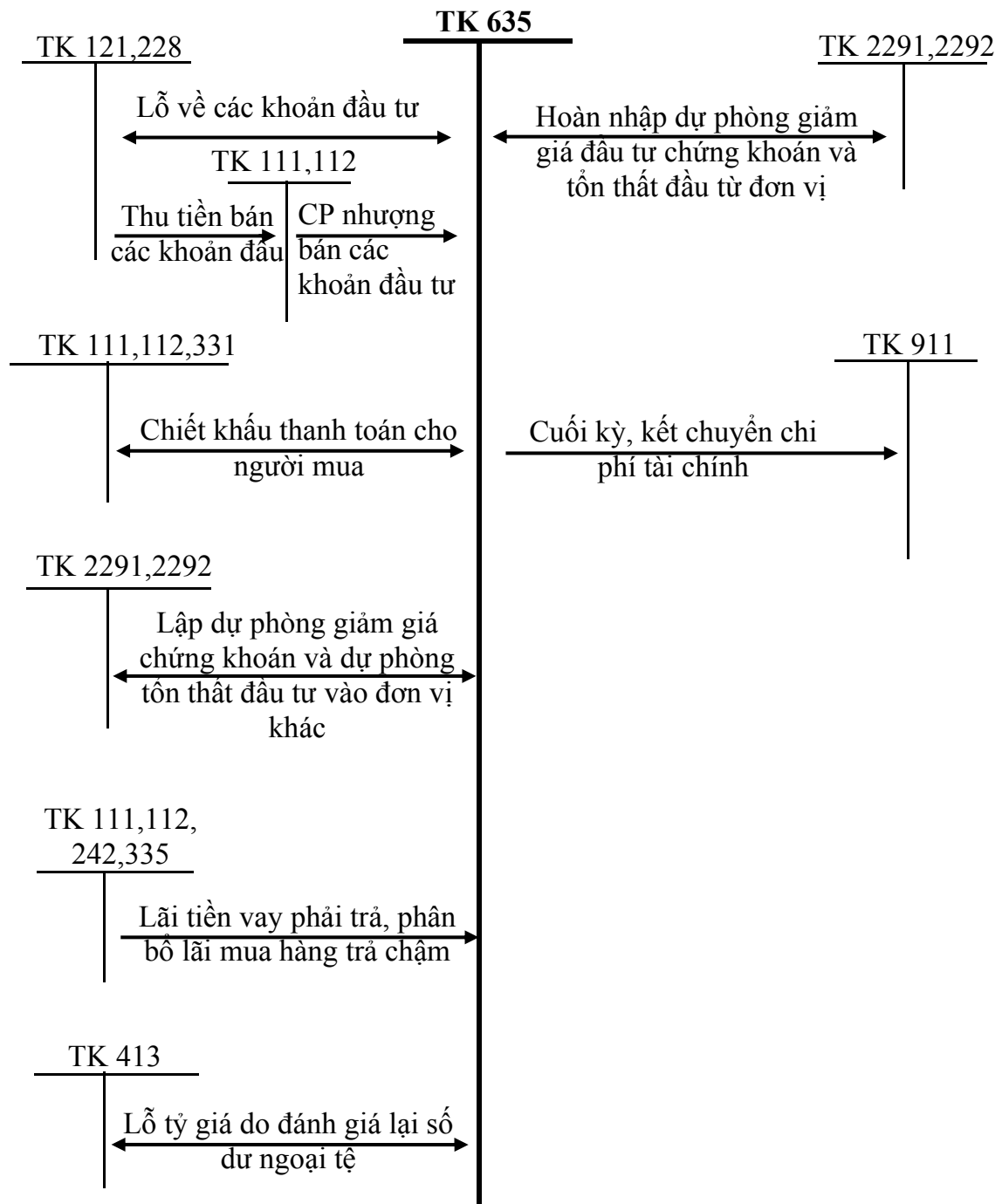
TK 635

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).	- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.
	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.



Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.3.4 Kế toán chi phí khác

a) Khái niệm

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như các khoản bị phạt khi truy thu thuế, bị phạt do vi phạm hợp đồng, nộp chậm thuế,... Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt

động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

+ Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác KD nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.

+ Giá trị còn lại của tài sản cố định bị phá dỡ;

+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (nếu có).

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.

+ Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.

+ Các khoản chi phí khác.

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT

- Biên bản thanh lý, nhượng bán

- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

- Các chứng từ có liên quan khác...

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 811

- Sổ Cái TK 811

- Các loại sổ tổng hợp khác tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng như: Sổ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ, nhật ký sổ cái.

c) Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811 - “Chi phí khác”: tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

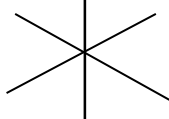
- Tài khoản này không có tài khoản cấp 2.

- Kết cấu tài khoản 811:

TK 811

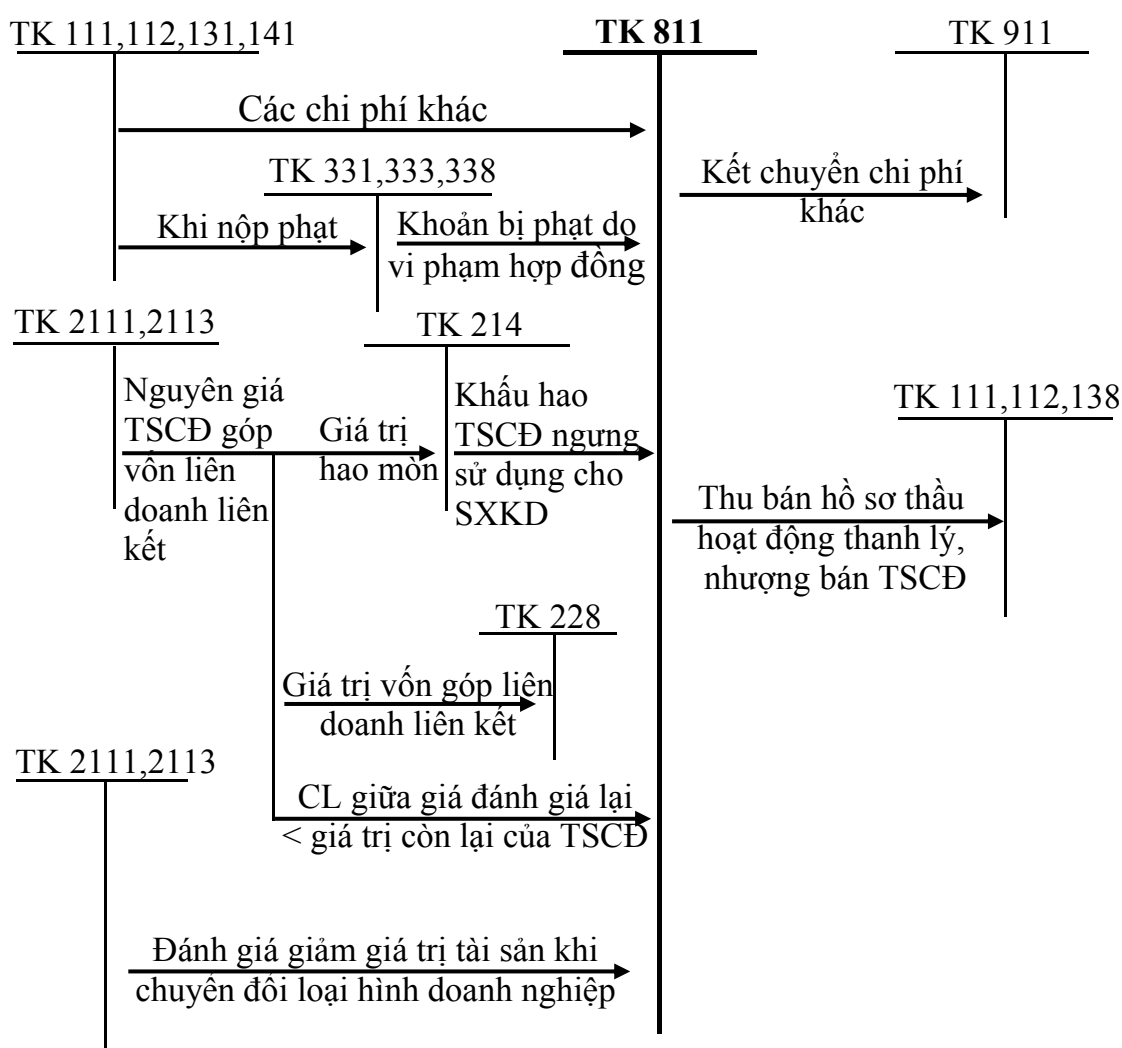
- Các khoản chi phí khác phát sinh.

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”



Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Khái niệm

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

b) Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế 03/TNDN

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 821
- Sổ Cái TK 821

- Các loại sổ tổng hợp khác tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng như: Sổ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ, nhật ký sổ cái.

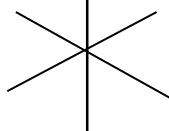
c) Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”: tài khoản phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Kết cấu tài khoản 821:

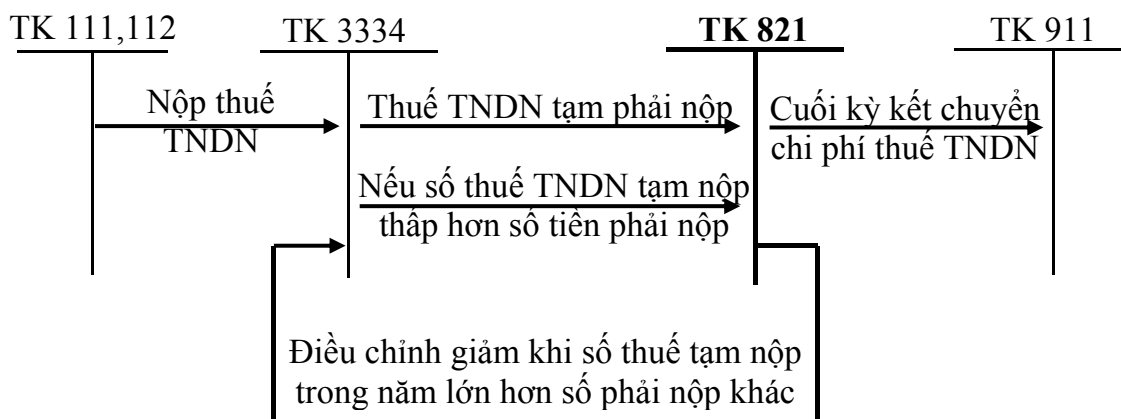
TK 821

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.	- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
--	---



Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a) Khái niệm

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Đây là kết quả cuối cùng về các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- + Lợi nhuận gộp là phần chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán:

$$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

- + Lợi nhuận thuần từ HĐKD là phần lợi nhuận còn lại sau khi cộng doanh thu tài chính và trừ các chi phí tài chính:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ HĐKD} = \text{Lợi nhuận gộp} + \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC} - \text{Chi phí QLKD}$$

- + Lợi nhuận khác là kết quả chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- + Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác:

$$\text{Tổng lợi nhuận KTTT} = \text{Lợi nhuận từ HĐKD} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp:

$$\text{CP thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận KTTT} - \text{CP thuế TNDN}$$

b) Tài khoản sử dụng

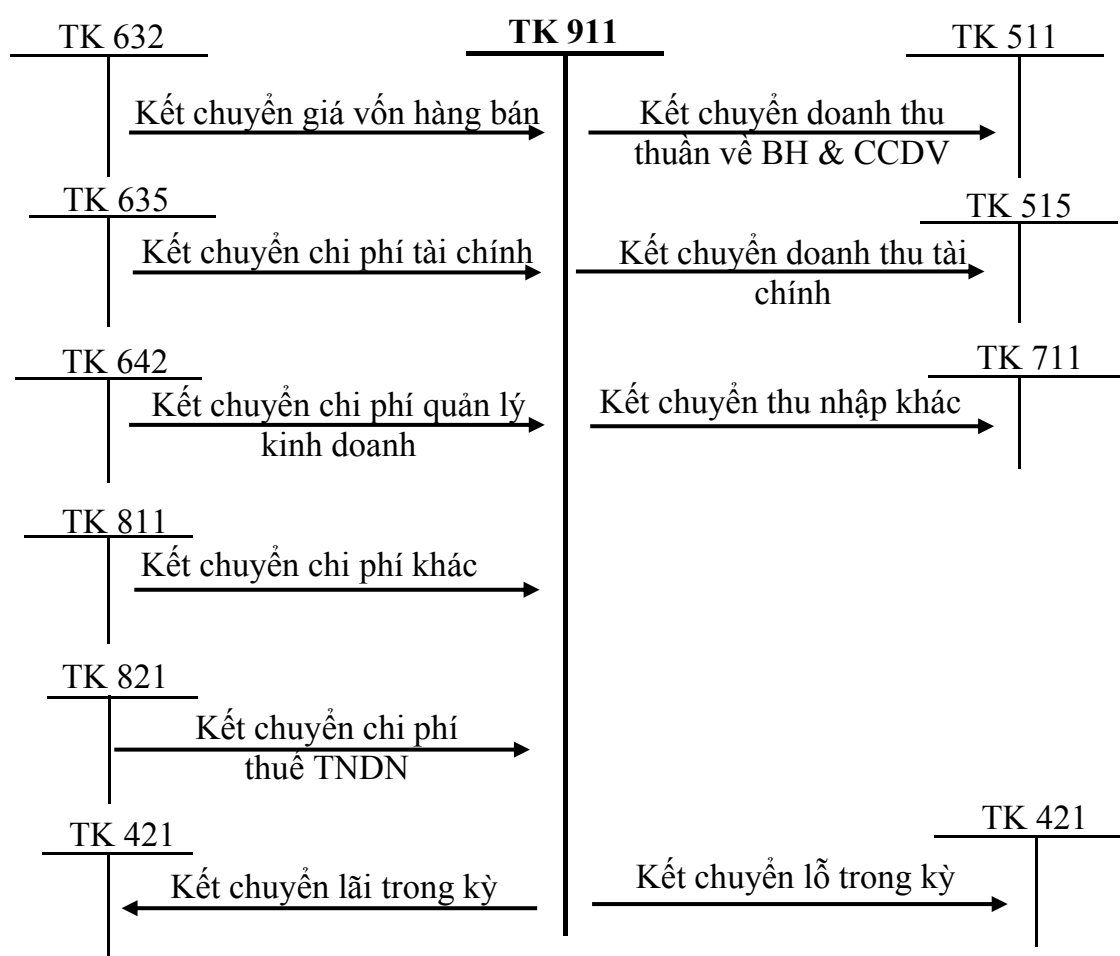
Theo thông tư 133/TT/BTC, tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”: tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

- Kết cấu tài khoản 911: **TK 911**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.	- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế TNDN.
- Chi phí quản lý kinh doanh.	- Kết chuyển lỗ.
- Kết chuyển lãi.	

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN

2.1 Giới thiệu về công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân

2.1.1 Thông tin khái quát về Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN

Mã số thuế: 3101109591

Địa chỉ Thuế: Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Địa chỉ: Thôn Trung Thiện, Xã Dương Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Tình trạng: Đang hoạt động

Người đại diện: Bùi Văn Hoành

Điện thoại: 0396 055 506

Ngày hoạt động: 25/11/2021

Quản lý bởi: Thuế cơ sở 5 tỉnh Quảng Trị

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước.

Ngành nghề chính: Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại vật liệu xây dựng, với mặt hàng chủ yếu là tôn, thép và các sản phẩm khác cho xây dựng dân dụng và công nghiệp. Công ty được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam, có tư cách pháp nhân.

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân được thành lập năm 2021 nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về vật liệu xây dựng, đặc biệt là các sản phẩm tôn và thép phục vụ cho xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng. Ngay từ khi đi vào hoạt động, công ty đã định hướng phát triển theo mô hình doanh nghiệp thương mại, tập trung vào khâu phân phối, cung ứng hàng hoá cho thị trường.

Trong giai đoạn đầu thành lập, quy mô hoạt động của công ty còn tương đối nhỏ, chủ yếu phục vụ khách hàng trong khu vực lân cận. Cùng với sự phát triển của hoạt động kinh doanh, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân không ngừng đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, kho bãi, phương tiện vận chuyển cũng như nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự. Công tác quản lý, đặc biệt là quản lý tài chính - kế toán, ngày càng được quan tâm nhằm kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý của ban lãnh đạo. Đến nay, công ty đã xây dựng được vị thế nhất định trên thị trường vật liệu xây dựng, tạo được lòng tin với khách

hàng và đối tác. Đây là nền tảng quan trọng để công ty tiếp tục ổn định hoạt động và hướng tới phát triển bền vững trong thời gian tới.

2.1.3 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty

Loại hình pháp lý: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

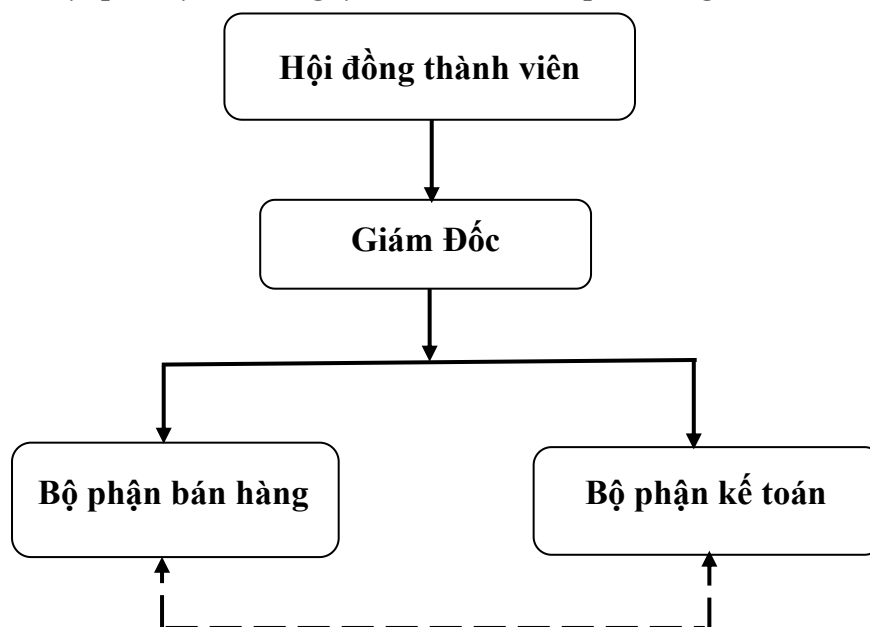
Lĩnh vực kinh doanh: Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân có ngành nghề chính là buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Đặc điểm hàng hoá là các mặt hàng tôn, thép có tính chất cồng kềnh, khối lượng lớn, khó bảo quản và vận chuyển, đòi hỏi doanh nghiệp phải có hệ thống kho bãi phù hợp, được bố trí khoa học nhằm thuận tiện cho việc nhập - xuất - tồn. Đồng thời, việc vận chuyển hàng hoá thường được thực hiện bằng phương tiện chuyên dụng như xe tải để đảm bảo an toàn và đúng tiến độ giao hàng cho khách.

Công ty chủ yếu nhập từ các nhà sản xuất hoặc nhà phân phối lớn, đảm bảo về chất lượng cũng như tiêu chuẩn kỹ thuật và áp dụng đa dạng các phương thức tiêu thụ như bán buôn qua kho, bán lẻ trực tiếp và giao hàng tận nơi cho khách hàng. Đối tượng khách hàng chủ yếu là các nhà thầu xây dựng, các cửa hàng vật liệu xây dựng và khách hàng cá nhân. Công ty cũng áp dụng linh hoạt các phương thức thanh toán.

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

a) Sơ đồ bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy của công ty

Ghi chú:  Quan hệ chỉ đạo
 Quan hệ hỗ trợ

b) Chức năng, nhiệm vụ

Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân được tổ chức theo mô hình gọn nhẹ, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp thương mại.

❖ **Hội đồng thành viên**

Hội đồng thành viên có chức năng định hướng, quản lý toàn bộ hoạt động doanh nghiệp và thực hiện kiểm soát quá trình đối với bộ máy điều hành. Có nhiệm vụ đưa ra các quyết định quan trọng về chiến lược kinh doanh, tài chính, tăng giảm vốn điều lệ,.. đảm bảo sự quản lý hiệu quả, đúng đắn và minh bạch trong hoạt động của công ty.

❖ **Giám đốc**

Đứng đầu công ty là Giám đốc, là người có vị trí, quyền hành cao nhất trong công ty, là người đại diện cho công ty, chịu trách nhiệm về hoạt động của công ty đối với Nhà nước, các bên đối tác về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, ký kết các hợp đồng.

Giám đốc là người có trách nhiệm điều hành giám sát, quản lý, tổ chức và phối hợp các phòng ban, theo dõi hoạt động hằng ngày của toàn doanh nghiệp.

❖ **Bộ phận kế toán**

Phòng kế toán thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực tài chính của công ty. Do đặc điểm quy mô doanh nghiệp vừa và nhỏ nên chỉ có một kế toán.

- Giám sát, tham mưu các nghiệp vụ tài chính cho Giám đốc.
- Quản lý chặt chẽ các nguồn vốn và tài sản
- Lập kế hoạch tài chính theo từng tháng, quý, năm cho công ty.
- Ghi chép và hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại đơn vị kịp thời, đầy đủ đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với quy định Nhà nước, của công ty.
- Tính và trả lương cho nhân viên công ty.
- Tính các khoản bảo hiểm, các khoản thưởng phạt cho nhân viên.

❖ **Bộ phận bán hàng**

Bộ phận hàng bán hàng chịu trách nhiệm các công việc liên quan đến lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm của công ty và có 2 nhân viên bán hàng.

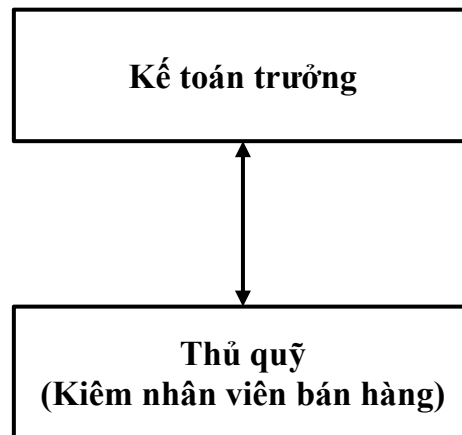
- Thực hiện việc mua bán, giao dịch với khách hàng.
- Nghiên cứu thị trường, lên kế hoạch kinh doanh, xây dựng các chiến lược quảng bá hình ảnh công ty, quảng bá sản phẩm, phát triển công ty;
- Thiết lập mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp.

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức kế toán tập trung. Theo hình thức này, công ty tổ chức một phòng kế toán duy nhất làm nhiệm vụ hạch toán chi tiết và tổng hợp.

Do đặc điểm quy mô doanh nghiệp thuộc loại nhỏ nên phòng kế toán chỉ bao gồm một kế toán và một thủ quỹ.

a) Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty

Ghi chú: $\longleftrightarrow$ Quan hệ chỉ đạo

b) Chức năng, nhiệm vụ

Kế toán trưởng: Đảm nhiệm tất cả nhiệm vụ của kế toán công ty, cụ thể như sau:

- Kế toán tại công ty thực hiện lập và xử lý các chứng từ kế toán như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng lương, bảng tính khấu hao TSCĐ,... Đồng thời, kế toán sử dụng phần mềm MISA để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nhập xuất hàng hóa và tính giá vốn hàng bán.

- Bên cạnh đó, kế toán còn thực hiện kiểm tra, giám sát các khoản thu chi, công nợ, tài sản và nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp; thực hiện kê khai các loại thuế theo quy định. Cuối kỳ, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu và lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế nhằm đảm bảo thông tin kế toán chính xác và đầy đủ.

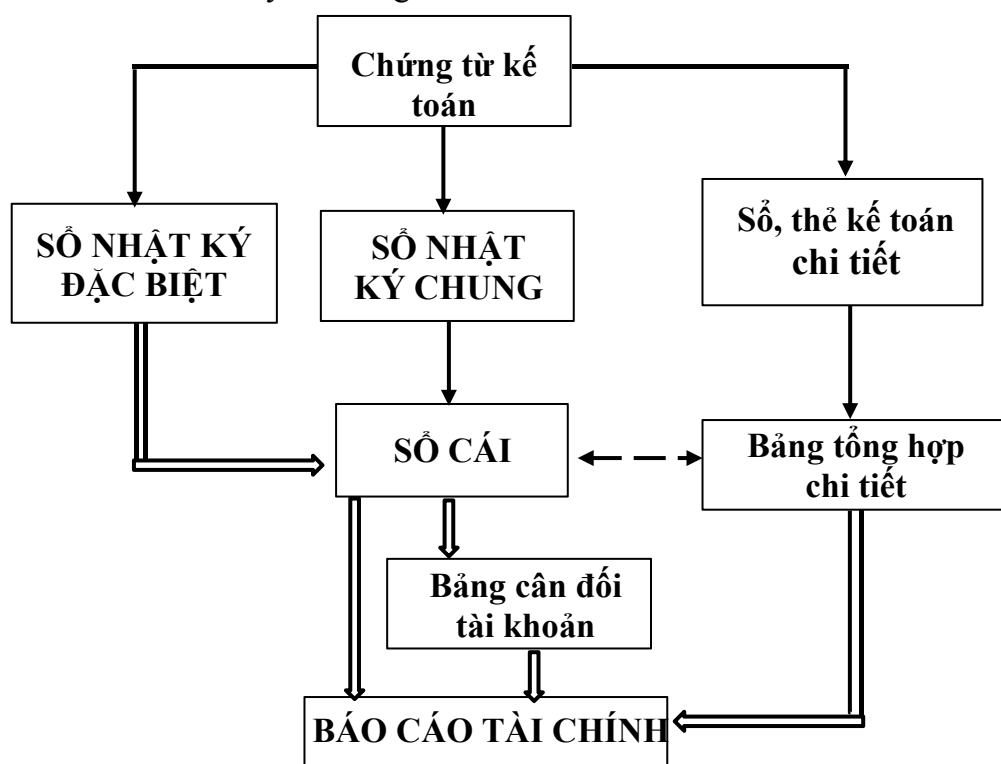
Thủ quỹ: Là người quản lý tiền mặt của công ty, chịu trách nhiệm thu, chi, bảo quản tiền mặt và kiểm kê hằng ngày, đối chiếu với kế toán về thu, chi, tồn quỹ. Thủ quỹ chỉ được phép chi tiền khi có chứng từ hợp lệ và có chữ ký của kế toán trưởng và giám đốc.

2.1.6 Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và tiến hành ghi sổ kế toán

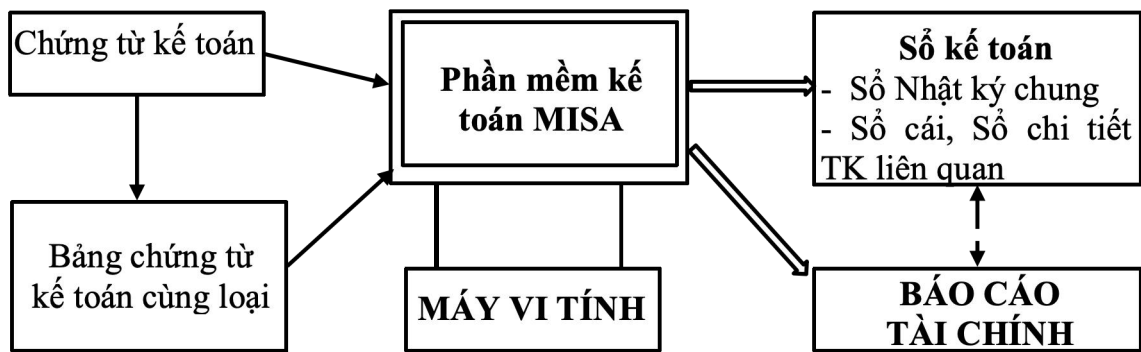
thông qua phần mềm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán được xử lý trên phần mềm MISA. Đối với kế toán, việc áp dụng phần mềm vào công việc giúp cho công việc của kế toán trở nên đơn giản và được giảm đi đáng kể khối lượng công việc, xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác hơn. Về phần mềm, kế toán chỉ cần thao tác khai báo chính xác số liệu ban đầu và khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ chỉ cần nhập liệu chính xác vào phần mềm đúng nội dung, đối tượng, tài khoản, số liệu,... như trên chứng từ gốc. Sau khi hoàn tất công việc nhập liệu chính xác và lưu chứng từ, phần mềm kế toán sẽ tự động xử lý, cập nhật số liệu vào các sổ liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ Cái TK và sổ chi tiết tài khoản.

- Đặc điểm của ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian, nội dung và định khoản kế toán nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu ở Nhật ký chung để ghi sổ Cái theo từng nghiệp vụ.
- Ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung gồm có các sổ: Sổ Nhật ký chung; Sổ Cái; Sổ chi tiết tài khoản; Sổ nhật ký đặc biệt.
- Trình tự luân chuyển chứng từ:



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú:
 → Ghi hằng ngày
 ↔ Đối chiếu, kiểm tra
 ==> Ghi cuối kỳ



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy

Ghi chú:
 → Ghi hằng ngày
 ↔ Đối chiếu, kiểm tra
 ⇨ Ghi định kỳ

❖ Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA

❖ Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm MISA:

Hằng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT để lập chứng từ và nhập liệu trực tiếp trên phần mềm MISA. Trước khi ghi nhận nghiệp vụ, kế toán kiểm tra đầy đủ các thông tin như tên khách hàng, mã số thuế, mã hàng, giá bán, thuế GTGT và hình thức thanh toán nhằm đảm bảo tính chính xác của dữ liệu.

Sau khi chứng từ được ghi sổ, phần mềm tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái và sổ chi tiết tài khoản một cách đồng thời, liên thông, giúp hạn chế sai sót và đảm bảo tính thống nhất giữa số liệu tổng hợp và chi tiết.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán. Phần mềm cho phép rà soát, chỉnh sửa và bổ sung chứng từ trước khi khóa sổ nhằm đảm bảo thông tin kế toán chính xác và đầy đủ.

❖ Quy trình kết xuất và in sổ trên phần mềm MISA:

Sau khi hoàn thành công việc nhập liệu và xử lý dữ liệu trên phần mềm Misa, kế toán tiến hành in các sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung in ra giấy, bao gồm Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK, và sổ chi tiết tài khoản. Công ty không thực hiện in Sổ Nhật ký đặc biệt, do công ty không thực hiện mở sổ Nhật ký đặc biệt.

Trên cơ sở số liệu đã được cập nhật đầy đủ và chính xác vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái và các sổ chi tiết. Kế toán chọn phân hệ “Báo cáo” → “Tổng hợp”, sau đó chọn Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái và sổ chi tiết tài khoản → Kích chọn “Xem báo cáo” để xem hoặc chọn “Excel” xuất ra file excel để in sổ.

2.1.7 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

- Chế độ kế toán của công ty đang áp dụng: Chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (VND).
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân cuối kỳ (cuối năm)
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Hệ thống sổ áp dụng: Các sổ và thẻ kế toán chi tiết: sổ chi tiết bán hàng, sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản, các bảng kê,... hệ thống báo cáo kế toán đầy đủ kết hợp với việc đưa hệ thống máy vi tính vào công tác kế toán.

2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân

2.2.1 Đặc điểm hàng hoá, tổ chức kinh doanh tại công ty

Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân có ngành nghề chính là buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Là doanh nghiệp thương mại, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực mua bán tôn, thép và các loại vật liệu xây dựng. Vì vậy, doanh thu hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của công ty và có vai trò quan trọng trong việc xác định kết quả kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh tại công ty chủ yếu phát sinh dưới hình thức bán buôn cho các cửa hàng vật liệu xây dựng, nhà thầu công trình và bán lẻ cho khách hàng cá nhân. Việc thanh toán có thể thực hiện bằng tiền mặt, chuyển khoản. Doanh thu được ghi nhận khi quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và công ty không còn nắm giữ quyền quản lý, kiểm soát hàng hóa.

Tôn là nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân. Tôn được sử dụng phổ biến trong việc lợp mái, làm vách ngăn cho nhà ở, nhà xưởng, kho bãi và các công trình tạm. Đặc biệt, các loại tôn như tôn mạ kẽm, tôn màu và tôn cách nhiệt có khả năng chống ăn mòn, chống nóng,... Với những ưu điểm vượt trội này, tôn trở thành vật liệu không thể thiếu trong xây dựng.

Thép xây dựng cũng là mặt hàng kinh doanh quan trọng của công ty. Thép được sử dụng làm kết cấu chịu lực chính cho các công trình như nhà ở, nhà xưởng, kho bãi và các công trình hạ tầng. Các sản phẩm thép kinh doanh tại công ty có đặc điểm nổi bật là độ bền cơ học cao, khả năng chịu lực tốt và tính ổn định lớn, đáp ứng yêu cầu an toàn trong thi công. Ngoài ra, thép có nhiều chủng loại và quy cách khác nhau giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn phù hợp với nhu cầu sử dụng.

Ngoài hai sản phẩm chính nêu trên, công ty cũng kinh doanh một số vật liệu xây dựng khác phục vụ cho quá trình hoàn thiện và lắp đặt khác như gỗ ván ép, vít, que hàn,... Các vật liệu này thường mang tính phụ trợ, nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính đồng bộ và chất lượng thi công.

2.2.2 Phương thức bán hàng

- Hiện nay, công ty sử dụng nhiều phương thức bán hàng khác nhau như: buôn bán qua kho, bán lẻ.

Phương thức buôn bán qua kho: là hình thức giao hàng trực tiếp cho khách hàng. Trong đó, hàng hóa được xuất từ kho của công ty để chuyển đến cho người mua sau khi hoàn tất các thủ tục bán hàng. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về việc bảo quản, xuất kho và vận chuyển hàng hoá đến địa điểm đã thoả thuận với khách hàng.

Phương thức bán lẻ: với hình thức này, cuối ngày nhân viên bán hàng sẽ căn cứ vào số lượng bán ra trong ngày và báo cáo lên cho kế toán làm căn cứ để xác định doanh thu và thuế GTGT phải nộp của mặt hàng hoá dịch vụ bán ra. Hình thức thanh toán tiền hàng chủ yếu là tiền mặt.

2.2.3 Phương thức thanh toán

Phương thức bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, đây là hình thức chủ yếu khi bán lẻ cho khách hàng. Phương thức này giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh tình trạng phát sinh công nợ.

Phương thức thanh toán trả chậm, áp dụng cho những khách hàng đã ký hợp đồng hoặc thường xuyên mua hàng với số lượng lớn. Căn cứ vào thoả thuận, khách hàng sẽ thanh toán sau thời điểm nhận hàng là 30 ngày, 60 ngày,... có thể thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản.

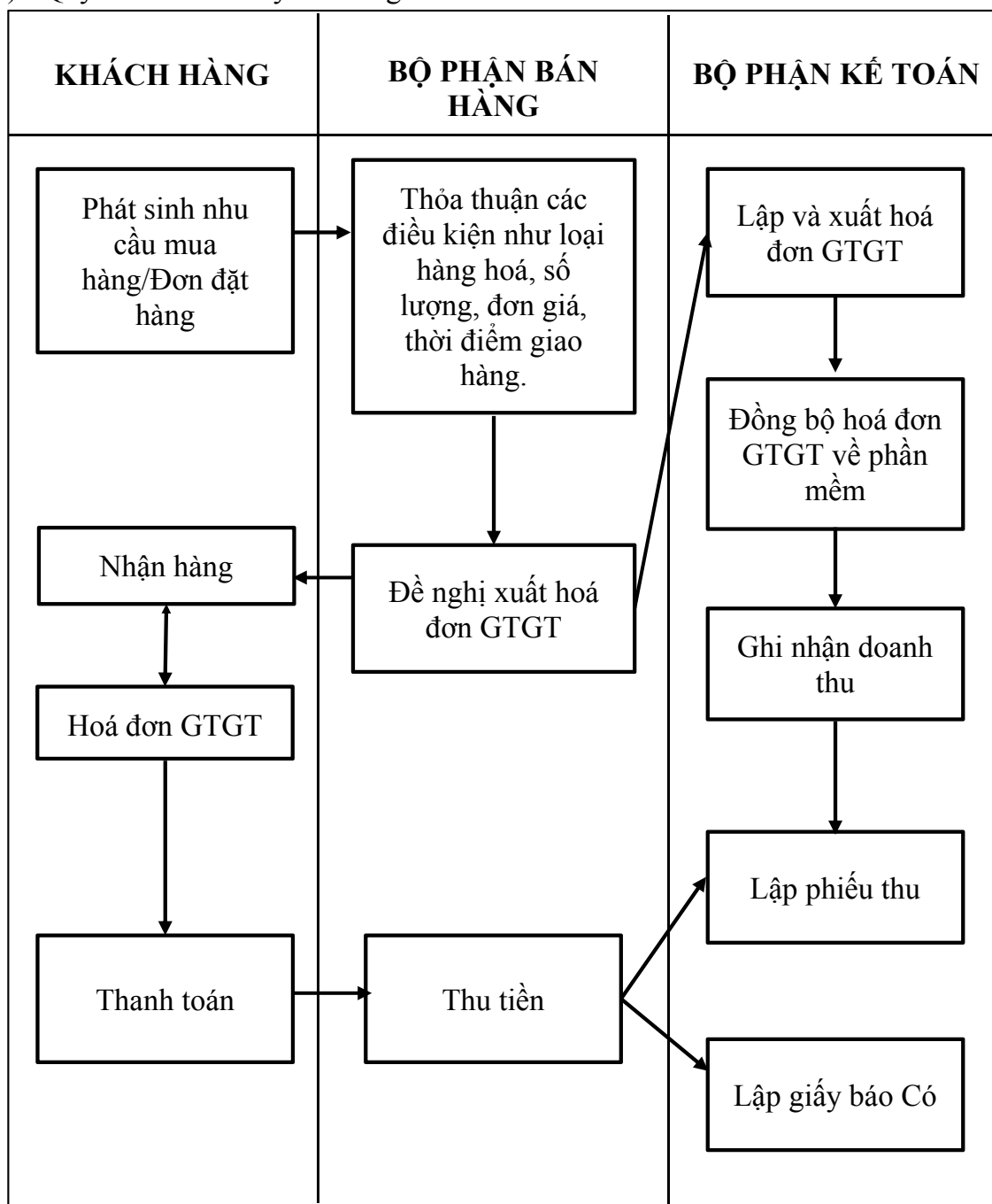
Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản là hình thức khách hàng chuyển tiền từ tài khoản cá nhân sang tài khoản doanh nghiệp và phải trả phí ngân hàng. Sau khi giao hàng, người mua thực hiện chuyển khoản, ngân hàng đóng vai trò trung gian xử lý và xác nhận giao dịch. Số tiền thanh toán được ghi nhận dưới dạng số dư trên tài khoản.

2.3 Kế toán doanh thu và thu nhập

2.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- a) Tài khoản sử dụng: TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
 - + TK 5111: “Doanh thu bán hàng hoá” tài khoản này dùng để ghi nhận doanh thu các mặt hàng tôn, thép, ván gỗ và một số mặt hàng khác.
 - + TK 5113: “Doanh thu cung cấp dịch vụ”. để theo dõi riêng biệt các khoản doanh thu phát sinh theo hợp đồng nguyên tắc.

- b) Chứng từ sử dụng: Hoá đơn GTGT (kèm theo phiếu thu, phiếu xuất kho,...)
- c) Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 511, Sổ chi tiết TK 511, Sổ Nhật ký chung.
- d) Quy trình luân chuyển chứng từ:



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại công ty

Quy trình luân chuyển chứng từ trong hoạt động bán hàng tại công ty được thể hiện qua ba bộ phận chính: khách hàng, bộ phận bán hàng và bộ phận kế toán.

Hình thức thanh toán tại công ty chấp nhận mọi hình thức thanh toán: chuyển khoản, tiền mặt,... trong thời gian đã thỏa thuận. Ngoài ra, công ty cũng áp dụng

e) Các nghiệp vụ minh hoa:

Kế toán dựa theo hoá đơn GTGT số 00000029, đề hạch toán doanh thu bán hàng lên phần mềm kế toán MISA:

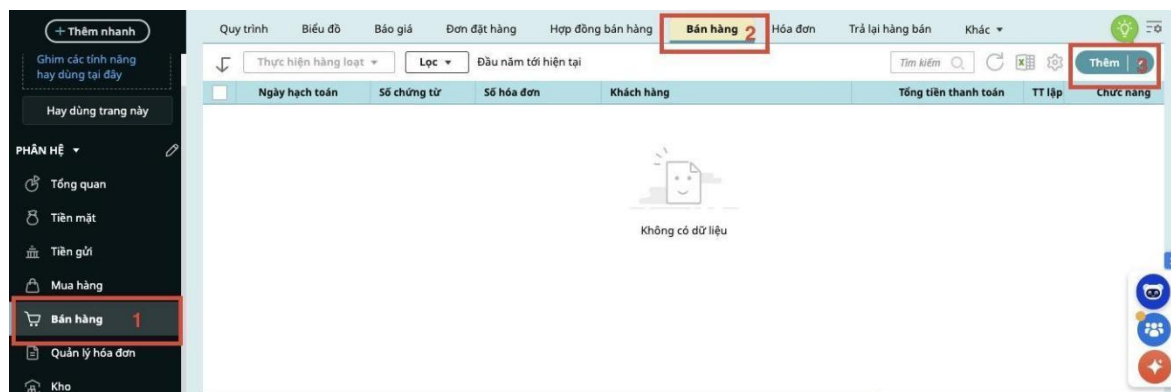
Bảng 2.1: Hoá đơn GTGT số 00000029 ngày 19/02/2025

Căn cứ hoá đơn GTGT số 00000029, mẫu số 1, ký hiệu C25TTX, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán. Trình tự nhập số liệu như sau:

Bước 1: Vào phân hệ “Bán hàng”

Bước 2: Giao diện phần mềm sẽ hiện các thanh công cụ như hình minh hoạ, sau đó chọn bấm “Bán hàng”

Bước 3: Bấm “Thêm” để nhập hóa đơn.



Hình 2.1: Giao diện trước khi hạch toán

Chứng từ bán hàng PT00005 1. Bán hàng hóa trong nước Nhập số phiếu xuất Hướng dẫn sử dụng

☐ Chưa thu tiền ☒ Thu tiền ngay Tiền mặt ☒ Kiểm phiếu xuất ☒ Lập kèm hóa đơn **ĐĂNG LẬP HÓA ĐƠN**

Phiếu thu | Phiếu xuất | Hóa đơn

Mã khách hàng: KH00006-09 Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT Ngày hạch toán: 30/03/2026 09:18:27 Tổng tiền thanh toán: **19.019.000**

Người nộp: Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, thôn Xuân Hội, Xã Lệ Thủy, Quảng Trị Ngày phiếu thu: 19/02/2025

Nhân viên bán hàng: Lý do nộp: Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT Kèm theo: Số lượng Chứng từ gốc: Sô phiếu thu: PT00005

Tham chiếu: ...

Hàng	Tên hàng	Chiết khấu thương mại	TK tiền	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng
1	THÉP HỘP MẠ KẼM		1111	5111	kg	950,0000

Tổng số: 1 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Thêm đóng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Số đơn hàng từ hệ thống khác Sản phẩm thương mại điện tử Tên shop

Mã cửa hàng Tên cửa hàng

Địa điểm giao hàng

Hủy ☒ Hiện thị tài khoản **Cất** Cất và In

Hình 2.2: Giao diện hạch toán HĐ 00000029

Nghiệp vụ 2: Ngày 26/09/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân xuất bán thép dày mạ lạnh cho Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Xuân Giang theo HĐ số 00000161, thuế suất 10%, khách hàng thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

Trên phần mềm MISA, kế toán thực hiện xuất hoá đơn điện tử tại phân hệ “Bán hàng”. Căn cứ vào chứng từ bán hàng đã ghi sổ, kế toán tiến hành phát hành hoá đơn, ký và gửi hoá đơn cho khách hàng theo đúng quy định của cơ quan thuế.

Kế toán dựa theo hoá đơn GTGT số 00000161, để hạch toán doanh thu bán hàng lên phần mềm kế toán MISA:

TX		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: 1C25TTY			
		Ngày 26 tháng 09 năm 2025		Số: 00000161			
		Mã CQT: 00029B576CB2B943FAB1E11560EABEF25F					
CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN							
Mã số thuế: 3101109591							
Địa chỉ: Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ Tĩnh Quảng Trị, Việt Nam							
Điện thoại: 0396055506							
Số tài khoản: 113604775888 - Vietinbank							
Họ tên người mua hàng:							
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG							
MST/CCCD chủ hộ: 3100384690							
MSĐVCQHVNS:							
Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Giang, Xã Lệ Thủy, Quảng Trị, Việt Nam							
CCCD người mua:							
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản							
Số tài khoản:							
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Thép dây mạ lạnh AZ150 phủ AF: 1.90mmx165mm G350	kg	2.199,41	18.600,03	40.909.091	10%	4.090.909
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Không kê khai thuế GTGT:							
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:							
Thuế suất 8%:							
Thuế suất 10%:		40.909.091		4.090.909		45.000.000	
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		40.909.091		4.090.909		45.000.000	
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn.							
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có))				Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)			
				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN Ký ngày: 26/09/2025			
Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: LJVTA4N5V_W							
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)							
Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150							

Bảng 2.2: Hoá đơn GTGT số 00000161 ngày 26/09/2025

Căn cứ vào hoá đơn kế toán nhập đầy đủ thông tin số liệu vào phần mềm, sau đó bấm “Cất” → “Ghi sổ”. Ngay tại thời điểm đó, phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin đồng thời vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết tài khoản.

Bảng 2.3: Hoá đơn GTGT số 00000681 ngày 20/07/2025

Nghiệp vụ 4: Ngày 05/04/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân tiến hành xuất hóa đơn để thu lại phí bảo lãnh ngân hàng theo hợp đồng nguyên tắc số 44/HĐNT/2024 ngày 08/01/2024 theo HĐ số 00000087, KCT, khách hàng chưa thanh toán.

[illegible]

39

Kế toán tiến hành nhập liệu số liệu vào phần mềm kế toán tương tự các nghiệp vụ 1,2,3. **(Xem chi tiết tại phụ lục 02)**

Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số 44 **(Xem chi tiết tại phụ lục 08)** ký kết với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán trả chậm theo thỏa thuận, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân đã thực hiện thủ tục đề nghị ngân hàng phát hành thư bảo lãnh nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán trong quá trình mua hàng. Trong trường hợp này, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen là bên nhận bảo lãnh. Khi ngân hàng phát hành thư bảo lãnh, công ty sẽ thanh toán khoản phí bảo lãnh cho ngân hàng. Sau khi hoàn tất thanh toán tiền hàng cho bên bán, công ty tiến hành xuất hóa đơn để thu lại khoản phí bảo lãnh đã chi trả trước đó theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do khoản thu này liên quan đến dịch vụ đi kèm hoạt động bán hàng nên công ty hạch toán vào TK 5113 - “Doanh thu cung cấp dịch vụ” để theo dõi riêng biệt.

➤ Căn cứ vào hoá đơn bán hàng 00000029, 00000161, 00000681 và 00000087 đã lập, kế toán tiến hành nhập liệu nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm kế toán. Phần mềm sẽ tự động ghi nhận các nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung. Từ đó, số liệu được tự động cập nhật chuyển sang Sổ Cái TK 511. Đồng thời, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được tổng hợp và theo dõi chi tiết trên Sổ chi tiết tài khoản 511, 5113.

Ký báo cáo *

Năm nay

Từ ngày

01/01/2025

Đến ngày

31/12/2025

Loại tiền

TH

☐ Chọn tất cả tài khoản 2 tài khoản được chọn

511

Bậc

☐	Số tài khoản	Tên tài khoản	Bậc
☐	511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1
☒	5111	Doanh thu bán hàng hóa	2
☐	5112	Doanh thu bán các thành phẩm	
☒	5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	
☐	5114	Doanh thu trợ cấp, trợ giá	
☐	5117	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	
☐	5118	Doanh thu khác	

Tổng số: 7 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước 1 Sau

☐ Cộng gộp các bút toán giống nhau

Hủy

Xóa điều kiện

Xem báo cáo

Hình 2.3: Giao diện vào xem sổ chi tiết TK 5111,5113

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5111, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	CP không hợp lý
Tài khoản: 5111					38.937.986.060	38.937.986.060			
06/01/2025	06/01/2025	22BH206	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC THÁI theo hóa đơn 00000001	131	0	55.630.918	0	55.630.918	
13/02/2025	13/02/2025	25PT0030	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG GIÁO DỤC DUY ANH theo hóa đơn 00000028	1111	0	17.420.000	0	554.202.376	
19/02/2025	19/02/2025	25PT0031	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029	1111	0	17.290.000	0	571.492.376	
20/02/2025	20/02/2025	22BH211	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ SƠN TRANG theo hóa đơn 00000030	131	0	226.800.000	0	798.292.376	
26/02/2025	26/02/2025	22BH212	Bán hàng CÔNG TY TNHH MTV CHẤU THU QT theo hóa đơn 00000033	131	0	369.437.750	0	1.167.730.126	
26/02/2025	26/02/2025	25PT0033	Thu tiền bán hàng BÁN LẺ theo hóa đơn 00000031	1111	0	4.800.000	0	1.172.530.126	
20/07/2025	20/07/2025	25PT0591	Bán hàng của Nguyễn Văn Anh theo hóa đơn số 681	1111	0	10.033.290	0	21.561.829.867	
26/09/2025	26/09/2025	NTTK0963	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161	1121	0	40.909.091	0	29.597.529.470	
26/09/2025	26/09/2025	NTTK0964	Bán hàng của Phan Văn Phong theo hóa đơn số 1157	1121	0	454.545	0	29.597.984.015	
30/10/2025	30/10/2025	25PT0746	Thu tiền bán hàng A Toàn theo hóa đơn số 00000449	1111	0	2.331.482	0	32.560.035.010	
01/11/2025	01/11/2025	25PT0747	Thu tiền bán hàng Nguyễn Hữu Đông theo hóa đơn số 00000451	1111	0	22.109.091	0	32.582.144.101	
30/11/2025	30/11/2025	NTTK1523	Bán hàng Mai Thị Phương Thảo theo hóa đơn số 00000712	1121	0	1.125.455	0	34.979.375.614	
01/12/2025	01/12/2025	NTTK1525	Thu tiền bán hàng Hoàng Văn Hà theo hóa đơn số 00000713	1121	0	8.256.364	0	34.987.631.978	
30/12/2025	30/12/2025	NTTK1824	Thu tiền bán hàng C Hương theo hóa đơn số 00001010	1121	0	3.078.182	0	38.600.223.661	
30/12/2025	30/12/2025	NTTK1825	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH KHÁNH HUYỀN theo hóa đơn số 00001013	1121	0	90.909.091	0	38.691.132.752	
31/12/2025	31/12/2025	22BH459	Bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG HUYỀN CẨM XUYỀN theo hóa đơn số 00001014	131	0	195.250.000	0	38.886.382.752	
31/12/2025	31/12/2025	22BH462	Bán hàng Trường mầm non Mỹ Thủy theo hóa đơn số 00001015	131	0	7.029.798	0	38.893.412.550	
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	38.927.952.770	0	34.540.220	0	
			Cộng		38.937.986.060	38.937.986.060	0	0	
Tổng cộng					38.937.986.060	38.937.986.060			

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.5: Sổ chi tiết TK 5111

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5113, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	CP không hợp lý
Tài khoản: 5113					2.841.667	2.841.667			
05/04/2025	05/04/2025	22BH327	Bán hàng CÔNG TY CP TĐ HOA SEN-CN TỈNH QB theo hóa đơn số 00000087	131	0	2.841.667	0	6.537.361.800	
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	2.841.667	0	37.381.887	0	
			Cộng		2.841.667	2.841.667	0	0	
Tổng cộng					2.841.667	2.841.667			

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.6: Sổ chi tiết TK 5113

Để xem và kiểm tra thông tin trên sổ cái, kế toán thực hiện các thao tác như sau: Kích chọn “Tổng hợp” → “Sổ cái (Theo hình thức NKC)” chọn thời gian báo

cáo định kỳ “Năm nay” → Chọn “TK 511” → Bấm “Xem báo cáo” và Kích chọn “Excel” để xuất báo cáo. Sau khi thực hiện các bước trên phần mềm, quá trình xuất ra báo cáo như:

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
06/01/2025	22BH206	06/01/2025	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC THÁI theo hóa đơn 00000001			131		55.630.918
19/02/2025	25PT0031	19/02/2025	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029			1111		17.290.000
*****	*****	*****	*****			*****		*****
05/04/2025	22BH327	05/04/2025	Bán hàng CÔNG TY CP TB HOA SEN- CN TỈNH QB theo hóa đơn số 00000087			131		2.841.667
*****	*****	*****	*****			*****		*****
19/07/2025	NTTK0316	19/07/2025	Bán hàng của Nguyễn Thị Hằng theo hóa đơn số 678			1121		18.181.818
19/07/2025	NTTK0317	19/07/2025	Bán hàng của Lê Anh Tuấn theo hóa đơn số 679			1121		133.087.273
19/07/2025	NTTK0318	19/07/2025	Bán hàng của Nguyễn Thanh Hời theo hóa đơn số 680			1121		9.090.909
20/07/2025	22BH331	20/07/2025	Bán hàng Nguyễn Thị Thảo theo hóa đơn số 686			131		10.909.091
20/07/2025	25PT0591	20/07/2025	Bán hàng của Nguyễn Văn Anh theo hóa đơn số 681			1111		10.033.290
*****	*****	*****	*****			*****		*****
28/07/2025	25PC099	28/07/2025	Chi tiền trả lại hàng bán Nguyễn Văn Anh			1111	10.033.290	
28/07/2025	25PT0633	28/07/2025	Bán hàng của Nguyễn Văn Sơn theo hóa đơn số 785			1111		25.194.000
18/08/2025	NTTK0630	18/08/2025	Bán hàng của Nguyễn Văn Đạt theo hóa đơn số 1030			1121		2.010.909
*****	*****	*****	*****			*****		*****
26/09/2025	NTTK0963	26/09/2025	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161			1121		40.909.091
26/09/2025	NTTK0964	26/09/2025	Bán hàng của Phan Văn Phong theo hóa đơn số 1157			1121		454.545
16/12/2025	NTTK1668	16/12/2025	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH NỀN MÓNG THỊNH VƯỢNG theo hóa đơn số			1121		28.492.728
31/12/2025	NTTK1833	31/12/2025	Thu tiền bán hàng A Hoàng theo hóa đơn số 00001019			1121		7.888.182
19/12/2025	NTTK1695	19/12/2025	Thu tiền bán hàng A Hoàng theo hóa đơn số 00000884			1121		13.636.364
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	38.930.794.437	
			- Cộng số phát sinh				38.940.827.727	38.940.827.727
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				38.940.827.727	38.940.827.727

- Sổ này có 114 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 114
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Nhân

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Bùi Văn Hoàn

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)
Bảng 2.7: Sổ Cái TK 511

2.3.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản sử dụng: TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, hóa đơn điều chỉnh, phiếu chi,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết TK 511, Sổ Cái TK 511, Sổ nhật ký chung.

Minh họa nghiệp vụ: Ngày 20/07/2025, Công ty xuất bán hàng hóa cho anh Nguyễn Văn Anh với tổng tiền là 10.835.953 đồng (gồm thuế GTGT 8%). Đến ngày 28/07/2025, do hàng hóa không đúng chủng loại nên khách hàng đề nghị trả lại hàng và được công ty chấp thuận. Do đó, công ty lập hóa đơn điều chỉnh giảm, đồng thời thực hiện chi tiền hoàn trả cho khách hàng và ghi nhận nghiệp vụ hàng bán bị trả lại.

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Series): 1C25TTX
Số (No.): 00000778

Ngày (date) 28 tháng (month) 07 năm (year) 2025
Mã của cơ quan thuế: 00046D1E62D3324E9CAD6B56DA6525E76E

Tên đơn vị bán hàng (ComName): CÔNG TY TNHH TÔN THIẾP TRƯỜNG XUÂN
Mã số thuế (Tax code): 3101109591
Địa chỉ (Address): Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Số điện thoại (Tel): 0396055506
Số tài khoản (BankNo): _____
Ngân hàng (BankName): _____

Họ tên người mua hàng (Buyer): NGUYỄN VĂN ANH
Tên đơn vị mua hàng (CusName): _____
Mã số thuế (Tax code): _____
Địa chỉ (Address): Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị
Số tài khoản (AC No): _____
Ngân hàng (BankName): _____

Hình thức thanh toán (Payment method): Thanh toán tiền mặt

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Total)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Thành tiền sau thuế (Amount)
1	Bột trét nội thất B347 DULUX: 40Kg	Bao	-3	345.690	-1.037.070	8%	-82.965,6	1.120.035,6
2	Sơn lót nội thất EasyClean A935 DULUX: 15L	Thùng	-3	1.371.030	-4.113.090	8%	-329.047,2	4.442.137,2
3	Sơn nước nội thất B Easyclean Lau Chùi Vượt trội Kháng Virus 99AB MP DULUX: 15L	Thùng	-3	1.627.710	-4.883.130	8%	-390.650,4	5.273.780,4
					Tổng tiền hàng (Total):		-10.033.290	
					Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):		-802.663	
					Tổng tiền thanh toán (Total Amount):		-10.835.953	

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Giám mười triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi ba đồng

Người mua hàng (Buyer) **Cơ quan thuế** **Người bán hàng (Seller)**

ĐIỀU CHỈNH CHO HÓA ĐƠN MẪU SỐ 1 KÝ HIỆU C25TTX SỐ 00000681 NGÀY 20 THÁNG 07 NĂM 2025

Tru cứu tại website: <https://3101109591-n78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã tra cứu: 492141001C25TTX78367817
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Bảng 2.8: Hoá đơn GTGT điều chỉnh số 00000778 ngày 28/07/2025

Căn cứ vào hóa đơn GTGT điều chỉnh số 00000778, kế toán thực hiện lập phiếu chi để trả lại tiền cho khách hàng: Trường hợp này do công ty bán cho khách lẻ nên không có hóa đơn do bên mua lập. (*xem chi tiết phiếu chi ở phụ lục 02*).

The screenshot shows the 'Phiếu chi' (Payment Voucher) form in a software application. The form is divided into several sections:

- Header:** Includes checkboxes for 'Giảm trừ công nợ' (Debit against accounts payable), 'Trả lại tiền mặt' (Cash refund), and 'Kiểm phiếu nhập kho' (Check warehouse receipt). A dropdown menu for 'Người bán xuất hóa đơn điều chỉnh' (Seller issuing adjustment invoice) is also present.
- Form Fields:**
 - Mã khách hàng:** KH00009-09
 - Tên khách hàng:** Nguyễn Văn Anh
 - Ngày hạch toán:** 28/07/2025 19:48:07
 - Người nhận:** (Empty field)
 - Địa chỉ:** (Empty field)
 - Ngày phiếu chi:** 28/07/2025
 - Nhân viên bán hàng:** (Empty field)
 - Lý do chi:** Chi tiền trả lại hàng bán
 - Kèm theo:** Số lượng
 - Số chứng từ:** PC099
- Summary:**
 - Tổng tiền thanh toán:** 10.835.953
- Table of Items:**

#	Mã hàng	Tên hàng	TK trả lại	TK tiền	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Diễn giải thuế
1	B347	Bột trét nội thất B347 DULUX:40kg	5111	1111	kg	3,000	345.690,00	1.037.070	Thuế GTGT - Bột trét nội thất DULUX:40kg
2	SONA935	Sơn lót nội thất EasyClean A935 DULUX: 15L	5111	1111	Thùng	3,000	1.371.030,00	4.113.090	Thuế GTGT - Sơn lót nội thất A935 DULUX: 15L
3	SON99AB	Sơn nước nội thất B Easyclean Lau Chùi Vượt trội Kháng Virus 99AB MP...	5111	1111	Thùng	3,000	1.627.710,00	4.883.130	Thuế GTGT - Sơn nước nội thất Easyclean Lau Chùi Vượt trội
						9,000		10.033.290	
- Footer:** Includes buttons for 'Hủy' (Cancel), 'Cắt' (Cut), and 'Cắt và In' (Cut and Print). A checkbox for 'Không lên bảng kê thuế GTGT' is also present.

Hình 2.4: Giao diện phiếu chi trên phần mềm

Để xem sổ Nhật ký chung: Kích chọn phân hệ “Báo cáo”, chọn “Sổ Nhật ký chung” → “Chọn tham số” → tích chọn thời gian “Kỳ báo cáo” → “Năm nay” → Kích chọn “Xem báo cáo” để xem hoặc chọn “Excel” xuất ra file excel. (*Xem chi tiết sổ NKC tại phụ lục 03*).

Để xem và kiểm tra thông tin trên sổ cái, kế toán thực hiện các thao tác như sau: Kích chọn “Tổng hợp” → “Sổ cái (Theo hình thức NKC)” chọn thời gian báo cáo định kỳ “Năm nay” → Chọn “TK 511” → Bấm “Xem báo cáo” và Kích chọn “Excel” để xuất báo cáo như bảng Sổ Cái TK 511 (*Xem chi tiết ở trang 42*).

2.3.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Tài khoản sử dụng: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có, các chứng từ có liên quan khác,...

- Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 515, Sổ chi tiết TK 515, Sổ Nhật ký chung.

- Quy trình xử lý chứng từ đối với doanh thu hoạt động tài chính tại công ty: Căn cứ vào lịch sử giao dịch, kế toán vào phân hệ “Tiền gửi” để hạch toán lãi tiền gửi và phần mềm thực hiện chuyển số liệu tự động lên các sổ chi tiết TK 515, sổ cái TK 515 và sổ nhật ký chung.

Minh họa nghiệp vụ: Ngày 30/04/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân nhận được thông báo về tiền lãi ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với số tiền 710 đồng.

Lịch sử giao dịch
691

Ngày giao dịch

30-04-2025 01:55:36

Số giao dịch

691

Số tiền giao dịch

+710

Loại tiền

VND

Nội dung giao dịch

Tra lại tại khoản DDA

Số dư

1,000,710

Tài khoản đối ứng

Tên đối ứng

Tên chi nhánh

Back Office Operations

Kênh chuyển tiền

Hình 2.5: Lịch sử giao dịch lãi tiền gửi

Căn cứ vào lịch sử giao dịch phát sinh, kế toán tiến hành hạch toán trên phần mềm như sau: Chọn phân hệ “Tiền gửi” → chọn tab “Quy trình” → chọn chức năng “Thu tiền”. Tiếp theo, kế toán nhập đầy đủ các thông tin cần thiết như số tài khoản nhận tiền, lý do, số tài khoản hạch toán,...và số tiền thực tế công ty nhận được. Cuối cùng, kế toán bấm “Cất” → “Ghi sổ” để kết thúc nghiệp vụ hạch toán.

Thu tiền gửi NTKK0107

7. Thu khác

Nhập số UNC từ chỉ nhánh khác chuyển đến

Hướng dẫn sử dụng

Tổng tiền

710

Mã đối tượng

Tên đối tượng

Ngày hạch toán

30/04/2025

Ngày chứng từ

30/04/2025

Số chứng từ

NTKK0107

Địa chỉ

Nộp vào tài khoản

113604775888

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Nhân viên thu nợ

Lý do thu

Lãi tiền gửi

Tham chiếu

Hạch toán

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Tên đối tượng
1	Lãi tiền gửi	1121	515	710		

Tổng số: 1 bản ghi

Thêm dòng

Xóa hết dòng

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Kéo thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Hủy

Hiện thị tài khoản

Cất

Cất và In

Hình 2.6: Giao diện hạch toán lãi tiền gửi trên phần mềm

Sau khi hoàn tất phần nhập liệu và ghi sổ, phần mềm tự động ghi nhận các nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung. Từ đó, số liệu được tự động cập nhật chuyển sang Sổ Cái TK 515. Đồng thời, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được tổng hợp và theo dõi chi tiết trên Sổ chi tiết tài khoản 515.

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	CP không hợp lý
Tài khoản: 515					346.548	346.548			
31/01/2025	31/01/2025	NTTK0015	Lãi tiền gửi	1121	0	10.984	0	10.984	
31/01/2025	31/01/2025	NTTK0016	Lãi tiền gửi	1121	0	190	0	11.174	
28/02/2025	28/02/2025	NTTK0028	Lãi tiền gửi	1121	0	5.261	0	16.435	
28/02/2025	28/02/2025	NTTK0030	Lãi tiền gửi	1121	0	223	0	16.658	
31/03/2025	31/03/2025	NTTK0067	Lãi Tiền gửi	1121	0	1.400	0	18.058	
31/03/2025	31/03/2025	NTTK0068	Lãi tiền gửi	1121	0	21.769	0	39.827	
31/03/2025	31/03/2025	NTTK0071	Lãi tiền gửi	1121	0	286	0	40.113	
30/04/2025	30/04/2025	NTTK0105	Lãi Tiền gửi	1121	0	1.900	0	42.013	
30/04/2025	30/04/2025	NTTK0106	Thu lãi của VIETIN	1121	0	29.624	0	71.637	
30/04/2025	30/04/2025	NTTK0107	Lãi tiền gửi	1121	0	710	0	72.347	
31/05/2025	31/05/2025	NTTK0144	Lãi Tiền gửi	1121	0	500	0	72.847	
31/05/2025	31/05/2025	NTTK0145	Lãi tiền gửi	1121	0	169	0	73.016	
31/05/2025	31/05/2025	NTTK0146	Thu lãi của VIETIN	1121	0	29.838	0	102.854	
30/06/2025	30/06/2025	NTTK0184	Lãi tiền gửi	1121	0	500	0	103.354	
30/06/2025	30/06/2025	NTTK0185	Lãi tiền gửi	1121	0	163	0	103.517	
30/06/2025	30/06/2025	NTTK0186	Thu tiền lãi của VIETIN	1121	0	26.442	0	129.959	
31/07/2025	31/07/2025	NTTK0415	Lãi tiền gửi	1121	0	573	0	130.532	
31/07/2025	31/07/2025	NTTK0416	Thu tiền của AGRIBANK	1121	0	200	0	130.732	
31/07/2025	31/07/2025	NTTK0417	Lãi tiền gửi	1121	0	29.897	0	160.629	
31/08/2025	31/08/2025	NTTK0708	Lãi tiền gửi	1121	0	22.035	0	182.664	
31/08/2025	31/08/2025	NTTK0711	Lãi tiền gửi	1121	0	325	0	182.989	
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0984	Lãi tiền gửi	1121	0	20.681	0	203.670	
30/09/2025	30/09/2025	NTTK1000	Lãi tiền gửi	1121	0	187	0	203.857	
31/10/2025	31/10/2025	NTTK1243	Lãi tiền gửi	1121	0	44.945	0	248.802	
31/10/2025	31/10/2025	NTTK1244	Lãi tiền gửi	1121	0	167	0	248.969	
30/11/2025	30/11/2025	NTTK1515	Lãi tiền gửi	1121	0	43.901	0	292.870	
30/11/2025	30/11/2025	NTTK1524	Lãi tiền gửi	1121	0	179	0	293.049	
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	346.548	0	53.499	0	
31/12/2025	31/12/2025	NTTK1826	Lãi tiền gửi	1121	0	52.330	1.169	0	
31/12/2025	31/12/2025	NTTK1838	Lãi tiền gửi	1121	0	169	1.000	0	
31/12/2025	31/12/2025	NTTK1839	Lãi tiền gửi	1121	0	1.000	0	0	
			Cộng		346.548	346.548	0	0	
Tổng cộng					346.548	346.548			

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.9: Sổ chi tiết TK 515

Để xem và kiểm tra thông tin trên sổ cái, kế toán thực hiện các thao tác như sau: Kích chọn “Tổng hợp” → “Sổ cái (Theo hình thức NKC)” chọn thời gian báo cáo định kỳ “Năm nay” → Chọn “TK 515” → Bấm “Xem báo cáo” và Kích chọn “Excel” để xuất báo cáo như bảng sau:

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/01/2025	NTTK0015	31/01/2025	Lãi tiền gửi			1121		10.984
31/01/2025	NTTK0016	31/01/2025	Lãi tiền gửi			1121		190
28/02/2025	NTTK0028	28/02/2025	Lãi tiền gửi			1121		5.261
28/02/2025	NTTK0030	28/02/2025	Lãi tiền gửi			1121		223
31/03/2025	NTTK0067	31/03/2025	Lãi Tiền gửi			1121		1.400
31/03/2025	NTTK0068	31/03/2025	Lãi tiền gửi			1121		21.769
31/03/2025	NTTK0071	31/03/2025	Lãi tiền gửi			1121		286
30/04/2025	NTTK0105	30/04/2025	Lãi Tiền gửi			1121		1.900
30/04/2025	NTTK0106	30/04/2025	Thu lãi của VIETIN			1121		29.624
30/04/2025	NTTK0107	30/04/2025	Lãi tiền gửi			1121		710
31/05/2025	NTTK0144	31/05/2025	Lãi Tiền gửi			1121		500
31/05/2025	NTTK0145	31/05/2025	Lãi tiền gửi			1121		169
31/05/2025	NTTK0146	31/05/2025	Thu lãi của VIETIN			1121		29.838
30/06/2025	NTTK0184	30/06/2025	Lãi tiền gửi			1121		500
30/06/2025	NTTK0185	30/06/2025	Lãi tiền gửi			1121		163
30/06/2025	NTTK0186	30/06/2025	Thu tiền lãi của VIETIN			1121		26.442
31/07/2025	NTTK0415	31/07/2025	Lãi tiền gửi			1121		573
31/07/2025	NTTK0416	31/07/2025	Thu tiền của			1121		200
31/07/2025	NTTK0417	31/07/2025	Lãi tiền gửi			1121		29.897
31/08/2025	NTTK0708	31/08/2025	Lãi tiền gửi			1121		22.035
31/08/2025	NTTK0711	31/08/2025	Lãi tiền gửi			1121		325
30/09/2025	NTTK0984	30/09/2025	Lãi tiền gửi			1121		20.681
30/09/2025	NTTK1000	30/09/2025	Lãi tiền gửi			1121		187
31/10/2025	NTTK1243	31/10/2025	Lãi tiền gửi			1121		44.945
31/10/2025	NTTK1244	31/10/2025	Lãi tiền gửi			1121		167
30/11/2025	NTTK1515	30/11/2025	Lãi tiền gửi			1121		43.901
30/11/2025	NTTK1524	30/11/2025	Lãi tiền gửi			1121		179
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	346.548	
31/12/2025	NTTK1826	31/12/2025	Lãi tiền gửi			1121		52.330
31/12/2025	NTTK1838	31/12/2025	Lãi tiền gửi			1121		169
31/12/2025	NTTK1839	31/12/2025	Lãi tiền gửi			1121		1.000
			- Cộng số phát sinh				346.548	346.548
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				346.548	346.548

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Nhân

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Văn Hoàn

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.10: Sổ Cái TK 515

2.3.4 Kế toán thu nhập khác

- Tài khoản sử dụng: TK 711 “ Thu nhập khác” dùng để phản ánh các tài khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

- Chứng từ sử dụng: Hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý, giấy báo có, hóa đơn và các chứng từ có liên quan khác...

- Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 711, Sổ chi tiết TK 711, Sổ Nhật ký chung.

Trong những năm qua, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân không phát sinh bất kỳ nghiệp vụ nào liên quan đến khoản thu nhập khác.

2.4 Kế toán chi phí

2.4.1 Kế toán giá vốn hàng bán

- Tài khoản sử dụng: TK 632 “Giá vốn hàng bán” dùng để phản ánh trị giá vốn hàng hoá xuất bán trong kỳ.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho,...

- Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 632, Sổ chi tiết TK 632, Sổ Nhật ký chung.

Minh họa tiếp Nghiệp vụ 1: Ngày 19/02/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân thực hiện xuất kho hàng hoá để bán cho Công ty TNHH Quảng cáo Lê Phát.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN
Địa chỉ: Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 19 tháng 02 năm 2025
Số: 25XK0029

Nợ: 632
Có: 156

- Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hoá đơn 00000029
- Xuất tại kho hàng hoá

Địa điểm:

STT	Tên vật tư hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	THÉP HỘP MẠ KẼM	Kg	950	16.696,56	15.861.732
Cộng					15.861.732

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười lăm triệu tám trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập
phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận
hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Ngày 19 tháng 02 năm 2025

Bảng 2.11: Phiếu xuất kho ngày 19/02/2025

Minh họa tiếp Nghiệp vụ 2: Ngày 26/09/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân thực hiện xuất kho hàng hóa để bán cho Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Xuân Giang.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN
Địa chỉ: Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số 02 - VT
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
 Ngày 26 tháng 09 năm 2025
 Số: 25XK1340

Nợ: 632
 Có: 156

- Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161
- Xuất tại kho hàng hoá

Địa điểm:

STT	Tên vật tư hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Thép dày mạ lạnh AZ150 phủ AF: 1.90mmx165mm G350	Kg	2.199,41	15.739,96	34.618.625
Cộng					34.618.625

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 26 tháng 09 năm 2025

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Bảng 2.12: Phiếu xuất kho ngày 26/09/2025

Minh họa tiếp Nghiệp vụ 3: Ngày 20/07/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân thực hiện xuất kho hàng hóa để bán cho Nguyễn Văn Anh.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN
Địa chỉ: Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số 02 - VT
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
 Ngày 20 tháng 07 năm 2025
 Số: 25XK0678

Nợ: 632
 Có: 156

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Anh
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Nguyễn Văn Anh theo hoá đơn 00000681
- Xuất tại kho hàng hoá

Địa điểm:

STT	Tên vật tư hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Bột trét nội thất B347 DULUX: 40Kg	Bao	3	425.282	1.275.846
2	Sơn lót nội thất EasyClean A935 DULUX: 15L	Thùng	3	1.324.800	3.974.400
3	Sơn nước nội thất B Easyclean Lau Chùi Vượt trội Kháng Virus 99AB MP DULUX: 15L	Thùng	3	1.620.878	4.862.636
Cộng					10.112.882

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm tám mươi hai đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 19 tháng 02 năm 2025

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Bảng 2.13: Phiếu xuất kho ngày 20/07/2025

Trong quá trình ghi sổ hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho được phần mềm Misa hỗ trợ kế toán tự hạch toán giá vốn.

Minh họa nghiệp vụ: Ngày 28/07/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân thực hiện nhập kho hàng hoá bị trả lại theo hóa đơn 00000778 đã bán cho Nguyễn Văn Anh.

Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Số: 25NK0333

Nợ: 156

Có: 632

- Họ và tên người giao: Nguyễn Văn Anh

- Theo hóa đơn số 778 Ngày 28 tháng 07 năm 2025 của Nguyễn Văn Anh

- Nhập tại kho: Kho hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bột trét nội thất B347 DULUX:40kg	B347	kg	3,0		425.282,00	1.275.846
2	Sơn lót nội thất EasyClean A935 DULUX: 15L	SON935	Thùng	3,0		1.324.800,00	3.974.400
3	Sơn nước nội thất B Easyclean Lau Chùi Vượt trội Kháng Virus 99AB MP DULUX: 15L	SON99AB	Thùng	3,0		1.620.878,67	4.862.636
Cộng							10.112.882

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **Chín triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi hai đồng chẵn.**

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Kế toán trưởng

(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)

(Ký, họ tên)

Bảng 2.14: Phiếu nhập kho theo hoá đơn số 00000778

Trong quá trình lập chứng từ hàng bán bị trả lại của khách hàng Nguyễn Văn Anh, phần mềm MISA AMIS đồng thời tự động cập nhật phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại nhằm ghi nhận hàng hóa nhập lại kho theo quy định.

Để xem sổ Nhật ký chung: Kích chọn phân hệ “Báo cáo”, chọn “Sổ Nhật ký chung” → “Chọn tham số” → tích chọn thời gian “Kỳ báo cáo” → “Năm nay” → Kích chọn “Xem báo cáo” để xem. (**Xem chi tiết sổ NKC tại phụ lục 03**).

Để xem và kiểm tra thông tin đã cập nhật trên sổ chi tiết kế toán thực hiện những thao tác sau: Kích chọn phân hệ “Báo cáo”, chọn “Sổ chi tiết các tài khoản” → “Chọn tham số” → tích chọn thời gian “Kỳ báo cáo” → “Năm nay” → chọn “632” → Kích chọn “Xem báo cáo” để xem hoặc chọn “Excel” xuất ra file excel như bảng sau:

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	CP không hợp lý
Tài khoản: 632					37.290.700.205	37.290.700.205			
06/01/2025	06/01/2025	25XK0001	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC THÁI theo hóa đơn 00000001	156	54.161.554	0	54.161.554	0	
06/01/2025	06/01/2025	25XK0002	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG QUẢNG UYÊN theo hóa đơn 00000002	156	18.179.413	0	72.340.967	0	
13/02/2025	13/02/2025	25XK0028	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG GIÁO DỤC DUY ANH theo hóa đơn 00000028	156	16.392.780	0	542.162.876	0	
19/02/2025	19/02/2025	25XK0029	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029	156	15.861.732	0	558.024.608	0	
20/02/2025	20/02/2025	25XK0030	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ SƠN TRANG theo hóa đơn 00000030	156	210.376.656	0	768.401.264	0	
26/02/2025	26/02/2025	25XK0031	Xuất kho bán hàng BÁN LẺ theo hóa đơn 00000031	156	4.614.988	0	773.016.252	0	
26/02/2025	26/02/2025	25XK0032	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BÌNH MINH theo hóa đơn 00000032	156	16.613.957	0	789.630.209	0	
26/02/2025	26/02/2025	25XK0033	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH MTV CHẤU THU QT theo hóa đơn 00000033	156	357.073.514	0	1.146.703.723	0	
28/02/2025	28/02/2025	25XK0034	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP ĐỨC LINH theo hóa đơn 00000034	156	16.613.957	0	1.163.317.680	0	
28/02/2025	28/02/2025	25XK0035	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ SƠN TRANG theo hóa đơn 00000035	156	256.459.162	0	1.419.776.842	0	
19/03/2025	19/03/2025	25XK0057	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THANH THUÝ theo hóa đơn 00000058	156	15.861.732	0	3.370.781.109	0	
19/03/2025	19/03/2025	25XK0058	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG DƯƠNG theo hóa đơn 00000059	156	9.852.572	0	3.380.633.681	0	
20/07/2025	20/07/2025	25XK0678	Bán hàng của Nguyễn Văn Anh theo hóa đơn số 681	156	10.112.882	0	20.626.297.180	0	
20/07/2025	20/07/2025	25XK0679	Bán hàng của Chủ Đoàn theo hóa đơn số 682	156	1.621.035	0	20.627.918.215	0	
20/07/2025	20/07/2025	25XK0680	Bán hàng của A Tuấn theo hóa đơn số 683	156	12.468.185	0	20.640.386.400	0	
20/07/2025	20/07/2025	25XK0681	Bán hàng của Phạm Tiến Dũng theo hóa đơn số 684	156	1.862.801	0	20.642.249.201	0	
27/07/2025	27/07/2025	25XK0772	Bán hàng của Trần Văn Tân theo hóa đơn số 775	156	3.060.299	0	21.932.931.670	0	
27/07/2025	27/07/2025	25XK0773	Bán hàng của A Thắng theo hóa đơn số 776	156	187.633	0	21.933.119.303	0	
28/07/2025	28/07/2025	25NK0333	Nhập kho trả lại hàng bán	156	0	10.112.882	21.923.006.421	0	
28/07/2025	28/07/2025	25XK0774	Bán hàng của Lê Văn Quảng theo hóa đơn số 779	156	1.238.628	0	21.924.245.049	0	
26/09/2025	26/09/2025	25XK1339	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI QUYẾT HIỀN theo hóa đơn số 00000153	156	32.565.747	0	28.225.948.011	0	
26/09/2025	26/09/2025	25XK1340	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161	156	34.618.625	0	28.260.566.636	0	
26/09/2025	26/09/2025	25XK1341	Xuất kho bán hàng Lê Văn Hùng theo hóa đơn số 00000154	156	768.049	0	28.261.334.685	0	
26/09/2025	26/09/2025	25XK1348	Bán hàng của Phan Văn Phong theo hóa đơn số 1157	156	8.663.550	0	28.330.942.993	0	
26/10/2025	26/10/2025	25XK1615	Xuất kho bán hàng Nguyễn Quốc Đạt theo hóa đơn số 00000429	156	10.692.001	0	31.121.757.465	0	
08/11/2025	08/11/2025	25XK1669	Xuất kho bán hàng Trần Văn Nam theo hóa đơn số 00000483	156	2.634.348	0	31.365.922.810	0	
02/12/2025	02/12/2025	25XK1920	Xuất kho bán hàng Lê Thị Bé theo hóa đơn số 00000734	156	4.194.432	0	33.697.273.787	0	
30/12/2025	30/12/2025	25XK2198	Xuất kho bán hàng C Hương theo hóa đơn số 00001010	156	3.062.875	0	36.965.098.483	0	
30/12/2025	30/12/2025	25XK2199	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH KHÁNH HUYỀN theo hóa đơn số 00001013	156	89.365.863	0	37.054.464.346	0	
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	0	37.280.587.323	0	226.122.977	
			Cộng		37.290.700.205	37.290.700.205	0	0	
Tổng cộng					37.290.700.205	37.290.700.205			

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.15: Sổ chi tiết TK 632

Để xem và kiểm tra thông tin trên sổ cái, kế toán thực hiện các thao tác như sau: Kích chọn “Tổng hợp” → “Sổ cái (Theo hình thức NKC)” chọn thời gian báo cáo định kỳ “Năm nay” → Chọn “TK 632” → Bấm “Xem báo cáo” và Kích chọn “Excel” để xuất báo cáo như bảng sau:

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
06/01/2025	25XK0001	06/01/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC THÁI theo hóa đơn 00000001			156	54.161.554	
10/01/2025	25XK0010	10/01/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC THÁI theo hóa đơn 00000010			156	41.560.702	
10/01/2025	25XK0011	10/01/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÀ TOÀN theo hóa đơn 00000011			156	16.101.902	
*****	*****	*****	*****			*****	*****	
19/02/2025	25XK0029	19/02/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029			156	15.861.732	
20/02/2025	25XK0030	20/02/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ SƠN TRANG theo hóa đơn 00000030			156	210.376.656	
20/07/2025	25XK0678	20/07/2025	Bán hàng của Nguyễn Văn Anh theo hóa đơn số 681			156	10.112.882	
*****	*****	*****	*****			*****	*****	
28/07/2025	25NK0333	28/07/2025	Nhập kho trả lại hàng bán			156		10.112.882
28/07/2025	25XK0774	28/07/2025	Bán hàng của Lê Văn QUANG theo hóa đơn số 779			156	1.238.628	
28/07/2025	25XK0775	28/07/2025	Bán hàng của Nguyễn Văn Toàn theo hóa đơn số 780			156	836.463	
28/07/2025	25XK0776	28/07/2025	Bán hàng của Dương Thị Thủy Vân theo hóa đơn số 781			156	14.406.576	
28/07/2025	25XK0780	28/07/2025	Bán hàng của Nguyễn Văn Sơn theo hóa đơn số 785			156	24.425.631	
28/07/2025	25XK0781	28/07/2025	Bán hàng của A Toàn theo hóa đơn số 786			156	28.435.540	
16/09/2025	25XK1256	16/09/2025	Xuất kho bán hàng Võ Văn Linh theo hóa đơn số 00000071			156	274.500	
17/09/2025	25XK1257	17/09/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯỚC SỸ theo hóa đơn số 00000072			156	28.616.049	
26/09/2025	25XK1339	26/09/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI QUYẾT HIỀN theo hóa đơn số 00000153			156	32.565.747	
*****	*****	*****	*****			*****	*****	
26/09/2025	25XK1340	26/09/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161			156	34.618.625	
30/12/2025	25XK2198	30/12/2025	Xuất kho bán hàng C Hương theo hóa đơn số 00001010			156	3.062.875	
30/12/2025	25XK2199	30/12/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH KHÁNH HUYỀN theo hóa đơn số 00001013			156	89.365.863	
31/12/2025	25NVK12	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		37.280.587.323
			- Cộng số phát sinh				37.290.700.205	37.290.700.205
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				37.290.700.205	37.290.700.205

- Sổ này có 119 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 119

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Nhân

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Bùi Văn Hoàn

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.16: Sổ Cái TK 632

2.4.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản sử dụng: TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- + Chi phí bán hàng: TK 6421, phản ánh các khoản chi phí tiền lương trả cho nhân viên, mua xăng dầu,...
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: TK 6422, phản ánh các khoản về trả lương cho bộ phận quản lý, khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC,...
- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, phiếu chi, UNC, giấy báo nợ, bảng thanh toán tiền lương và các chứng từ có liên quan khác...
- Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 642, Sổ chi tiết TK 6421, 6422, Sổ Nhật ký chung.

Minh họa nghiệp vụ: Ngày 31/07/2025, căn cứ vào bảng lương thời gian theo buổi tháng 7/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân xác định tiền lương chưa bao gồm các khoản bảo hiểm phải trả cho bộ phận bán hàng là 20.973.077 đồng và trả cho bộ phận quản lý là 10.192.308 đồng.

CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Chức danh	Lương cơ bản	Đơn giá ngày công	Lương thời gian hưởng 100% lương		Phụ cấp khác	Tổng số	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản khấu trừ				Giảm trừ gia cảnh	Tổng thu nhập chịu thuế TNCN	Thu nhập tính thuế TNCN	Số tiền còn được lĩnh	Bảo hiểm, KPCĐ công ty đóng		
						Số ngày công	Số tiền				BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng					BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)
BANHANG-PHÒNG BÁN HÀNG				17.500.000		108	18.173.077	2.800.000	20.973.077	17.500.000	1.400.000	262.500	175.000	1.837.500	44.000.000	20.973.077	0	19.135.577	3.062.500	525.000	175.000
1	BUITUAN	Bùi Văn Tuấn	Lái xe	4.500.000	173.076,92	27	4.673.077	700.000	5.373.077	4.500.000	360.000	67.500	45.000	472.500	11.000.000	5.373.077	0	4.900.577	787.500	135.000	45.000
2	BUIVU	BÙI VĂN VŨ	Lái xe	4.500.000	173.076,92	27	4.673.077	700.000	5.373.077	4.500.000	360.000	67.500	45.000	472.500	11.000.000	5.373.077	0	4.900.577	787.500	135.000	45.000
3	HOA	NGUYỄN THỊ HOA	NVBH	4.000.000	153.846,15	27	4.153.846	700.000	4.853.846	4.000.000	320.000	60.000	40.000	420.000	11.000.000	4.853.846	0	4.433.846	700.000	120.000	40.000
4	HONGCHUYEN	PHẠM THỊ HỒNG CHUYỀN	NVBH	4.500.000	173.076,92	27	4.673.077	700.000	5.373.077	4.500.000	360.000	67.500	45.000	472.500	11.000.000	5.373.077	0	4.900.577	787.500	135.000	45.000
QUANLY-PHÒNG QUẢN LÝ				9.000.000		27	9.192.308	1.000.000	10.192.308	5.000.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000	10.192.308	4.000.000	9.667.308	875.000	150.000	50.000
5	BUIHOANH	BÙI VĂN HOÀNH	Giám đốc	5.000.000	192.307,69	27	5.192.308	1.000.000	6.192.308	5.000.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000	6.192.308	0	5.667.308	875.000	150.000	50.000
6	THANHNHAN	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Kế toán	4.000.000	153.846,15	0	4.000.000	0	4.000.000	0	0	0	0	0	4.000.000	4.000.000	4.000.000	0	0	0	0
				26.500.000		135	27.365.385	3.800.000	31.165.385	22.500.000	1.800.000	337.500	225.000	2.362.500	55.000.000	31.165.385	4.000.000	28.802.885	3.937.500	675.000	225.000

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Nhàn

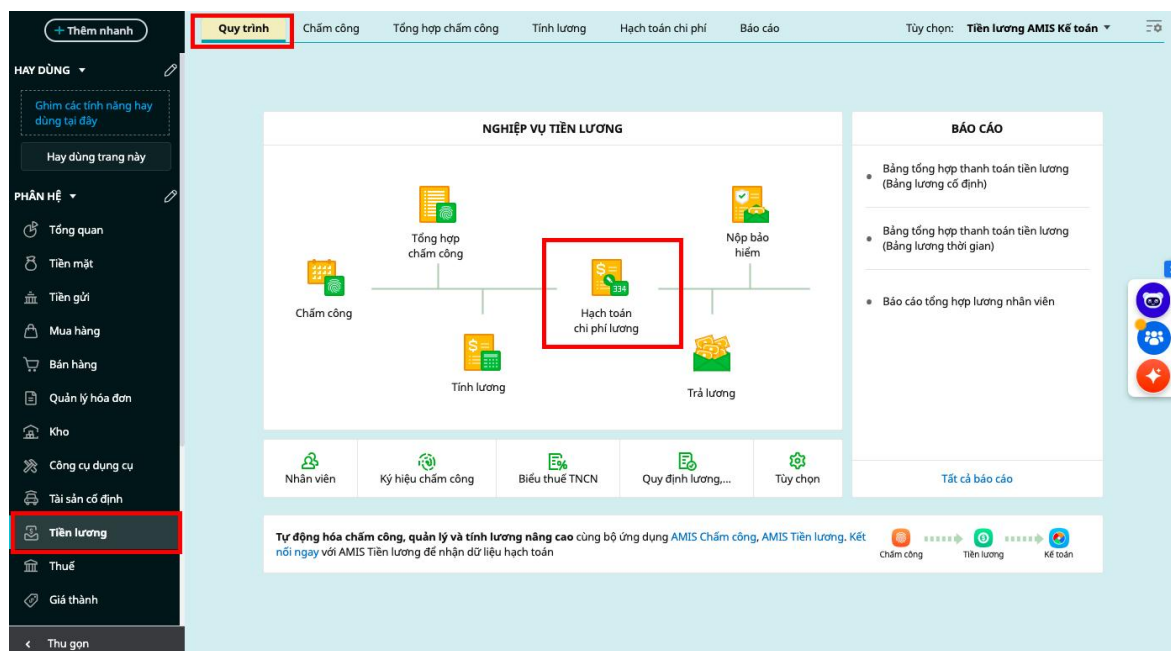
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Bùi Văn Hoành

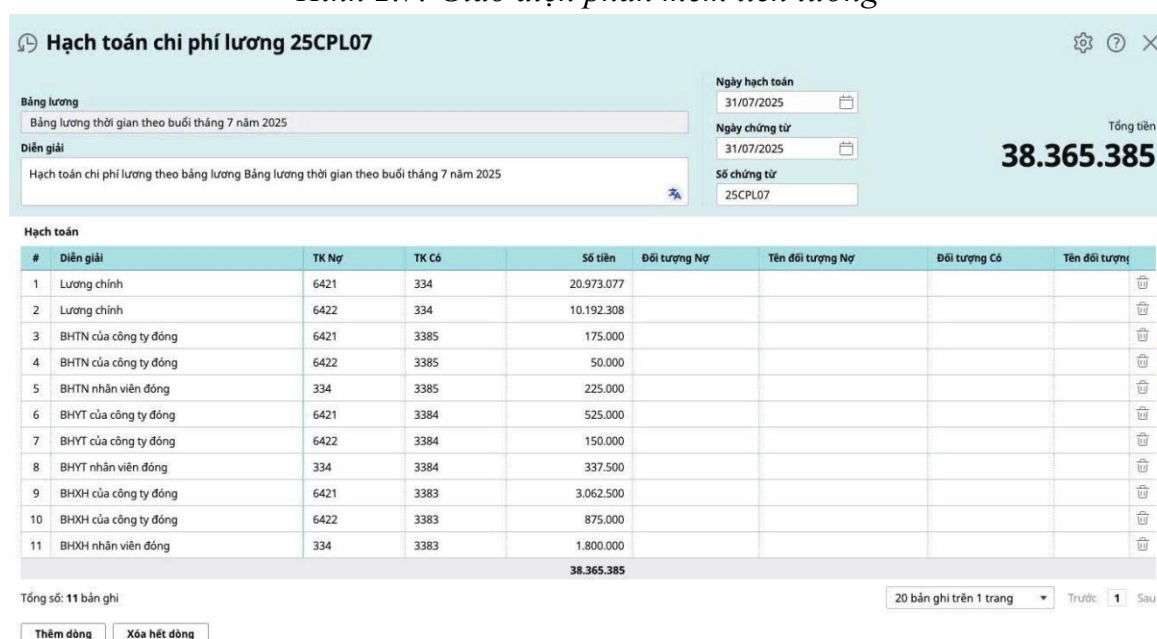
(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.17: Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7

Căn cứ vào bảng lương thời gian theo buổi, kế toán tiến hành hạch toán trên phần mềm như sau: Chọn phân hệ “Tiền lương” → chọn chức năng “Chấm công” → “ Sinh bảng lương” → Tiếp theo, kế toán chọn “Hạch toán bảng lương” để hạch toán. Cuối cùng, kế toán bấm “Cất” → “Ghi sổ” để kết thúc nghiệp vụ hạch toán.



Hình 2.7: Giao diện phần mềm tiền lương



Hình 2.8: Giao diện phần mềm hạch toán tiền lương và bảo hiểm

Ngày tại thời điểm “Cất - Ghi sổ” phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái và sổ chi tiết TK 642.

Nghiệp vụ minh họa: Ngày 29/12/2025, công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân chi tiền để thanh toán theo hóa đơn 398174 về xăng RON 95 mức 3, với tổng số tiền là 1.00.066 đồng (bao gồm thuế GTGT 8%).

HÓA ĐƠN GTGT
 Ngày 29 tháng 12 năm 2025

Mẫu số: 1
 Ký hiệu: **K25TQN**
 Số hóa đơn: **398174**

CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ
 Mã số thuế: 3100105749
 Địa chỉ: 118 Đường Hữu Nghị - Phường Đồng Hới - Tỉnh Quảng Trị - Việt Nam
 Điện thoại: 0816184333

Tên người mua: CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN
 Họ tên người mua hàng:
 Mã số thuế: 3101109591
 CCCD người mua:
 Địa chỉ: TÂN MỸ, QUẢNG TRỊ
 Hình thức thanh toán: TM/CK
 Đơn vị tiền tệ: VND
 Biển số xe: 73A-235.28

Số hộ chiếu:

Tỷ giá: 1

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa trừ chiết khấu	Chiết khấu	Thuế suất
1	Hàng hóa, dịch vụ	Xăng RON 95 Mức 3	Lit	51,603	17.944,44	925.987		8%
Tổng hợp			Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Thuế suất 10%								
Thuế suất 8%								
Thuế suất 5%								
Thuế suất 0%								
Không chịu thuế GTGT								
Không kê khai nộp thuế GTGT								
Thuế suất khác								

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 389174, kê toán tiền hành hạch toán phiếu chi trên phần mềm như dưới: **(Xem phiếu chi tại phụ lục 05)**

Phiếu chi Hóa đơn

Mã nhà cung cấp: XANGQTRI Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ

Người nhận: Địa chỉ: 118 đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, Quảng Trị

Lý do chi: Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ theo hóa đơn 398174

Nhân viên mua hàng: Kèm theo: Chứng từ gốc

Tham chiếu: ...

Ngày hạch toán: 29/12/2025 Ngày chứng từ: 29/12/2025 Số chứng từ: 25PC146

Tổng tiền thanh toán: **1.000.066**

#	Mã hàng	Tên hàng	TK Chi phí	TK Tiền	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT
1	DD-09	Xăng RON 95 Mức 3	6421	1111	Lít	51,6030	17,944,44	925.987	8
						51,6030		925.987	

Tổng số: 1 bản ghi

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm Dung lượng tối đa 5MB

Kéo thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Tổng tiền hàng: 925.987
Thuế GTGT: 74.079
Tổng tiền thanh toán: 1.000.066
Chi phí mua hàng: 0
Tổng giá trị: 925.987

Hình 2.9: Giao diện hạch toán phiếu chi trên phần mềm

Nghiệp vụ minh họa: Ngày 31/12/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân thực hiện phân bổ giá trị công cụ dụng cụ của camera kho dành cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, với số tiền phân bổ là 1.473.765 đồng.

CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

BẢNG TÍNH PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ
Tháng 12 năm 2025

Tên CCDC	Mã CCDC	DVT	Số lượng còn lại	Số kỳ phân bổ	Số kỳ phân bổ còn lại	Giá trị CCDC	Phân bổ trong kỳ			Lũy kế đã PB	Giá trị còn lại	TK chờ phân bổ
							Đối tượng phân bổ	TK chi phí	Số tiền			
CAMERA KHO	CAMERAK	Bộ	1,00	6	3	8.842.592	QUANLY	6422	1.473.765	4.421.295	4.421.297	242
Tổng cộng			1,00			8.842.592			1.473.765	4.421.295	4.421.297	

Ngày tháng năm

Người lập biểu (Ký, họ tên) Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.19: Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ tháng 12

Để xem sổ Nhật ký chung: Kích chọn phân hệ “Báo cáo”, chọn “Sổ Nhật ký chung” → “Chọn tham số” → tích chọn thời gian “Kỳ báo cáo” → “Năm nay” → Kích chọn “Xem báo cáo” để xem hoặc chọn “Excel” xuất ra file excel. **(Xem chi tiết sổ NKC tại phụ lục 03).**

Để xem và kiểm tra thông tin đã cập nhật trên sổ chi tiết kế toán thực hiện những thao tác sau: Kích chọn phân hệ “Báo cáo”, chọn “Sổ chi tiết các tài khoản” → “Chọn tham số” → tích chọn thời gian “Kỳ báo cáo” → “Năm nay” → chọn “6421”, “6422” → Kích chọn “Xem báo cáo” để xem hoặc chọn “Excel” xuất ra file excel như bảng sau:

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6421, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	CP không hợp lý
Tài khoản: 6421					450.817.193	450.817.193			
02/01/2025	02/01/2025	25PC001	Mua dầu	1111	1.818.182	0	1.818.182	0	
28/02/2025	28/02/2025	25CPL02	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 2 năm 2025	334	9.034.616	0	49.430.139	0	
30/04/2025	30/04/2025	25CPL04	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 4 năm 2025	3383	1.487.500	0	103.090.718	0	
30/04/2025	30/04/2025	25CPL04	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 4 năm 2025	334	14.446.154	0	117.536.872	0	
30/04/2025	30/04/2025	25CPL04	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 4 năm 2025	3385	85.000	0	117.621.872	0	
30/04/2025	30/04/2025	25PBPTT04	Phân bổ chi phí trả trước tháng 4 năm 2025	242	5.000.000	0	122.621.872	0	
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
30/07/2025	30/07/2025	25NVK051	Hạch toán hóa đơn mua vào của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP DƯƠNG THỦY theo hóa đơn số 00033520	331	1.203.704	0	204.950.615	0	
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3384	525.000	0	205.475.615	0	
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	334	20.973.077	0	226.448.692	0	
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3385	175.000	0	226.623.692	0	
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3383	3.062.500	0	229.686.192	0	
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	
31/07/2025	31/07/2025	25PBPTT07	Phân bổ chi phí trả trước tháng 7 năm 2025	242	5.000.000	0	234.686.192	0	
03/08/2025	03/08/2025	25PC102	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP DƯƠNG THỦY theo hóa đơn 00034597	1111	1.388.889	0	236.075.081	0	
05/08/2025	05/08/2025	25PC105	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP DƯƠNG THỦY theo hóa đơn 00038748	1111	1.018.519	0	237.093.600	0	
06/08/2025	06/08/2025	25PC106	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP DƯƠNG THỦY theo hóa đơn 00035399	1111	1.851.852	0	238.945.452	0	
24/08/2025	24/08/2025	25PC119	Chi tiền cho CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH theo hóa đơn 269796	1111	833.412	0	252.055.837	0	
28/08/2025	28/08/2025	25PC120	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP DƯƠNG THỦY theo hóa đơn 00041099	1111	1.851.852	0	253.907.689	0	
30/08/2025	30/08/2025	25PC121	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn 15333	1111	80.000	0	253.987.689	0	
29/12/2025	29/12/2025	25PC146	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ theo hóa đơn 398174	1111	925.987	0	427.637.550	0	
30/12/2025	30/12/2025	25NVK104	Hạch toán hóa đơn mua vào của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP DƯƠNG THỦY theo hóa đơn số 00083525	331	1.359.259	0	428.996.809	0	
31/12/2025	31/12/2025	25CPL12	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025	3384	390.000	0	429.386.809	0	
31/12/2025	31/12/2025	25CPL12	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025	334	13.965.384	0	443.352.193	0	
31/12/2025	31/12/2025	25CPL12	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025	3383	2.275.000	0	445.627.193	0	
31/12/2025	31/12/2025	25CPL12	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025	3385	130.000	0	445.757.193	0	
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	0	450.817.193	0	5.060.000	
			Cộng		450.817.193	450.817.193	0	0	
Tổng cộng					450.817.193	450.817.193			

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.20: Sổ chi tiết TK 6421

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6422, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	CP không hợp lý
Tài khoản: 6422					261.972.288	261.972.288			
01/01/2025	01/01/2025	25NVK001	Thuế môn bài năm 2025	33382	2.000.000	0	2.000.000	0	
06/01/2025	06/01/2025	25PC006	Mua Xăng	1111	454.545	0	2.454.545	0	
06/01/2025	06/01/2025	UNC0004	Phí phát hành	1121	14.230.137	0	16.684.682	0	
09/01/2025	09/01/2025	UNC0008	Phí SMS- QLTK	1121	77.000	0	16.761.682	0	
14/01/2025	14/01/2025	UNC0011	Phí duy trì TK	1121	93.500	0	16.855.182	0	
18/01/2025	18/01/2025	25PC010	Mua Xăng	1111	545.455	0	17.400.637	0	
10/07/2025	10/07/2025	UNC0290	Phí QLTK	1121	50.000	0	135.526.239	0	
15/07/2025	15/07/2025	UNC0300	Phí BÐSD	1121	35.000	0	135.561.239	0	
15/07/2025	15/07/2025	UNC0300	Phí BÐSD	1121	50.000	0	135.611.239	0	
16/07/2025	16/07/2025	UNC0305	Phí QLTK	1121	20.000	0	135.631.239	0	
20/07/2025	20/07/2025	25PC095	Chi tiền cho CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH theo hóa đơn 223462	1111	926.324	0	136.557.563	0	
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3385	50.000	0	136.607.563	0	
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3383	875.000	0	137.482.563	0	
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3384	150.000	0	137.632.563	0	
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	334	10.192.308	0	147.824.871	0	
31/07/2025	31/07/2025	25KH07	Khấu hao TSCĐ tháng 7 năm 2025	2141	5.880.966	0	153.705.837	0	
31/07/2025	31/07/2025	25PBCC07	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 2025	242	981.061	0	154.686.898	0	
31/07/2025	31/07/2025	25PBPTT07	Phân bổ chi phí trả trước tháng 7 năm 2025	242	317.097	0	155.003.995	0	
31/07/2025	31/07/2025	UNC0331	Phí duy trì TK	1121	30.000	0	155.033.995	0	
31/07/2025	31/07/2025	UNC0333	Chi mua ngoài có hóa đơn cho VIETIN	1121	30.000	0	155.063.995	0	
04/08/2025	04/08/2025	25PC103	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn 13653	1111	1.398.440	0	156.462.435	0	
04/08/2025	04/08/2025	25PC104	Chi tiền cho CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH theo hóa đơn 244060	1111	648.148	0	157.110.583	0	
09/08/2025	09/08/2025	UNC0360	Phí QLTK	1121	50.000	0	157.160.583	0	
15/08/2025	15/08/2025	UNC0376	Phí BÐSD	1121	50.000	0	157.210.583	0	
15/08/2025	15/08/2025	UNC0376	Phí BÐSD	1121	35.000	0	157.245.583	0	
15/08/2025	15/08/2025	UNC0377	Phí ck	1121	20.000	0	157.265.583	0	
20/08/2025	20/08/2025	UNC0388	Phí QLTK	1121	20.000	0	157.285.583	0	
31/10/2025	31/10/2025	25CPL10	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 10 năm 2025	3385	50.000	0	201.194.288	0	
31/10/2025	31/10/2025	25CPL10	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 10 năm 2025	3383	875.000	0	202.069.288	0	
31/10/2025	31/10/2025	25CPL10	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 10 năm 2025	334	10.192.308	0	212.261.596	0	
31/10/2025	31/10/2025	25KH10	Khấu hao TSCĐ tháng 10 năm 2025	2141	5.880.966	0	218.142.562	0	
31/10/2025	31/10/2025	25PBCC10	Phân bổ chi phí CCDC tháng 10 năm 2025	242	981.051	0	219.123.613	0	
31/10/2025	31/10/2025	25PBPTT10	Phân bổ chi phí trả trước tháng 10 năm 2025	242	317.097	0	219.440.710	0	
31/10/2025	31/10/2025	UNC0535	Phí duy trì TK	1121	30.000	0	219.470.710	0	
30/11/2025	30/11/2025	25KH11	Khấu hao TSCĐ tháng 11 năm 2025	2141	5.880.966	0	236.419.368	0	
30/11/2025	30/11/2025	25PBCC11	Phân bổ chi phí CCDC tháng 11 năm 2025	242	1.473.765	0	237.893.133	0	
30/11/2025	30/11/2025	25PBPTT11	Phân bổ chi phí trả trước tháng 11 năm 2025	242	317.097	0	238.210.230	0	
30/11/2025	30/11/2025	UNC0590	Phí duy trì TK	1121	30.000	0	238.240.230	0	
30/11/2025	30/11/2025	UNC0594	Phí duy trì TK	1121	30.000	0	238.270.230	0	
15/12/2025	15/12/2025	UNC0626	Phí BÐSD	1121	50.000	0	243.013.152	0	
17/12/2025	17/12/2025	UNC0630	Phí QLTK	1121	20.000	0	243.033.152	0	
31/12/2025	31/12/2025	25CPL12	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025	3384	150.000	0	243.183.152	0	
31/12/2025	31/12/2025	25CPL12	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025	3385	50.000	0	243.233.152	0	
31/12/2025	31/12/2025	25CPL12	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025	3383	875.000	0	244.108.152	0	
31/12/2025	31/12/2025	25CPL12	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025	334	10.192.308	0	254.300.460	0	
31/12/2025	31/12/2025	25KH12	Khấu hao TSCĐ tháng 12 năm 2025	2141	5.880.966	0	260.181.426	0	
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	0	261.972.288	0	1.790.862	
31/12/2025	31/12/2025	25PBCC12	Phân bổ chi phí CCDC tháng 12 năm 2025	242	1.473.765	0	0	317.097	
			Cộng		261.972.288	261.972.288	0	0	
Tổng cộng					261.972.288	261.972.288			

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.21: Sổ chi tiết TK 6422

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
15/07/2025	UNC0300	15/07/2025	Phí BDSĐ			1121	50.000	
15/07/2025	UNC0300	15/07/2025	Phí BDSĐ			1121	35.000	
16/07/2025	UNC0305	16/07/2025	Phí QLTK			1121	20.000	
18/07/2025	25NVK046	18/07/2025	Hạch toán hóa đơn mua vào của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP DƯƠNG THỦY theo hóa đơn số 00033034			331	1.388.889	
20/07/2025	25PC095	20/07/2025	Chi tiền cho CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH theo hóa đơn 223462			1111	926.324	
*****	*****	*****	*****			*****	*****	
31/07/2025	25CPL07	31/07/2025	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025			3384	675.000	
31/07/2025	25CPL07	31/07/2025	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025			3385	225.000	
31/07/2025	25CPL07	31/07/2025	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025			334	31.165.385	
31/07/2025	25CPL07	31/07/2025	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025			3383	3.937.500	
30/11/2025	25PBPTT11	30/11/2025	Phân bổ chi phí trả trước tháng 11 năm 2025			242	5.317.097	
30/11/2025	UNC0590	30/11/2025	Phí duy trì TK			1121	30.000	
02/12/2025	25PC140	02/12/2025	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH LỚP QUANG HUY theo hóa đơn 43			1111	4.490.000	
02/12/2025	UNC0597	02/12/2025	Phí CK			1121	27.922	
05/12/2025	25NVK093	05/12/2025	Hạch toán hóa đơn mua vào của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP DƯƠNG THỦY theo hóa đơn số 00062947			331	1.851.852	
*****	*****	*****	*****			*****	*****	
29/12/2025	25PC146	29/12/2025	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ theo hóa đơn 398174			1111	925.987	
31/12/2025	25CPL12	31/12/2025	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025			3384	540.000	
31/12/2025	25CPL12	31/12/2025	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025			3383	3.150.000	
31/12/2025	25CPL12	31/12/2025	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 12 năm 2025			334	24.157.692	
31/12/2025	25KH12	31/12/2025	Khấu hao TSCĐ tháng 12 năm 2025			2141	5.880.966	
31/12/2025	25PBCC12	31/12/2025	Phân bổ chi phí CCDC tháng 12 năm 2025			242	1.473.765	
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		712.789.481
			- Cộng số phát sinh				712.789.481	712.789.481
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				712.789.481	712.789.481

- Sổ này có 20 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 20

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Nhân

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Bùi Văn Hoàn

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.22: Sổ Cái TK 642

2.4.3 Kế toán chi phí tài chính

- Tài khoản sử dụng: TK 635 “Chi phí tài chính”
- Chứng từ sử dụng: Giấy báo Nợ, phiếu giao dịch...
- Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 635, Sổ chi tiết TK 635, Sổ Nhật ký chung.

Minh họa nghiệp vụ: Ngày 29/04/2025, Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân thực hiện thanh toán khoản lãi vay ngân hàng, với số tiền 8.340.054 đồng. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hàng để chi trả.

Lịch sử giao dịch	
690	
Ngày giao dịch	29-04-2025 23:16:07
Số giao dịch	690
Số tiền giao dịch	-8,340,054
Loại tiền	VND
Nội dung giao dịch	Trả nợ TK vay 809006727528, số tiền 8340054 VND
Số dư	1,000,000
Tài khoản đối ứng	
Tên đối ứng	
Tên chi nhánh	Back Office Operations
Kênh chuyển tiền	

Hình 2.10: Lịch sử giao dịch trả nợ TK vay

Căn cứ vào lịch sử giao dịch phát sinh, kế toán tiến hành hạch toán: Chọn phân hệ “Tiền gửi” → chọn tab “Quy trình” → chọn chức năng “Chi tiền”. Tiếp theo, kế toán nhập đầy đủ các thông tin cần thiết và số tiền thực tế công ty chi ra. Cuối cùng, kế toán bấm “Cất” → “Ghi sổ”.

Ủy nhiệm chi UNC0167		8. Chi khác	Phương thức thanh toán	Ủy nhiệm chi	Hướng dẫn sử dụng	Tổng tiền
Tài khoản chi	113604775888	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngày hạch toán	29/04/2025	8.340.054	
Mã đối tượng		Tên đối tượng	Ngày chứng từ	29/04/2025		
Địa chỉ		Số chứng từ	UNC0167			
Tài khoản nhận		Nội dung thanh toán				
Nhân viên		Trả lãi				
Tham chiếu						
Hạch toán						Loại tiền VND
#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Tên đối tượng
1	Trả lãi	635	1121	8.340.054		
				8.340.054		
Tổng số: 1 bản ghi						20 bản ghi trên 1 trang

Hình 2.11: Giao diện hạch toán trả lãi trên phần mềm

Sau khi hạch toán hoàn tất, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung và sổ cái TK 635. *(Xem chi tiết sổ NKC tại phụ lục 03).*

Để xem và kiểm tra thông tin đã cập nhật trên sổ chi tiết kế toán thực hiện: Kích chọn phân hệ “Báo cáo”, chọn “Sổ chi tiết các tài khoản”.

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635, Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	CP không hợp lý
Tài khoản: 635					776.974.792	776.974.792			
1/7/2025	1/7/2025	UNC0006	Trả lãi	1121	53.775.889	0	53.775.889	0	
1/15/2025	1/15/2025	UNC0012	Trả lãi	1121	325.480	0	54.101.369	0	
1/21/2025	1/21/2025	UNC0017	Trả lãi	1121	91.233	0	54.192.602	0	
1/21/2025	1/21/2025	UNC0018	Trả lãi	1121	246.575	0	54.439.177	0	
1/25/2025	1/25/2025	UNC0022	Trả lãi	1121	463.562	0	54.902.739	0	
1/25/2025	1/25/2025	UNC0023	Trả lãi	1121	608.219	0	55.510.958	0	
.....									
4/15/2025	4/15/2025	UNC0137	Trả lãi	1121	17.055	0	229.573.738	0	
4/15/2025	4/15/2025	UNC0139	Trả lãi	1121	73.835	0	229.647.573	0	
4/15/2025	4/15/2025	UNC0140	Trả lãi	1121	212.056	0	229.859.629	0	
4/15/2025	4/15/2025	UNC0141	Trả lãi	1121	402.740	0	230.262.369	0	
4/17/2025	4/17/2025	UNC0144	Trả lãi	1121	1.659.946	0	231.922.315	0	
4/25/2025	4/25/2025	UNC0154	Trả lãi	1121	1.257.534	0	233.179.849	0	
4/25/2025	4/25/2025	UNC0155	Trả lãi	1121	1.208.220	0	234.388.069	0	
4/29/2025	4/29/2025	UNC0167	Trả lãi	1121	8.340.054	0	242.728.123	0	
5/6/2025	5/6/2025	UNC0174	Trả lãi	1121	11.967.710	0	254.695.833	0	
6/2/2025	6/2/2025	UNC0239	Trả lãi	1121	920.548	0	316.102.904	0	
.....									
6/2/2025	6/2/2025	UNC0240	Trả lãi	1121	509.589	0	316.612.493	0	
6/2/2025	6/2/2025	UNC0241	Trả lãi	1121	690.411	0	317.302.904	0	
6/3/2025	6/3/2025	UNC0242	Trả lãi	1121	1.019.439	0	318.322.343	0	
6/10/2025	6/10/2025	UNC0255	Trả lãi	1121	48.967.169	0	367.289.512	0	
6/12/2025	6/12/2025	UNC0260	Trả lãi	1121	2.491.091	0	369.780.603	0	
7/11/2025	7/11/2025	UNC0293	Trả lãi	1121	1.052.055	0	370.832.658	0	
8/22/2025	8/22/2025	UNC0395	Trả lãi	1121	650.117	0	497.033.557	0	
8/28/2025	8/28/2025	UNC0402	Trả lãi	1121	442.192	0	497.475.749	0	
9/8/2025	9/8/2025	UNC0424	Trả lãi	1121	56.972.208	0	554.447.957	0	
9/11/2025	9/11/2025	UNC0431	Trả lãi	1121	24.893.022	0	579.340.979	0	
9/11/2025	9/11/2025	UNC0432	Trả lãi	1121	1.216.438	0	580.557.417	0	
10/31/2025	10/31/2025	UNC0532	Trả lãi	1121	1.356.165	0	665.004.230	0	
10/31/2025	10/31/2025	UNC0533	Trả lãi	1121	116.933	0	665.121.163	0	
11/5/2025	11/5/2025	UNC0540	Trả lãi	1121	3.537.206	0	668.658.369	0	
11/6/2025	11/6/2025	UNC0542	Trả lãi	1121	44.863.561	0	713.521.930	0	
11/10/2025	11/10/2025	UNC0547	Trả lãi	1121	703.606	0	714.225.536	0	
12/8/2025	12/8/2025	UNC0604	Trả lãi	1121	82.420	0	760.151.539	0	
12/9/2025	12/9/2025	UNC0607	Trả lãi	1121	1.064.457	0	761.215.996	0	
12/9/2025	12/9/2025	UNC0608	Trả lãi	1121	558.904	0	761.774.900	0	
12/10/2025	12/10/2025	UNC0613	Trả lãi	1121	15.199.892	0	776.974.792	0	
12/31/2025	12/31/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	0	776.974.792	0	0	
			Cộng		776.974.792	776.974.792	0	0	
Tổng cộng					776.974.792	776.974.792			

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.23: Sổ chi tiết TK 635

Chi phí lãi vay của công ty trong kỳ khá lớn, nguyên nhân chủ yếu do doanh nghiệp sử dụng vốn vay ngân hàng để thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Điều này làm cho chi phí lãi vay phát sinh lớn.

Để xem và kiểm tra thông tin trên sổ cái, kế toán thực hiện các thao tác như sau: Kích chọn “Tổng hợp” → “Sổ cái (Theo hình thức NKC)” để xem sổ như bảng sau:

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đòn g		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
15/01/2025	UNC0012	15/01/2025	Trả lãi			1121	325.480	
21/01/2025	UNC0017	21/01/2025	Trả lãi			1121	91.233	
21/01/2025	UNC0018	21/01/2025	Trả lãi			1121	246.575	
25/01/2025	UNC0022	25/01/2025	Trả lãi			1121	463.562	
25/01/2025	UNC0023	25/01/2025	Trả lãi			1121	608.219	
25/01/2025	UNC0026	25/01/2025	Trả lãi			1121	273.699	
25/01/2025	UNC0027	25/01/2025	Trả lãi			1121	100.355	
25/01/2025	UNC0028	25/01/2025	Trả lãi			1121	72.986	
26/01/2025	UNC0030	26/01/2025	Trả lãi			1121	641.096	
.....								
15/04/2025	UNC0136	15/04/2025	Trả lãi			1121	152.877	
15/04/2025	UNC0137	15/04/2025	Trả lãi			1121	17.055	
15/04/2025	UNC0139	15/04/2025	Trả lãi			1121	73.835	
17/04/2025	UNC0144	17/04/2025	Trả lãi			1121	1.659.946	
25/04/2025	UNC0154	25/04/2025	Trả lãi			1121	1.257.534	
25/04/2025	UNC0155	25/04/2025	Trả lãi			1121	1.208.220	
29/04/2025	UNC0167	29/04/2025	Trả lãi			1121	8.340.054	
06/05/2025	UNC0174	06/05/2025	Trả lãi			1121	11.967.710	
.....								
10/11/2025	UNC0547	10/11/2025	Trả lãi			1121	703.606	
12/11/2025	UNC0549	12/11/2025	Trả lãi			1121	345.206	
12/11/2025	UNC0550	12/11/2025	Trả lãi			1121	101.020	
13/11/2025	UNC0554	13/11/2025	Trả lãi			1121	287.717	
17/11/2025	UNC0565	17/11/2025	Trả lãi			1121	427.393	
18/11/2025	UNC0568	18/11/2025	Trả lãi			1121	141.534	
18/11/2025	UNC0569	18/11/2025	Trả lãi			1121	838.356	
18/11/2025	UNC0570	18/11/2025	Trả lãi			1121	65.753	
18/11/2025	UNC0571	18/11/2025	Trả lãi			1121	1.610.959	
08/12/2025	UNC0604	08/12/2025	Trả lãi			1121	82.420	
09/12/2025	UNC0607	09/12/2025	Trả lãi			1121	1.064.457	
09/12/2025	UNC0608	09/12/2025	Trả lãi			1121	558.904	
10/12/2025	UNC0613	10/12/2025	Trả lãi			1121	15.199.892	
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		776.974.792
			- Cộng số phát sinh				776.974.792	776.974.792
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				776.974.792	776.974.792

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Nhân

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Bùi Văn Hoàn

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)
Bảng 2.24: Sổ Cái TK 635

2.4.4 Kế toán chi phí khác

- Tài khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác” dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.
- Chứng từ sử dụng: Giấy nộp tiền vào NSNN và chứng từ liên quan khác...
- Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 811, Sổ chi tiết TK 811, Sổ Nhật ký chung.

Minh họa nghiệp vụ: Ngày 23/07/2025, công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân hạch toán chi phí khác do vi phạm tiền chậm nộp thuế TNDN và tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Khi nhận được thông báo, kế toán tiến hành hạch toán 2 khoản phạt này do chậm nộp để ghi nhận vào chi phí khác của năm 2025.

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:....

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: QB1162225
Số: 6235836

Số tham chiếu: 11220250332163893

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN
Địa chỉ: Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ
Quận/Huyện:
Người nộp thay:
Địa chỉ:
Quận/Huyện:
Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
Nộp vào cho NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
Vào tài Khoản của KBNN: Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII Tỉnh, TP: Tỉnh Quảng Trị
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: AGR Huyện Lệ Thủy
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐
Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐
Tại cơ quan quản lý thu: Xã Tân Mỹ - Thuế cơ sở 5 tỉnh Quảng Trị

Mã số thuế: 3101109591
Tỉnh, TP: Tỉnh Quảng Trị
Mã số thuế:
Tỉnh, TP:
trích TK số: 3802666123777
Mã CQ thu: 1139834

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiêu Mục
1	3300354358540001	00/11/2021	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí);		32.644	755	4918
Tổng tiền					32.644		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng

PHÂN KBNN GHI	
Mã CQ thu:	Nợ TK:
Mã ĐBHC:	Có TK:
Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN
Ngày ký: 23/07/2025 20:13:15.

Ký điện tử bởi: CỤC THUẾ
Ngày ký: 23/07/2025 20:13:18.

Ký điện tử bởi: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
Ngày ký: 23/07/2025 20:13:21.

Bảng 2.25: Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước

Không ghi vào khu
vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:....
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: QBI162225
Số: 6235831

Số tham chiếu: 11220250332164656

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN

Mã số thuế: 3101109591

Địa chỉ: Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP: Tỉnh Quảng Trị

Người nộp thay:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tỉnh, TP:

Quận/Huyện:

Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trích TK số: 3802666123777

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

Nộp vào cho NSNN ☒

TK tạm thu ☐

TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản của KBNN: Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII Tỉnh, TP: Tỉnh Quảng Trị

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: AGR Huyện Lệ Thủy

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐

Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐

Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tại cơ quan quản lý thu: Xã Tân Mỹ - Thuế cơ sở 5 tỉnh Quảng Trị

Mã CQ thu: 1139834

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiêu Mục
1	3300354358550001	00/11/2021	Tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý. ;		31.356	755	4272
Tổng tiền					31.356		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng

PHÂN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN

 Ngày ký: 23/07/2025 20:12:25.

 Ký điện tử bởi: CỤC THUẾ

 Ngày ký: 23/07/2025 20:12:33.

 Ký điện tử bởi: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

 Ngày ký: 23/07/2025 20:12:35.

Bảng 2.26: Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước

Căn cứ vào giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, kế toán tiền hành hạch toán trên phần mềm kế toán như sau: Vào phân hệ “Tổng hợp” → Chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác” để hạch toán nghiệp vụ.

Diễn giải

Chậm nộp

Ngày hạch toán

23/07/2025

Tổng tiền

64.000

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

Ngày chứng từ

23/07/2025

Số chứng từ

25NVK048

Tham chiếu

...

Hạch toán

Kê khai hóa đơn và hạch toán thuế

Hạch toán

Hạch toán góp nhiều hóa đơn

Trợ lý AI

Loại tiền

VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ
1	Chậm nộp thuế TNDN	811	3339	32.644			
2	Chậm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	811	3339	31.356			
				64.000			

Tổng số: 2 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Xóa hết dòng

Không lên bảng kê thuế GTGT

Hình 2.12: Giao diện hạch toán chậm nộp trên phần mềm

Để xem sổ Nhật ký chung: Kích chọn phân hệ “Báo cáo”, chọn “Sổ Nhật ký chung” → “Chọn tham số” → tích chọn thời gian “Kỳ báo cáo” → “Năm nay” → Kích chọn “Xem báo cáo” để xem. (*Xem chi tiết sổ NKC tại phụ lục 03*).

Để xem và kiểm tra thông tin trên sổ cái, kế toán thực hiện các thao tác như sau: Kích chọn “Tổng hợp” → “Sổ cái (Theo hình thức NKC)” chọn thời gian báo cáo định kỳ “Năm nay” → Chọn “TK 811” → Bấm “Xem báo cáo” và Kích chọn “Excel” để xuất báo cáo như bảng sau:

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 811 - Chi phí khác			Đơn vị tính: VND					
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
01/03/2025	01/03/2025	25NVK116	Giảm thuế GTGT được khấu trừ			1331	139.903.265	0
12/05/2025	12/05/2025	25NVK029	Truy thu thuế TNDN			3339	24.244.875	0
23/07/2025	23/07/2025	25NVK048	Chậm nộp			3339	64.000	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	0	164.212.140
			- Cộng số phát sinh				164.212.140	164.212.140
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				164.212.140	164.212.140

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Nhân

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Bùi Văn Hoàn

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.27: Sổ Cái TK 811

Trong năm 2025, công ty phát sinh khoản chi phí do bị truy thu thuế TNDN. Nguyên nhân do trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp, cơ quan thuế đã rà soát hồ sơ kê khai thuế, chứng từ kế toán và tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của công ty trong các năm trước. Qua kiểm tra, cơ quan thuế xác định có một số khoản thuế TNDN phải nộp bổ sung theo quy định, từ đó ban hành quyết định truy

thu thuế TNDN đối với các kỳ tính thuế trước. Căn cứ vào quyết định của cơ quan thuế, công ty thực hiện ghi nhận khoản thuế TNDN bị truy thu vào chi phí trong năm 2025 theo quy định hiện hành.

2.4.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Tài khoản sử dụng: TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
TK 3334 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”
- Chứng từ sử dụng: Tờ khai thuế TNDN, phiếu chi, uỷ nhiệm chi,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 821, Sổ nhật ký chung.
- Xác định chi phí thuế TNDN năm 2025:

Căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025, công ty xác định được tổng thu nhập chịu thuế là 160.789.389 đồng. Do doanh nghiệp áp dụng thuế suất thuế TNDN 17%, nên chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm được xác định là:

$$160.789.389 \times 17\% = 27.334.196 \text{ đồng.}$$

➤ Như vậy, số thuế TNDN của công ty năm 2025 là 27.334.296 đồng.

Tờ khai quyết toán thuế TNDN (*Xem chi tiết tại phụ lục 06*)

Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 (*Xem chi tiết tại phụ lục 07*)

Khi hạch toán trên phần mềm hoàn tất, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 821. (*Xem chi tiết sổ NKC tại phụ lục 03*).

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
12/05/2025	25NVK029	12/05/2025	Truy thu thuế TNDN			3334	36.270.921	
31/12/2025	25NVK121	31/12/2025	Thuế TNDN năm 2025			3334	27.334.196	
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		63.605.117
			- Cộng số phát sinh				63.605.117	63.605.117
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				63.605.117	63.605.117

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Nhân

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Bùi Văn Hoàng

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.28: Sổ Cái TK 821

2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Việc xác định kết quả kinh doanh nhằm phản ánh tình hình phát triển của công ty trong năm lãi hay lỗ. Kết quả được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm góp phần giúp nhà quản lý nắm bắt rõ hơn về doanh nghiệp, báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan nhất. Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Tài khoản sử dụng: TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. Các tài khoản liên quan bao gồm các tài khoản về doanh thu, chi phí và lợi nhuận. Cụ thể: TK 511, 515, 711, 632, 635, 642, 811, 821, 421.

- Chứng từ sử dụng: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Các loại sổ sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911.
- Quy trình ghi sổ:

Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong kỳ được theo dõi trên TK 911, tất cả doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp trên TK 911 bằng các bút toán kết chuyển cuối kỳ.

Vào cuối năm, sau khi đã kiểm tra tất cả các chứng từ sổ sách liên quan đến toàn bộ hoạt động kinh doanh trong năm không có phát hiện sai sót, kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ doanh thu và chi phí vào TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời, kế toán tiến hành lập và in báo cáo kết quả hoạt động kết quả kinh doanh cho cả năm 2025 của doanh nghiệp.

Quy trình kết chuyển được thực hiện trên phần mềm như sau: Chọn “Tổng hợp” → chọn “Kết chuyển lãi lỗ” → Chọn “Thêm kết chuyển lãi, lỗ” → “Cất”.

Hình 2.13: Giao diện phần mềm kết chuyển

Sau khi kết chuyển lãi lỗ, để xem sổ cái TK 911, kế toán thực hiện: Kích chọn “Báo cáo” → “Tổng hợp” → “Sổ cái (Theo hình thức NKC)” chọn thời gian báo cáo định kỳ “Năm nay” → Chọn “TK 911” → Bấm “Xem báo cáo” và Kích chọn “Excel” để xuất báo cáo.

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212		67.027.868
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5111		38.927.952.770
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5113		2.841.667
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			515		346.548
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			632	37.280.587.323	
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			635	776.974.792	
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6421	450.817.193	
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6422	261.972.288	
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			811	164.212.140	
31/12/2025	25NVK124	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			821	63.605.117	
			- Cộng số phát sinh				38.998.168.853	38.998.168.853
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				38.998.168.853	38.998.168.853

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Nhân

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Văn Hoàng

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.29: Sổ Cái TK 911

Từ dữ liệu sổ cái TK 911, kế toán tiến hành lập “Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”. Quy trình như sau: Vào phân hệ “Tổng hợp” → Tab “Quy trình” → chọn “Lập Báo cáo tài chính” → chọn “Báo cáo tài chính” → tích chọn “Năm” → chọn “Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh” → “Đồng ý” → “Cất”. Sau khi hoàn tất việc lập BCTC, kế toán tiến hành thực hiện khoá sổ kỳ kế toán nhằm không thể thay đổi số liệu đã được chốt.

➤ Trong năm 2025, dựa vào sổ cái các tài khoản doanh thu, chi phí, kế toán xác định được:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty là 38.940.827.727 đồng

- Các khoản giảm trừ doanh thu là 10.033.290 đồng
- Giá vốn hàng bán là 37.280.587.323 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính là 346.548 đồng
- Chi phí tài chính là 776.974.792 đồng
- Chi phí quản lý kinh doanh là 712.789.481 đồng
- Thu nhập khác là 0 đồng
- Chi phí khác là 164.212.140 đồng
- Chi phí thuế TNDN là 63.605.868 đồng

➤ *Cách tính như sau:*

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Tổng doanh thu bán hàng} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} \\ = 38.940.827.727 - 10.033.290 = 38.930.794.437 \text{ đồng}$$

$$\text{LN gộp về BH \& CCDV} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} \\ = 38.930.794.437 - 37.280.587.323 = 1.650.207.114 \text{ đồng}$$

$$\text{LN thuần từ HĐKD} = \text{LN gộp về BH \& CCDV} + (\text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC}) - \text{Chi phí QLKD} \\ = 1.650.207.114 + (346.548 - 776.974.792) - 712.789.481 \\ = 160.789.389 \text{ đồng}$$

- Lợi nhuận khác là phần chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí khác phát sinh bao gồm các khoản giảm thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phạt do nộp chậm thuế TNDN,...

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \\ = 0 - 164.212.140 = (164.212.140) \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{LN thuần từ HĐKD} + \text{Lợi nhuận khác} \\ = 160.789.389 + (164.212.140) = (3.422.751) \text{ đồng}$$

- Tổng thu nhập chịu thuế được tính bằng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và các khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

$$= (3.422.751) + 164.212.140 = 160.789.389 \text{ đồng}$$

- Chi phí thuế TNDN năm nay bằng thu nhập chịu thuế với thuế suất 17% (áp dụng cho doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ 3 tỷ đến không quá 50 tỷ đồng).

$$= (160.789.389 \times 17\%) = 27.334.196 \text{ đồng}$$

- Chi phí thuế TNDN truy thu phát sinh do cơ quan thuế kiểm tra và điều chỉnh nghĩa vụ thuế của các năm trước theo quy định. Qua kiểm tra, cơ quan thuế quyết định truy thu doanh nghiệp khoản thuế TNDN là 36.270.921 đồng. Ngoài ra, doanh nghiệp còn phải nộp thêm khoản chậm nộp và các khoản phạt theo vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Chi phí thuế TNDN = (Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN) + Tiền truy thu thuế TNDN

$$= (160.789.389 \times 17\%) + 36.270.921 = 63.605.117 \text{ đồng}$$

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng LN kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

$$= (3.422.751) - 63.605.117 = (67.027.868) \text{ đồng}$$

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN

[03] Mã số thuế: 3101109591

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	38.940.827.727	26.913.166.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.033.290	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		38.930.794.437	26.913.166.328
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	37.280.587.323	26.533.636.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.650.207.114	379.529.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	346.548	191.719
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	776.974.792	674.905.431
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.6	712.789.481	552.491.417
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		160.789.389	(847.675.156)
10. Thu nhập khác	31	VI.7	0	0
11. Chi phí khác	32	VI.8	164.212.140	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(164.212.140)	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.422.751)	(847.675.156)
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.9	63.605.117	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(67.027.868)	(847.675.156)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Nhân

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Bùi Văn Hoàng

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Ngày ký: 14/03/2026 17:01:35.

(Nguồn lấy từ phòng kế toán-Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân)

Bảng 2.30: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty bắt buộc phải hoàn thành và trình ban Giám đốc về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty phải hoàn thành Báo cáo tài chính của năm để nộp theo đúng quy định của cơ quan Nhà nước.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN

3.1 Nhận xét chung về công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân

3.1.1 Ưu điểm

- Về bộ máy quản lý công ty

Bộ máy quản lý của công ty đơn giản nhưng lại rất linh hoạt, hoàn thiện và thống nhất, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý, phù hợp với quy mô là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Giám đốc là người đứng đầu, quan sát theo dõi sát sao, quản lý và chỉ đạo các bộ phận thực hiện nhiệm vụ theo đúng chuyên môn.

Công ty tuy chỉ có một kế toán nhưng vẫn tạo ra kết quả công việc hiệu quả và phối hợp giữa các thành viên khác trong công ty rất nhịp nhàng. Kế toán của công ty là một người lành nghề, dày dặn kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn được đào tạo qua trường lớp về chuyên môn kế toán và đã gắn bó lâu dài với công ty, thành thạo trong công việc. Đồng thời, cũng nhanh chóng tiếp thu những thông tin mới, chính sách mới trong lĩnh vực kế toán. Không ngừng tự trau dồi nâng cao trình độ để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời giúp cho ban lãnh đạo nắm được tình hình kinh doanh của công ty.

Việc bố trí nhân viên bán hàng kiêm nhiệm thủ quỹ tại công ty có thể mang lại sự thuận tiện trong điều kiện quy mô nhỏ, góp phần tiết kiệm chi phí nhân sự và đơn giản hoá bộ máy quản lý.

- Về hình thức sổ kế toán và phần mềm kế toán

Việc công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung kết hợp với sử dụng phần mềm kế toán MISA thay cho phương pháp hạch toán thủ công đã mang lại nhiều hiệu quả tích cực trong công tác kế toán. Thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình ghi chép, xử lý và lưu trữ dữ liệu kế toán, khối lượng công việc thủ công được giảm bớt đáng kể, giúp kế toán tiết kiệm thời gian và nâng cao năng suất làm việc.

Phần mềm kế toán hỗ trợ tự động hoá các bước hạch toán, hạn chế sai sót trong quá trình ghi sổ, từ đó nâng cao tính chính xác và độ tin cậy của thông tin kế toán. Việc kiểm tra, đối chiếu và chỉnh sửa số liệu cũng được thực hiện nhanh chóng và thuận tiện hơn so với phương pháp thủ công. Đồng thời, hệ thống sổ sách và chứng từ kế toán được quản lý một cách khoa học, chặt chẽ, góp phần hỗ trợ ban lãnh đạo trong việc theo dõi tình hình tài chính và đưa ra các quyết định quản lý kịp thời, hiệu quả.

- Về tổ chức chứng từ kế toán

Quy trình lưu chuyển chứng từ tại công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ và phù hợp với quy mô hoạt động vừa và nhỏ của doanh nghiệp. Các chứng từ phát sinh trong quá trình bán hàng hoá như hoá đơn, phiếu thu,... được lập đầy đủ, được chuyển về kế toán để kiểm tra, ghi sổ kịp thời. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung kết hợp với phần mềm kế toán giúp việc xử lý, lưu trữ và đối chiếu chứng từ thuận tiện hơn, hạn chế sai sót và trùng lặp.

Công ty áp dụng mẫu chứng từ và sử dụng hệ thống tài khoản kế toán hoàn toàn tuân thủ theo quy định của Bộ Tài Chính theo thông tư 133/2016/TT-BTC phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp. Tránh tình trạng bị cơ quan thuế kiểm tra đột xuất, các giấy tờ chứng từ gốc được công ty bảo quản tốt nhằm phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra thuế sau này.

- Về kế toán doanh thu

Thời điểm ghi nhận doanh thu tại Công ty được thực hiện ngay sau khi hàng hoá được giao cho khách hàng và công ty xuất hoá đơn GTGT theo đúng quy định. Việc ghi nhận doanh thu, giá vốn và các khoản chi phí phát sinh được thực hiện tương đối đầy đủ, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc phù hợp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty được thực hiện khá chặt chẽ và có hệ thống. Các khoản doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ đều được kế toán cập nhật kịp thời trên phần mềm kế toán MISA, góp phần hỗ trợ cho việc xác định kết quả kinh doanh được chính xác và thuận tiện hơn.

Hiện nay, công ty sử dụng tài khoản:

- + Doanh thu bán hàng hoá (TK 5111)
- + Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)

Việc theo dõi riêng doanh thu bán hàng hoá và doanh thu cung cấp dịch vụ giúp công ty dễ dàng kiểm tra tình hình hoạt động của từng lĩnh vực kinh doanh. Qua đó, Ban giám đốc có thể đánh giá được hoạt động nào mang lại hiệu quả cao hơn để có kế hoạch phát triển phù hợp, góp phần nâng cao doanh thu và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về kế toán chi phí

Phương pháp kế toán mà Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty khi các nghiệp vụ mua bán hàng hoá phát sinh thường xuyên với số lượng tương đối nhiều mỗi ngày.

Các khoản chi phí tài chính, đặc biệt là chi phí lãi vay ngân hàng, được kế toán theo dõi và phản ánh tương đối đầy đủ, góp phần cung cấp thông tin phục vụ

cho việc đánh giá tình hình sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh được phản ánh tương đối rõ ràng, giúp doanh nghiệp thuận tiện trong việc theo dõi các khoản chi phục vụ cho hoạt động quản lý và hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công ty hiện đang áp dụng phần mềm kế toán MISA trong công tác kế toán, góp phần giảm bớt khối lượng công việc thủ công cho kế toán, đồng thời hỗ trợ việc ghi nhận, tổng hợp và xử lý số liệu được nhanh chóng và chính xác hơn.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty nhìn chung đã được tổ chức tương đối hợp lý và phù hợp với quy mô hoạt động hiện nay của doanh nghiệp. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu, giá vốn, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính và các khoản chi phí khác đều được kế toán cập nhật đầy đủ, kịp thời trên phần mềm kế toán dựa trên các chứng từ liên quan theo nguyên tắc kế toán Nhà nước ban hành.

3.1.2 Hạn chế

Ngoài những ưu điểm nổi bật trên của công ty, cũng có một số hạn chế về công tác kế toán tại công ty như sau:

- Về bộ máy kế toán tại công ty

Công ty chỉ bố trí một kế toán có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm, tuy nhiên việc tập trung toàn bộ công tác kế toán vào một cá nhân cũng có thể xảy ra một số rủi ro tiềm ẩn nhất định. Khi khối lượng công việc tăng cao vào các thời điểm cuối kỳ hoặc mùa cao điểm kinh doanh, kế toán có thể gặp áp lực về thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý chứng từ và lập báo cáo. Bên cạnh đó, việc không có người hỗ trợ hoặc thay thế khi kế toán nghỉ phép, nghỉ ốm cũng có thể làm gián đoạn công tác kế toán của công ty.

Việc bố trí nhân viên bán hàng kiêm thủ quỹ làm suy giảm hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trong công ty. Khi không có sự phân tách rõ ràng giữa các khâu lập chứng từ, thu tiền và giữ tiền, khả năng kiểm tra, giám sát lẫn nhau bị hạn chế, từ đó làm gia tăng nguy cơ xảy ra các hành vi gian lận tiền mặt hoặc sai sót trong quá trình ghi nhận doanh thu. Vì vậy, việc đối chiếu giữa số liệu kế toán và thực tế cũng trở nên khó khăn, ảnh hưởng đến tính chính xác của thông tin kế toán. Song về lâu dài, mô hình tổ chức này có thể tác động tiêu cực đến tính minh bạch cũng như độ tin cậy, làm giảm hiệu quả quản lý và uy tín của công ty.

- Hình thức sổ kế toán và phần mềm kế toán

Công ty thực hiện hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm MISA. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán phản ánh vào phần mềm nhưng đôi khi lại nhập sai chỗ nhập, sai số tiền, sai ngày, nhập trùng, chỉ hạch toán dựa trên chứng từ lịch sử giao dịch ngân hàng không có chứng từ ngân hàng như giấy báo nợ/có... Ngoài ra, phần mềm kế toán và hệ thống máy tính nếu xảy ra sự cố kỹ thuật, mất điện hoặc lỗi phần mềm có thể ảnh hưởng đến việc ghi chép và khai thác thông tin kế toán. Dẫn tới việc mất thời gian để khắc phục và không nhận lại được hiệu quả công việc cao.

- Về kế toán doanh thu

Công ty không mở sổ chi tiết doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng, gây khó khăn trong việc kiểm tra, theo dõi, xác định lợi nhuận từng loại mặt hàng, không xác định được mặt hàng nào kinh doanh có hiệu quả cao và mặt hàng nào kinh doanh còn kém hiệu quả, từ đó ảnh hưởng tới quyết định kinh doanh của các nhà quản lý doanh nghiệp.

- Về kế toán chi phí

Trong năm, chi phí tài chính của công ty mức khá cao, cho thấy chi phí lãi vay của công ty còn lớn, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu là do công ty vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay để phục vụ hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong quá trình nhập hàng và duy trì nguồn vốn lưu động.

Công ty chưa thực hiện theo dõi công nợ khách hàng một cách chặt chẽ. Một số khách hàng thường xuyên mua hàng với số lượng và giá trị lớn nhưng lại thanh toán trả chậm. Để hạn chế rủi ro công ty cần lưu ý về việc theo dõi các công nợ phải thu.

3.2 Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân

3.2.1 Sự cần thiết

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng, các doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội cũng như thách thức lớn. Để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp cần không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó việc củng cố và hoàn thiện bộ máy quản lý, đặc biệt là bộ máy kế toán, giữ vai trò hết sức quan trọng.

Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, với đặc thù hàng hoá có giá trị lớn và biến động thường xuyên theo thị trường. Do đó, việc tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong việc phản ánh

chính xác doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty. Qua đó, giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định điều hành phù hợp và kịp thời.

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện

Tuân thủ đúng các quy định của chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo tính hợp pháp, phù hợp đối với thông tin kế toán, đồng thời cũng đảm bảo chắc chắn công tác kiểm tra, tạo điều kiện thuận lợi khi cơ quan thuế đến kiểm tra đột xuất.

Phải phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ phát sinh, đặc biệt là đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì càng trở nên quan trọng hơn khi đây chính là mấu chốt để đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc ghi nhận đầy đủ, chính xác thông tin giúp nhà quản trị có thể nắm rõ hơn về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp.

Tăng cường việc kiểm soát nội bộ: phải phân công rõ ràng giữa các bộ phận như nhân viên bán hàng, thủ quỹ sẽ góp phần hạn chế sai sót, gian lận trong quá trình ghi nhận doanh thu, chi phí.

Công tác kế toán: doanh nghiệp cần hướng tới việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, tại doanh nghiệp phần mềm kế toán Misa không chỉ giúp tự động hoá ghi nhận, tổng hợp số liệu mà còn đối chiếu, kiểm tra góp phần giảm thiểu thiếu sót.

3.3 Một số kiến nghị để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân

Trong quá trình nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân, em nhận thấy công ty đã tổ chức tương đối đầy đủ công tác kế toán theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần được hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng thông tin kế toán.

a) Hoàn thiện kế toán doanh thu

❖ Về theo dõi chi tiết doanh thu

Hiện nay, công ty theo dõi và hạch toán chung toàn bộ doanh thu vào TK 5111. Công ty nên theo dõi chi tiết doanh thu theo từng mặt hàng sẽ giúp công ty dễ dàng quản lý tình hình tiêu thụ của từng mặt hàng, từ đó xác định được những mặt hàng có sản lượng tiêu thụ cao và mang lại hiệu quả lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Qua đó, Ban giám đốc có thể chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch nhập hàng, dự trữ hàng hoá cũng như đưa ra chính sách giá bán phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Ví dụ minh họa giả định: Trong tháng 9 năm 2025, tổng doanh thu 2.855.938.619 đồng. Công ty bán mặt hàng “Thép dày mạ lạnh AZ150 phủ AF: 1.90mmzx165mm G350” có doanh thu đạt được là 195.443.182 đồng với tổng số lượng tiêu thụ là 11.025,55kg.

- Tỷ lệ doanh thu thép trên tổng doanh thu tháng 9 được xác định như sau:

$$= (195.443.182 / 2.855.938.619) \times 100 = 6,84\%$$

Đối với mặt hàng “Que hàn”, doanh thu đạt được 410.000 đồng với tổng số lượng bán được là 17kg.

- Tỷ lệ doanh thu của que hàn trên tổng doanh thu tháng 9:

$$= (410.000 / 2.855.938.619) \times 100 = 0,01\%$$

➤ Qua việc theo dõi doanh thu theo từng mặt hàng, công ty có thể dễ dàng xác định được những mặt hàng mang lại doanh thu cao để tập trung đẩy mạnh tiêu thụ, đồng thời có kế hoạch dự trữ hàng hóa phù hợp với nhu cầu thị trường.

Cách thực hiện cụ thể:

- Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán cần ghi nhận đầy đủ các thông tin gồm: mã hàng, tên hàng hóa, số lượng bán, đơn giá, doanh thu, khách hàng và thời gian bán hàng.

- Trên phần mềm kế toán MISA, doanh nghiệp có thể khai báo danh mục hàng hóa theo từng mã riêng biệt để hệ thống tự động tổng hợp doanh thu của từng mặt hàng.

Ví dụ: + Mã THEP01: Thép

+ Mã TON01: Tôn

+ Mã KHAC01: Que hàn, bột trét,...

- Doanh nghiệp có thể mở chi tiết tài khoản tương ứng để phù hợp với yêu cầu quản lý:

+ TK 5111: Doanh thu thép

+ TK 5112: Doanh thu tôn

+ TK 5118: Doanh thu các vật liệu khác (như que hàn, bột trét,...)

Khi phát sinh nghiệp vụ bán mặt hàng thép dày mạ lạnh, kế toán lựa chọn đúng mã hàng trên phần mềm MISA. Hệ thống sẽ tự động ghi nhận doanh thu vào TK 5111 và giá vốn tương ứng vào TK 6321. Tương tự, đối với các nhóm hàng khác, doanh thu và giá vốn sẽ được phản ánh trên các tài khoản chi tiết tương ứng, giúp doanh nghiệp dễ dàng theo dõi và đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng mặt hàng.

- Vào cuối mỗi tháng, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp doanh thu theo từng mặt hàng, từng tài khoản doanh thu cho Ban giám đốc nhằm đánh giá mức độ tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm.

- Căn cứ vào số liệu tổng hợp, Ban giám đốc có thể phân tích xu hướng tiêu thụ, xác định mặt hàng chủ lực và đưa ra kế hoạch kinh doanh phù hợp cho các kỳ tiếp theo.

❖ Về diễn giải trong hạch toán doanh thu

Ở nghiệp vụ 4 - nghiệp vụ liên quan đến thu lại phí bảo lãnh ngân hàng theo hợp đồng nguyên tắc, công ty nên thực hiện diễn giải rõ ràng, đúng với nội dung kinh tế phát sinh thay vì sử dụng nội dung mặc định do phần mềm tự động cập nhật.

Công ty diễn giải nội dung nghiệp vụ thực tế phát sinh trên sổ chi tiết TK 5113: nên ghi rõ nội dung “Thu lại phí bảo lãnh ngân hàng theo hợp đồng nguyên tắc số...” thay vì sử dụng nội dung mặc định do phần mềm tự động cập nhật “Bán hàng cho công ty... theo hóa đơn số...”.

Việc diễn giải rõ ràng và đúng bản chất nghiệp vụ sẽ giúp thông tin kế toán phản ánh minh bạch, dễ theo dõi, đồng thời hạn chế những nhầm lẫn trong quá trình kiểm tra, đối chiếu của cơ quan thuế.

❖ Về các khoản giảm trừ doanh thu

Nên chú trọng hơn trong khâu kiểm tra hàng hóa trước khi giao bán cho khách hàng nhằm đảm bảo giao đúng chủng loại, quy cách và số lượng theo đã thỏa thuận với khách hàng. Việc kiểm tra chặt chẽ sẽ góp phần hạn chế tình trạng hàng bán bị trả lại, giảm các khoản giảm trừ doanh thu và nâng cao uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng.

b) Hoàn thiện kế toán giá vốn

Tương tự việc hạch toán chi tiết doanh thu, giá vốn hàng bán cũng cần mã cho từng mã hàng, tài khoản riêng biệt nhằm kiểm soát giá vốn từng mặt hàng tương ứng nhằm phục vụ cho việc xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng mặt hàng. Quá trình theo dõi chi tiết giá vốn tương tự phần hoàn thiện theo dõi chi tiết doanh thu.

- Công ty có thể xây dựng mã hàng như sau:

- + Mã THEP01: Thép
- + Mã TON01: Tôn
- + Mã KHAC01: Que hàn, bột trét,...

- Tương ứng với tài khoản chi tiết:

- + TK 6321: Giá vốn thép
- + TK 6322: Giá vốn tôn
- + TK 6328: Giá vốn các vật liệu khác (như que hàn, bột trét,...)

Do đó, khi xuất bán hàng hoá kế toán có thể chọn mã THEP01 tương ứng với TK 6321 của mặt hàng để dễ dàng phục vụ công tác kiểm tra và xác định được lợi nhuận của từng mặt hàng.

❖ Về theo dõi và thu hồi công nợ

Công ty cần tăng cường công tác theo dõi và thu hồi công nợ khách hàng. Việc thanh toán trả chậm ở một số khách hàng với số tiền lớn làm ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn của doanh nghiệp và làm gia tăng chi phí lãi vay ngân hàng. Nên có biện pháp thu hồi lại nguồn vốn và đưa ra chính sách thanh toán phù hợp như chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm, ưu tiên chính sách giá tốt hơn đối với khách hàng thanh toán đúng hạn,... nhằm thúc đẩy, khuyến khích khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc thanh toán ngay khi mua hàng.

Cụ thể, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 1% đến 2% trên giá trị thanh toán đối với khách hàng thanh toán trong thời gian ngắn theo quy định của hợp đồng, chẳng hạn thanh toán trong vòng 7 ngày hoặc 10 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Ví dụ: Đối với đơn hàng trị giá 100.000.000 đồng, nếu khách hàng thanh toán trong vòng 7 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn thì sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 1%, tương đương 1.000.000 đồng. Khoản chiết khấu này được xem như một khoản chi phí tài chính nhưng sẽ giúp công ty thu hồi vốn nhanh hơn, hạn chế tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn kéo dài.

❖ Về chi phí lãi vay

Công ty có phát sinh các khoản chi phí lãi vay trong kỳ nhưng trên phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh lại bằng 0 (**mã số 23 - mẫu số B02 - DNN tại phụ lục 08**)

Nguyên nhân là do các khoản chi phí tài chính phát sinh bao gồm các khoản lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm... và các chi phí liên quan khác đều được công ty hạch toán chung vào TK 635 - “Chi phí tài chính” mà chưa được thực hiện theo dõi, phân loại chi tiết theo từng nội dung chi phí.

Điều này dẫn đến việc khi lập báo cáo tài chính, phần mềm chỉ tổng hợp số liệu chung của TK 635 mà chưa theo dõi chi tiết tách biệt riêng phần chi phí lãi vay để trình bày tại chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Vì vậy, công ty nên thực hiện theo dõi chi tiết các khoản chi phí lãi vay trên sổ chi tiết TK 635 nhằm phục vụ cho việc tổng hợp và trình bày số liệu đầy đủ, chính xác trên báo cáo tài chính. Việc phân loại riêng chi phí lãi vay không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch của thông tin kế toán mà còn giúp người đọc báo cáo tài chính đánh giá rõ hơn tình hình sử dụng vốn vay và chi phí tài chính phát sinh của doanh nghiệp.

c) Hoàn thiện xác định lãi gộp theo từng mặt hàng

Từ việc hoàn thiện công tác theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn hàng bán theo từng mã hàng, công ty có thể dễ dàng xác định được lãi gộp của từng mặt hàng phát sinh trong kỳ. Việc xác định lãi gộp riêng cho từng sản phẩm giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng mặt hàng một cách chính xác hơn.

Ví dụ minh họa giả định: Trong tháng 9 năm 2025, tổng doanh thu 2.855.938.619 đồng. Công ty bán mặt hàng “Thép dày mạ lạnh AZ150 phủ AF: 1.90mmzx165mm G350” có giá vốn hàng bán 173.604.674 đồng.

- Qua đó, cho thấy lãi gộp của thép được xác định là:

$$195.443.182 - 173.604.674 = 21.838.508 \text{ đồng.}$$

Đối với mặt hàng “Que hàn”, có giá vốn hàng bán là 390.150 đồng. Ta xác định được lãi gộp của que hàn là:

$$410.000 - 390.150 = 19.850 \text{ đồng.}$$

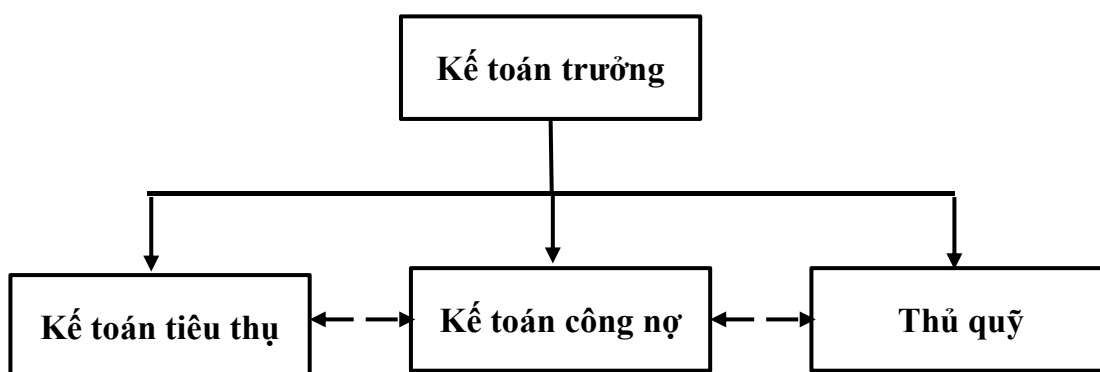
➤ Việc xác định doanh thu, giá vốn và lãi gộp của từng mặt hàng giúp doanh nghiệp đánh giá khả năng sinh lời của từng sản phẩm trong quá trình kinh doanh. Thông qua việc theo dõi chi tiết theo mã hàng trên phần mềm kế toán, công ty có thể so sánh giữa doanh thu đạt được và chi phí giá vốn tương ứng của từng mặt hàng để xác định mức lợi nhuận mang lại. Đây là cơ sở giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định về chính sách giá bán, kế hoạch nhập hàng cũng như định hướng tiêu thụ đối với từng sản phẩm kinh doanh.

d) Hoàn thiện tổ chức chứng từ kế toán

Công ty cần chú trọng hơn trong công tác lưu trữ và quản lý chứng từ nhằm đảm bảo phục vụ hiệu quả cho hoạt động kiểm tra, đối chiếu số liệu. Cụ thể, doanh nghiệp cần thực hiện in và lưu trữ đầy đủ các chứng từ liên quan như sao kê ngân hàng, giấy báo nợ, giấy báo có và các chứng từ khác phát sinh trong quá trình hoạt động. Việc thực hiện chưa đầy đủ hoặc thiếu sót trong khâu lưu trữ chứng từ có thể gây khó khăn cho công tác kiểm tra của bộ phận quản lý nội bộ cũng như khi cơ quan thuế tiến hành kiểm tra, thanh tra đột xuất. Điều này không chỉ làm gián đoạn quá trình đối chiếu số liệu mà còn tiềm ẩn nguy cơ sai sót trong công tác kế toán. Do đó, việc hoàn thiện quy trình lưu trữ chứng từ là hết sức cần thiết nhằm nâng cao tính minh bạch, đầy đủ và chính xác của thông tin kế toán tại công ty.

e) Hoàn thiện bộ máy kế toán

Để kiểm soát hiệu quả công tác kế toán tốt hơn, công ty nên tuyển dụng thêm một số nhân sự để thực hiện rõ ràng các nhiệm vụ và chức năng riêng biệt đối với từng nhân viên khác nhau trong bộ máy kế toán để tạo ra một hệ thống kiểm soát nội bộ. Sau khi tuyển thêm nhân sự, bộ máy kế toán của công ty sẽ như sau:



Ghi chú: Quan hệ chỉ đạo: $\longleftrightarrow$

Quan hệ phối hợp: $\longleftrightarrow$

- Kế toán trưởng gồm 1 người (Kiêm kế toán tổng hợp, kế toán thuế): là người chỉ đạo, điều hành và giám sát mọi công tác kế toán tại công ty, phân tích đánh giá tình hình, xác định kết quả kinh doanh doanh và lập BCTC. Đồng thời, lập các tờ khai thuế, báo cáo thuế và các thủ tục liên quan đến thuế, cũng như trao đổi với Ban giám đốc về các phương pháp để hoàn thiện quá trình phát triển của công ty dựa trên tình hình tài chính.

- Kế toán tiêu thụ gồm 1 người: là người nắm bắt tình hình tiêu thụ hàng hoá và ghi nhận doanh thu tại doanh nghiệp, thực hiện lập hoá đơn GTGT khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, ghi nhận doanh thu và thuế GTGT, theo dõi chi tiết doanh thu theo từng mặt hàng. Kế toán tiêu thụ còn phải phối hợp với bộ phận kho để kiểm tra số lượng hàng xuất bán và cung cấp số liệu phục vụ công tác quản lý.

- Kế toán công nợ gồm 1 người: là người có nhiệm vụ quản lý các khoản phải thu, phải trả tại DN, theo dõi công nợ phải thu khách hàng và công nợ phải trả nhà cung cấp, thực hiện đối chiếu công nợ định kỳ, đơn đốc thu hồi công nợ, lập báo cáo công nợ. Đồng thời cung cấp thông tin kịp thời cho kế toán trưởng và Ban giám đốc.

- Thủ quỹ gồm 1 người: là người nắm giữ tiền mặt tại đơn vị, thủ quỹ thực hiện thu - chi tiền mặt theo các chứng từ đã được phê duyệt, ghi chép sổ quỹ hàng ngày, kiểm kê quỹ và đối chiếu số liệu với kế toán nhằm đảm bảo tính chính xác và đảm bảo an toàn quỹ.

Để khắc phục việc bố trí nhân viên bán hàng kiêm thủ quỹ: công ty cần tách biệt rõ ràng chức năng và nhiệm vụ của từng vị trí, theo đó nhân viên bán hàng chỉ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng và yêu cầu lập hoá đơn, trong khi thủ quỹ chịu trách nhiệm thu, chi và quản lý tiền mặt. Việc phân công này sẽ góp phần đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, từ đó nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát trong quá trình quản lý tài chính.

f) Hoàn thiện công tác kê khai và kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cần chú trọng hơn đến công tác kê khai và kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm hạn chế các sai sót phát sinh dẫn đến việc bị truy thu thuế.

Trong năm 2025, công ty phát sinh khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp, điều này cho thấy công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán và kê khai thuế tại doanh nghiệp vẫn chưa được thực hiện đầy đủ và chặt chẽ.

Nguyên nhân của việc phát sinh truy thu thuế có thể xuất phát từ việc doanh nghiệp chưa thực hiện đối chiếu thường xuyên giữa sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và tờ khai thuế, một số khoản chi phí chưa được kiểm tra đầy đủ về tính hợp lý của các năm trước. Ngoài ra, việc lưu trữ chứng từ chưa đầy đủ cũng có thể gây khó khăn trong quá trình giải trình số liệu khi cơ quan thuế kiểm tra. Việc bị truy thu thuế không chỉ làm gia tăng nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến uy tín, tính minh bạch trong công tác kế toán - thuế và gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

Để khắc phục, công ty cần thường xuyên rà soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đặc biệt là các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến việc xác định thu nhập chịu thuế. Bộ phận kế toán cần thực hiện đối chiếu giữa sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và tờ khai thuế trước khi lập báo cáo nhằm đảm bảo số liệu được phản ánh chính xác và phù hợp với quy định hiện hành.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần thực hiện lưu trữ đầy đủ các hóa đơn, chứng từ, sao kê ngân hàng và các tài liệu liên quan nhằm đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí khi cơ quan thuế kiểm tra. Việc hoàn thiện công tác kê khai và kiểm soát thuế sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch của thông tin kế toán, hạn chế rủi ro về thuế và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và cạnh tranh gay gắt, công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng giữ vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân, em đã có cơ hội tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp, từ đó gắn kết kiến thức lý thuyết đã được học với tình hình thực tiễn tại đơn vị.

Bài khóa luận đã thể hiện được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân. Thông qua đợt thực tập, em không chỉ nâng cao hiểu biết về nghiệp vụ kế toán mà còn rèn luyện được các kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc thực tế và tác phong làm việc ở văn phòng chuyên nghiệp.

Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu và hoàn thành báo cáo trong phạm vi kiến thức và thời gian thực tập có hạn, song trình độ cũng như kinh nghiệm còn hạn chế, vì vậy bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình, những góp ý tận tâm của cô TS.Trần Thượng Bích La – Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, cảm ơn sự giúp đỡ của Ban giám đốc, sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của các anh chị trong Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân đã giúp đỡ em trong kỳ thực tập và hoàn thiện bài báo cáo khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Chuẩn mực kế toán Việt Nam*
- 2. Bộ tài chính (2016), Thông tư 133/2016/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2016*
- 3. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH Tôn Thép Trường Xuân*
- 4. Các tài liệu khác trên Internet.*

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Võ Thị Lệ Hằng, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ Có, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ Không, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:

.....
.....
.....

- Mục đích sử dụng AI (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....
.....

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:

.....
.....
.....

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

○ ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký:

Ngày:

PHỤ LỤC

Phụ lục 01: Giao diện hạch toán HĐ 00000161 ngày 26/09/2025.

Chứng từ bán hàng NTTK0963

1. Bán hàng hóa trong nước

Nhập số phiếu xuất

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thu tiền

Thu tiền ngay

Chuyển khoản

Kiểm phiếu xuất

Lập kèm hóa đơn

Đã lập hóa đơn

Thu tiền gửi

Phiếu xuất

Hóa đơn

Mã khách hàng

KH00004-09

Tên khách hàng

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG

Mẫu số HĐ

Mã số thuế/CCCD chủ hộ

3100384690

Địa chỉ

Thôn Xuân Giang, Xã Lê Thủy, Quảng Trị

Điện thoại

Người mua hàng

Hình thức thanh toán

Chuyển khoản

Tài khoản ngân hàng

Tham chiếu

Ký hiệu HĐ

1C25TY

Số hóa đơn

00000161

Ngày HĐ

26/09/2025

Tổng tiền thanh toán

45.000.000

Hàng tiền

Giá vốn

Thiết lập phân bổ doanh thu

Trợ lý AI

Loại tiền

VND

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Chiết khấu thương mại	TK tiền	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng
1	TDML-01	Thép dây ma lạnh AZ150 phủ AF: 1.90mmx165mm G350		1121	5111	kg	2.199,4100

Tổng số: 1 bản ghi

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Số đơn hàng từ hệ thống khác

Sản thương mại điện tử

Tên shop

Tổng tiền hàng

40.909.091

Thuế GTGT

4.090.909

Tổng tiền thanh toán

45.000.000

Phụ lục 02: Giao diện hạch toán HĐ 00000087 ngày 05/04/2025.

Chưa thu tiền

Thu tiền ngay

Tiền mặt

Lập kèm hóa đơn

Đã lập hóa đơn

Chứng từ ghi nợ

Hóa đơn

Mã khách hàng

KH00007-09

Tên khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HO

Mã số thuế/CCCD chủ hộ

3700381324

Ngày hạch toán

05/04/2025

Người liên hệ

Địa chỉ

Số 9, Đại lộ Thống Nhất, Khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường

Ngày chứng từ

05/04/2025

Nhân viên bán hàng

Diễn giải

Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN theo hóa đ

Số chứng từ

BH237

Tổng tiền

2.841.667

Hàng tiền

Thiết lập phân bổ doanh thu

AVA Kế toán

Loại tiền

VND

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên dịch vụ	TK công nợ	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT
1	THMK-02	Thu lại phí bảo lãnh ngân hàng theo Hợp ...	131	5113	Lần	1,0000	2.841.667,00	2.841.667	KCT

Tổng số: 1 bản ghi

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Mã cửa hàng

Tên cửa hàng

Điều khoản khác

Tổng tiền dịch vụ

2.841.667

Thuế GTGT

0

Tổng tiền thanh toán

2.841.667

Phụ lục 03: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	25NVK001	Thuế môn bài năm 2025	6422	33382	2.000.000	0
01/01/2025	01/01/2025	25NVK001	Thuế môn bài năm 2025	33382	6422	0	2.000.000
01/01/2025	01/01/2025	25PT0001	Thu tiền của CÔNG TY TNHH THÁI SƠN	331	1111	0	3
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
19/02/2025	19/02/2025	25PT0031	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029	1111	5111	17.290.000	0
19/02/2025	19/02/2025	25PT0031	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029	5111	1111	0	17.290.000
19/02/2025	19/02/2025	25PT0031	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029	1111	33311	1.729.000	0
19/02/2025	19/02/2025	25PT0031	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029	33311	1111	0	1.729.000
19/02/2025	19/02/2025	25XK0029	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029	632	156	15.861.732	0
19/02/2025	19/02/2025	25XK0029	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO LÊ PHÁT theo hóa đơn 00000029	156	632	0	15.861.732
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
05/04/2025	05/04/2025	22BH327	Bán hàng CÔNG TY CP TD HOA SEN- CN TỈNH QB theo hóa đơn số 00000087	131	5113	2.841.667	0
05/04/2025	05/04/2025	22BH327	Bán hàng CÔNG TY CP TD HOA SEN- CN TỈNH QB theo hóa đơn số 00000087	5113	131	0	2.841.667
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
29/04/2025	29/04/2025	UNC0167	Trả lãi	635	1121	8.340.054	0
29/04/2025	29/04/2025	UNC0167	Trả lãi	1121	635	0	8.340.054
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/04/2025	30/04/2025	NTTK0107	Lãi tiền gửi	1121	515	710	0
30/04/2025	30/04/2025	NTTK0107	Lãi tiền gửi	515	1121	0	710
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
20/07/2025	20/07/2025	25PT0591	Bán hàng của Nguyễn Văn Anh theo hóa đơn số 681	1111	5111	10.033.290	0
20/07/2025	20/07/2025	25PT0591	Bán hàng của Nguyễn Văn Anh theo hóa đơn số 681	5111	1111	0	10.033.290
20/07/2025	20/07/2025	25PT0591	Bán hàng của Nguyễn Văn Anh theo hóa đơn số 681	1111	33311	802.663	0
20/07/2025	20/07/2025	25PT0591	Bán hàng của Nguyễn Văn Anh theo hóa đơn số 681	33311	1111	0	802.663
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
23/07/2025	23/07/2025	25NVK048	Chậm nộp	811	3339	64.000	0
23/07/2025	23/07/2025	25NVK048	Chậm nộp	3339	811	0	64.000
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
28/07/2025	28/07/2025	25PC099	Chi tiền trả lại hàng bán Nguyễn Văn Anh	5111	1111	10.033.290	0
28/07/2025	28/07/2025	25PC099	Chi tiền trả lại hàng bán Nguyễn Văn Anh	1111	5111	0	10.033.290
28/07/2025	28/07/2025	25PC099	Chi tiền trả lại hàng bán Nguyễn Văn Anh	33311	1111	802.663	0
28/07/2025	28/07/2025	25PC099	Chi tiền trả lại hàng bán Nguyễn Văn Anh	1111	33311	0	802.663
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	6421	334	20.973.077	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	334	6421	0	20.973.077
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	6422	334	10.192.308	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	334	6422	0	10.192.308
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	6421	3385	175.000	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3385	6421	0	175.000
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	6422	3385	50.000	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3385	6422	0	50.000
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	334	3385	225.000	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3385	334	0	225.000

31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	6421	3383	3.062.500	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3383	6421	0	3.062.500
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	6422	3383	875.000	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3383	6422	0	875.000
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	334	3383	1.800.000	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3383	334	0	1.800.000
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	6421	3384	525.000	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3384	6421	0	525.000
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	6422	3384	150.000	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3384	6422	0	150.000
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	334	3384	337.500	0
31/07/2025	31/07/2025	25CPL07	Hạch toán chi phí lương theo bảng lương Bảng lương thời gian theo buổi tháng 7 năm 2025	3384	334	0	337.500
31/07/2025	31/07/2025	25KH07	Khấu hao TSCĐ tháng 7 năm 2025	6422	2141	5.880.966	0
31/07/2025	31/07/2025	25KH07	Khấu hao TSCĐ tháng 7 năm 2025	2141	6422	0	5.880.966
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
26/09/2025	26/09/2025	25XK1340	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161	632	156	34.618.625	0
26/09/2025	26/09/2025	25XK1340	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161	156	632	0	34.618.625
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
26/09/2025	26/09/2025	NTTK0963	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161	1121	5111	40.909.091	0
26/09/2025	26/09/2025	NTTK0963	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161	5111	1121	0	40.909.091
26/09/2025	26/09/2025	NTTK0963	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161	1121	33311	4.090.909	0
26/09/2025	26/09/2025	NTTK0963	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP XUÂN GIANG theo hóa đơn số 00000161	33311	1121	0	4.090.909
29/12/2025	29/12/2025	25PC146	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ theo hóa đơn 398174	6421	1111	925.987	0
29/12/2025	29/12/2025	25PC146	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ theo hóa đơn 398174	1111	6421	0	925.987
29/12/2025	29/12/2025	25PC146	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ theo hóa đơn 398174	1331	1111	74.079	0
29/12/2025	29/12/2025	25PC146	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ theo hóa đơn 398174	1111	1331	0	74.079
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/12/2025	31/12/2025	25PBCC12	Phân bổ chi phí CCDC tháng 12 năm 2025	6422	242	1.473.765	0
31/12/2025	31/12/2025	25PBCC12	Phân bổ chi phí CCDC tháng 12 năm 2025	242	6422	0	1.473.765
31/12/2025	31/12/2025	25NVK121	Thuế TNDN năm 2025	821	3334	27.334.196	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK121	Thuế TNDN năm 2025	3334	821	0	27.334.196
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5111	0	38.927.952.770
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5113	911	2.841.667	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5113	0	2.841.667
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	515	911	346.548	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	515	0	346.548
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	632	37.280.587.323	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	632	911	0	37.280.587.323
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	635	776.974.792	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	635	911	0	776.974.792

31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6421	450.817.193	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6421	911	0	450.817.193
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6422	261.972.288	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6422	911	0	261.972.288
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	811	164.212.140	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	811	911	0	164.212.140
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	821	63.605.117	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	821	911	0	63.605.117
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	4212	911	67.027.868	0
31/12/2025	31/12/2025	25NVK124	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212	0	67.027.868
Tổng cộng						372.357.620.026	372.357.620.026

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Nhân

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Bùi Văn Hoàn

Phụ lục 04: Phiếu chi trả lại tiền hàng bán Nguyễn Văn Anh

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Địa chỉ: Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI
Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Quyển số:.....
Số: 25PC099
Nợ: 5111, 33311
Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Anh

Địa chỉ: Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị

Lý do chi: Chi tiền trả lại hàng bán Nguyễn Văn Anh

Số tiền: 10.835.953 VND

(Viết bằng chữ): Mười triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi ba đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi ba đồng.

Phụ lục 05: Phiếu chi mua xăng RON 95 mức 3

CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Thôn Trung Thiện, Xã Tân Mỹ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: 02 - TT
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI
Ngày 29 tháng 12 năm 2025

Quyển số:
Số: 25PC146
Nợ: 6421, 1331
Có: 1111

Họ tên người nhận tiền: CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: 118 đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, Quảng Trị

Lý do chi: Chi tiền cho CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ theo hóa đơn 398174

Số tiền: 1.000.066 VND

Viết bằng chữ: Một triệu không trăm sáu mươi sáu đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu không trăm sáu mươi sáu đồng chẵn.

Phụ lục 06: Tờ khai quyết toán thuế TNDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN

(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN

[07] Mã số thuế: 3101109591

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(3.422.751)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	164.212.140
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	164.212.140
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	160.789.389
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	160.789.389
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BDS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	160.789.389
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BDS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	160.789.389
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	160.789.389
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	160.789.389
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	27.334.196
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	27.334.196
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BDS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BDS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BDS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	27.334.196
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	27.334.196
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	27.334.196
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	27.334.196
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	27.334.196
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 06 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Bùi Văn Hoàn

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 27.334.196 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
Ngày ký: 14/03/2026 17:00:22.

Phụ lục 07: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN
[03] Mã số thuế: 3101109591

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	38.940.827.727
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	10.033.290
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	10.033.290
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	346.548
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	37.993.376.804
a	Giá vốn hàng bán	[13]	37.280.587.323
b	Chi phí bán hàng	[14]	450.817.193
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	261.972.288
5	Chi phí tài chính	[16]	776.974.792
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	160.789.389
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	164.212.140
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(164.212.140)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(3.422.751)

Phụ lục 08: Hợp đồng nguyên tắc 44/HĐNT/2024

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 44 /HĐNT/2024

(V/v: Mua bán tôn, thép dày, ống thép, sản phẩm thương mại...)

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự hiện hành và các quy định pháp luật liên quan;
- Luật Thương mại hiện hành và các quy định pháp luật liên quan;
- Nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 08/01/2024, tại văn phòng Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen, chúng tôi gồm có các Bên như sau đây:

BÊN BÁN

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
Địa chỉ : Số 9, Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số thuế : 3700381324
Điện thoại : 0274 3790 955 Fax : 0274 3791 792
Người đại diện : VŨ VĂN THANH Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc Trực
Và

BÊN MUA

Tên Khách hàng : CÔNG TY TNHH TÔN THÉP TRƯỜNG XUÂN
Địa chỉ : Thôn Trung Thiện, Xã Dương Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
Mã số thuế : 3101109591
Điện thoại : Fax :
Điện thoại di động (Có dùng ZALO): 0396 055 506
Email : congtytruongxuan591@gmail.com
Người đại diện : BÙI VĂN HOÀNH Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Bên Bán và Bên Mua thống nhất ký kết Hợp đồng nguyên tắc này với nội dung như sau:

ĐIỀU 1. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 1.1 Bên Mua và Bên Bán giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc hợp tác hai Bên cùng có lợi và tuân theo các điều kiện, điều khoản của Hợp đồng này.
- 1.2 Bên Mua được hưởng các chính sách ưu đãi và các quyền lợi khác (nếu có) mà Bên Bán công bố cho Bên Mua.


Trang 1

1.3 Bên Mua tự chuẩn bị địa điểm kinh doanh, trang bị cơ sở vật chất, kho bãi khi nhận hàng.

1.4 Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này, khi phát sinh nhu cầu mua bán hàng hóa cụ thể, hai Bên sẽ thực hiện việc mua bán thông qua các Đơn hàng.

Đơn hàng là văn bản xác nhận việc mua bán lượng hàng hóa xác định tuân thủ quy định của Hợp đồng này, Đơn hàng được xác định theo và là một trong các chứng từ sau: Xác nhận đặt hàng, Phiếu bán hàng, Phiếu giao hàng, Biên bản giao nhận hàng hóa. Trong đó Xác nhận đặt hàng, Phiếu bán hàng được ký qua fax, photo, scan có giá trị như bản ký trực tiếp.

1.5 Thực hiện hợp đồng

1.5.1 Đối với Bên Bán:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – Chi nhánh Tỉnh Quảng Bình – Địa điểm kinh doanh Cửa hàng Lê Thủy sẽ đại diện Bên Bán thực hiện Hợp đồng này (ký các chứng từ của Đơn hàng: Xác nhận đặt hàng, Phiếu bán hàng, Phiếu giao hàng, Biên bản giao nhận hàng hóa; Thông báo giao hàng; Nhận tiền thanh toán; Giao hàng; Xuất hóa đơn bán hàng). Thông tin cụ thể như sau:

Bên Bán: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – Chi nhánh Tỉnh Quảng Bình – Địa điểm kinh doanh Cửa hàng Lê Thủy

Địa chỉ: Thôn Mỹ Duyệt, Xã Cam Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại/ fax: 02323 966 268

Người đại diện: Giám đốc Chi nhánh/Cửa hàng Trưởng/Nhân viên bán hàng

1.5.2 Đối với Bên Mua:

Người đại diện Bên Mua thực hiện Hợp đồng này (ký các chứng từ của Đơn hàng: Xác nhận đặt hàng, Phiếu bán hàng, Phiếu giao hàng, Biên bản giao nhận hàng hóa) là người đại diện theo pháp luật, người đại diện ký hợp đồng.

Trong trường hợp Bên Mua thay đổi, bổ sung người đại diện ký các chứng từ của Đơn hàng thì Bên Mua phải thông báo ngay cho Bên Bán bằng văn bản thể hiện thông tin chi tiết nhân sự đại diện của Bên Mua ký các chứng từ của Đơn hàng (thông báo được ký qua fax, photo, scan có giá trị như bản ký trực tiếp).

ĐIỀU 2. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

2.1 Hàng hóa

- Bên Bán cung cấp cho Bên Mua các hàng hóa sau: các sản phẩm do Bên Bán sản xuất (Tôn, thép dày, ống thép, ống nhựa,...) và các sản phẩm thương mại khác do Bên Bán cung cấp.
- Quy cách, số lượng và giá bán của hàng hóa được thể hiện trên Đơn hàng tại từng thời điểm.

2.2 Tiêu chuẩn, chất lượng

- Bên Bán cam kết cung cấp sản phẩm đúng theo tiêu chuẩn được nhà sản xuất công bố áp dụng, trừ trường hợp Bên Mua có yêu cầu khác.

ĐIỀU 3. THÔNG TIN

- 3.1 Trừ khi được quyết định khác bởi luật pháp hiện hành, mọi thông báo được yêu cầu hoặc được cho phép theo hợp đồng sẽ được lập bằng văn bản và sẽ được giao trực tiếp hoặc bằng dịch vụ thư tín, có giấy báo nhận được ký tên, hoặc bằng fax được xác nhận bởi người nhận xác nhận việc nhận được thông báo. Các thông báo sẽ có hiệu lực ngay khi thực sự nhận được. Thông báo sẽ được gửi đến các Bên theo địa chỉ được nêu dưới đây:

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Địa chỉ: Số 9, Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274 3790 955 Fax: 0274 3791 792

BÊN MUA: CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TRƯỜNG XUÂN

Địa chỉ: Thôn Trung Thiện, Xã Dương Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Điện thoại di động: 0396 055 506

- 3.2 Ngoài ra, Bên Bán sẽ gửi các thông tin liên quan đến đơn hàng, thanh toán, hạn mức công nợ, chính sách, chương trình khuyến mại,... (nếu có) và các thông tin liên quan đến giao dịch mua bán cho Bên Mua thông qua số điện thoại hoặc tài khoản mạng xã hội (Zalo,...) được đăng ký bằng số điện thoại: 0396 055 506

ĐIỀU 4. BẢO MẬT

- 4.1 Vào mọi lúc, Bên Mua cam kết bảo mật toàn bộ thông tin về chính sách, chương trình khuyến mại, giá cả,... và các nội dung khác tại Hợp đồng này, và sẽ không sử dụng hoặc tiết lộ thông tin, tài liệu đó, trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bên Bán.
- 4.2 Trường hợp Bên Mua vi phạm điều khoản bảo mật này thì Bên Bán có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, thu hồi toàn bộ các chính sách Bên Mua được hưởng, đồng thời bồi thường toàn bộ đối với phần thiệt hại do hành vi vi phạm Điều khoản Bảo mật của mình gây ra.

ĐIỀU 5. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI

5.1 Doanh thu cam kết (Có thuế VAT)

- Từ 250,000,000 đồng/tháng; hoặc
- Từ 750,000,000 đồng/quý.

Việc Bên Mua đạt được mức doanh thu cam kết là tiêu chí để Bên Bán hỗ trợ phí mở thư bảo lãnh và áp dụng các chính sách ưu đãi khác (nếu có).

Khoản hỗ trợ phí mở thư bảo lãnh không quá 1%/năm tính trên số tiền bảo lãnh.

5.2 Chiết khấu

5.2.1 Bên Mua có thể được hưởng chiết khấu theo chính sách chiết khấu của Bên Bán. Căn cứ vào điều kiện áp dụng chính sách chiết khấu, Bên Bán sẽ thông báo áp dụng chiết khấu cho Bên Mua.

5.2.2 Mọi khoản thuế liên quan đến chiết khấu (nếu có) do Bên Mua chịu.

ĐIỀU 6. GIAO HÀNG

6.1 Ngày giao hàng, địa điểm giao hàng: Theo Đơn hàng tại từng thời điểm.

6.2 Địa điểm giao nhận hàng và đường vào/ra địa điểm giao nhận hàng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đường không cấm xe tải, không cấm dừng, cấm đậu;
- Đảm bảo đáp ứng tải trọng của phương tiện vận chuyển của Bên Bán;
- Các yêu cầu khác của Bên Bán (nếu có).

Nếu địa điểm giao hàng và/hoặc đường vào/ra địa điểm giao nhận hàng không đảm bảo các yêu cầu của Bên Bán thì Bên Mua sẽ chịu mọi chi phí phát sinh và nhận hàng tại địa điểm theo yêu cầu của Bên Bán.

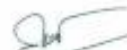
6.3 Bên Bán chịu chi phí bốc hàng tại kho Bên Bán, Bên Mua chịu trách nhiệm và chi phí dỡ hàng, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác hoặc Xác nhận đặt hàng có quy định khác.

6.4 Nếu Bên Mua không nhận hàng theo thỏa thuận, Bên Bán sẽ lưu kho hàng hóa. Bên Mua chịu toàn bộ chi phí phát sinh (chi phí lưu kho, chi phí bốc dỡ hàng tại kho Bên Bán, chi phí vận chuyển,...). Chi phí lưu kho trong trường hợp chậm nhận hàng là 1% (một phần trăm) tổng giá trị lô hàng lưu kho cho mỗi ngày chậm nhận hàng. Khi Bên Mua chậm nhận hàng thì Bên Mua phải chịu mọi rủi ro đối với hàng hóa trong thời gian chậm nhận. Trong trường hợp Bên Mua chậm nhận hàng quá 15 (mười lăm) ngày, Bên Mua được xem là đã hủy bỏ Đơn hàng và Bên Bán có toàn quyền thu hồi, xử lý hàng hóa, đòi bồi thường thiệt hại.

ĐIỀU 7. ĐẶT CỌC

7.1 Nhằm đảm bảo việc thực hiện Đơn hàng, Bên Mua đặt cọc một khoản tiền theo từng Đơn hàng, số tiền đặt cọc cụ thể sẽ được nêu trong Đơn hàng. Trong trường hợp Bên Mua vi phạm hợp đồng, Bên Mua sẽ bị mất số tiền đặt cọc, số tiền này sẽ thuộc về Bên Bán.

7.2 Bên Mua thanh toán tiền đặt cọc cho Bên Bán trước Ngày giao hàng hoặc trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày ký Xác nhận đặt hàng/ Phiếu bán hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước.



- 7.3 Bên Bán có quyền hủy Đơn hàng mà không cần báo trước cho Bên Mua và Bên Bán không phải chịu bất kỳ chế tài nào nếu Bên Mua không thực hiện hoặc thực hiện việc đặt cọc không đúng thỏa thuận.
- 7.4 Trong trường hợp Đơn hàng được thực hiện đầy đủ, tiền đặt cọc được tự động trừ vào phần nghĩa vụ thanh toán đợt cuối cùng của Bên Mua cho Đơn hàng đó, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.
- 7.5 Tiền đặt cọc của Đơn hàng trước chưa được căn trừ có thể được chuyển thành tiền đặt cọc cho Đơn hàng tiếp theo nếu được sự đồng ý của hai Bên.
- 7.6 Trong mọi trường hợp, tiền đặt cọc không phát sinh lãi.

ĐIỀU 8. THANH TOÁN

- 8.1 Chỉ chấp nhận hình thức thanh toán (tiền cọc và tiền hàng): chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ, mọi chi phí chuyển khoản hoặc liên quan đến việc thanh toán sẽ do Bên Mua chịu.

- 8.2 Phương thức và thời hạn thanh toán:

Bên Mua hoàn tất việc thanh toán cho Bên Bán trước khi giao hàng.

Nếu Bên Mua có biện pháp bảo đảm thanh toán theo Điều 9 của Hợp đồng thì Bên Mua được nợ tiền mua hàng hóa tối đa bằng Giá trị còn lại của Thư bảo lãnh và phải hoàn tất thanh toán trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày Bên Bán giao hàng và xuất hóa đơn.

$[Giá\ trị\ còn\ lại\ của\ Thư\ bảo\ lãnh] = [Số\ tiền\ bảo\ lãnh] - [Số\ tiền\ đang\ nợ]$

- 8.3 Nếu giá trị Đơn hàng vượt quá Giá trị còn lại của Thư bảo lãnh, Bên Mua phải thanh toán cho Bên Bán phần giá trị vượt trước khi giao hàng.

- 8.4 Ngân hàng giao dịch của Bên Bán:

Số tài khoản: 5310971771 mở tại: : Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình

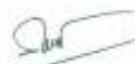
Người thụ hưởng: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen – Chi nhánh Tỉnh Quảng Bình
Hoặc

Số tài khoản: 3803201004766 mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện Quảng Ninh – Quảng Bình

Người thụ hưởng: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen – Chi nhánh Tỉnh Quảng Bình
Hoặc

Số tài khoản: 15002682644 mở tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình

Người thụ hưởng: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen – Chi nhánh Tỉnh Quảng Bình
Hoặc


Trang 5

Số tài khoản: 0311000738027 mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình

Người thụ hưởng: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen – Chi nhánh Tỉnh Quảng Bình

Tất cả các chi phí phát sinh trong việc thanh toán hay chuyển khoản sẽ do Bên Mua chịu.

- 8.5 Thứ tự ưu tiên thanh toán: Nợ trước thanh toán trước, nợ sau thanh toán sau. Trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 9. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THANH TOÁN

- 9.1 Các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của Bên Mua gồm: Thư bảo lãnh thanh toán, Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.
- 9.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau ngày ký Hợp đồng và trước ngày ký Đơn hàng đầu tiên, Bên Mua cung cấp Thư bảo lãnh phù hợp cho Bên Bán (nội dung của Thư bảo lãnh phải được Bên Bán đồng ý và chấp nhận trước khi phát hành).
- 9.3 Yêu cầu đối với Thư bảo lãnh:
- Bên nhận bảo lãnh: Bên Bán.
 - Bên được bảo lãnh: Bên Mua.
 - Loại bảo lãnh: Bảo lãnh thanh toán hoặc Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.
 - Điều kiện bảo lãnh: Không hủy ngang, vô điều kiện, không cần chứng minh.
 - Số tiền bảo lãnh: **300,000,000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng.)**
 - Hiệu lực bảo lãnh: Thư bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát hành đến hết ngày 10/01/2025 (bao gồm cả ngày này).

ĐIỀU 10. KHOẢN NỢ ĐẾN HẠN

- 10.1 Khi Bên Mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bất kỳ Đơn hàng nào thì mọi khoản nợ theo Hợp đồng tuy chưa đến hạn thanh toán sẽ tự động đến hạn thanh toán.
- 10.2 Khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, các khoản thanh toán tuy chưa đến hạn thanh toán sẽ mặc nhiên đến hạn thanh toán vào ngày Hợp đồng chấm dứt.
- 10.3 Trong mọi trường hợp, Bên Mua phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Bên Bán (kể cả những khoản nợ quy định tại Điều 10.2) trước ngày 01/01/2025.

ĐIỀU 11. BẢO HÀNH

- 11.1 Bên Bán bảo hành các sản phẩm theo chính sách bảo hành của nhà sản xuất (nếu có).
- 11.2 Các sản phẩm/được sản xuất theo yêu cầu của Bên Mua mà không theo quy cách, tiêu chuẩn của nhà sản xuất thì không được bảo hành, trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

- 12.1 Nghĩa vụ của Bên Bán


Trang 6

- 12.1.1 Cung cấp các sản phẩm đúng thỏa thuận theo Hợp đồng.
- 12.1.2 Bảo hành sản phẩm theo đúng chính sách bảo hành của nhà sản xuất (nếu có).
- 12.1.3 Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ.
- 12.1.4 Các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.
- 12.2 Quyền của Bên Bán**
- 12.2.1 Được nhận tiền thanh toán theo quy định của Hợp đồng.
- 12.2.2 Thay đổi chính sách ưu đãi, chính sách giá, chính sách chiết khấu.
- 12.2.3 Ngừng giao hàng khi Bên Mua chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán hoặc chưa thanh toán bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.
- 12.2.4 Có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng nếu Bên Mua có hành vi gây ảnh hưởng hoặc làm giảm uy tín thương hiệu của Bên Bán hoặc vi phạm chính sách kinh doanh của Bên Bán.
- 12.2.5 Nếu Bên Mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Bên Bán có quyền hủy bỏ Đơn hàng, có toàn quyền thu hồi, xử lý hàng hóa, phạt vi phạm và đòi bồi thường thiệt hại.
- 12.2.6 Các quyền khác theo Hợp đồng.

ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

- 13.1 Nghĩa vụ của Bên Mua**
- 13.1.1 Bên Mua thực hiện đúng doanh thu đã cam kết trong Hợp đồng này.
- 13.1.2 Thanh toán theo đúng quy định của Hợp đồng.
- 13.1.3 Nhận hàng theo đúng quy định của Hợp đồng.
- 13.1.4 Trong trường hợp Bên Mua hủy Đơn hàng có các sản phẩm không thông dụng hoặc không theo quy cách, tiêu chuẩn của nhà sản xuất thì Bên Mua vẫn phải thanh toán toàn bộ giá trị Đơn hàng cho Bên Bán.
- 13.1.5 Chịu trách nhiệm bảo quản sản phẩm theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến người tiêu dùng và uy tín của Bên Bán.
- 13.1.6 Bên Mua có nghĩa vụ đối chiếu và ký xác nhận Biên bản đối chiếu công nợ hàng tháng (theo mẫu của Bên Bán) đồng thời chịu trách nhiệm thanh toán số dư công nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ.
- 13.1.7 Bên Mua có nghĩa vụ thông báo cho Bên Bán trong vòng 10 ngày sau khi Bên Mua thay đổi các nội dung sau (thông báo được ký qua fax, photo, scan có giá trị như bản ký trực tiếp):
 - Thay đổi thông tin về nhân thân, địa chỉ cư trú hoặc tình trạng bị khởi tố, truy tố, xét xử hình sự của Bên Mua nếu Bên Mua là cá nhân.
 - Thay đổi về người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính, mã số thuế hoặc kế hoạch chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản... của Bên Mua nếu Bên Mua là tổ chức.

13.1.8 Không được chuyển nhượng các quyền, nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp được Bên Bán đồng ý bằng văn bản.

13.1.9 Các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.

13.2 Quyền của Bên Mua

13.2.1 Được nhận các sản phẩm theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

13.2.2 Được hưởng chính sách bảo hành sản phẩm theo quy định của Hợp đồng.

13.2.3 Được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của Hợp đồng.

13.2.4 Các quyền khác theo Hợp đồng.

ĐIỀU 14. SỰ MINH BẠCH VÀ CHỐNG TRỰC LỢI

14.1 Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để tư lợi cho cá nhân hoặc nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

14.2 Để đảm bảo sự minh bạch và chống trục lợi, Bên Mua cam kết không chi hoa hồng; không chi chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng này.

14.3 Bên Mua cam kết không thực hiện các hành vi sau: hỗ trợ nhân viên của Bên Bán để chiếm đoạt tài sản của Bên Bán, ký khống chứng từ bán hàng, ký khống đối chiếu công nợ không đúng thực tế, thanh toán tiền cọc, tiền hàng vào tài khoản cá nhân của nhân viên Bên Bán.

14.4 Khi phát sinh nợ, thanh toán tiền nợ thì Bên Mua phải ký xác nhận vào 02 Sổ công nợ (do Bên Bán phát hành), bao gồm sổ Bên Bán giữ và sổ Bên Mua giữ.

14.5 Nếu Bên Mua phát hiện người nào có hành vi trục lợi như trên thì Bên Mua phải thông báo ngay cho Bên Bán và phối hợp với Bên Bán để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên Mua mà Bên Bán phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên Bán có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt thực hiện Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên Mua mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào, Bên Mua có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh.

14.6 Đường dây tiếp nhận thông tin: 096.128.4289 hoặc gopy@hoasengroup.vn

14.7 Hiệu lực của Điều này không phụ thuộc vào hiệu lực của Hợp đồng, và chỉ hết hiệu lực sau 05 (năm) năm kể từ ngày Hợp đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 15. BẤT KHẢ KHÁNG

15.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan mà Bên bị ảnh hưởng không thể lường trước được và không thể khắc phục được, ngăn cản Bên bị ảnh hưởng thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn: Chiến tranh, khủng bố, bạo động, biểu tình; đình công, giảm lao động, phong tỏa xưởng hoặc Nhà máy, các sự cố của các nhà cung cấp; thiếu nguyên liệu chính, mất điện, máy móc hư; thảm họa thiên nhiên, hỏa hoạn; thay đổi chính sách pháp luật có liên quan ...

- 15.2 Trường hợp Bên bị ảnh hưởng không thực hiện đúng nghĩa vụ do Sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự đối với phần nghĩa vụ bị vi phạm, nếu:
- Bên bị ảnh hưởng, trong khả năng cho phép, đã tiến hành các biện pháp khắc phục kịp thời và cần thiết; và
 - Bên bị ảnh hưởng đã thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng, nêu rõ tính chất của Sự kiện, các biện pháp khắc phục đã áp dụng.
- 15.3 Trong trường hợp Sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trên 30 (ba mươi) ngày, một Bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng nhưng phải có văn bản báo trước cho Bên còn lại.

ĐIỀU 16. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 16.1 Phạt vi phạm
- 16.1.1 Nếu Bên Mua thanh toán trễ thì Bên Mua phải chịu một khoản tiền phạt cho Bên Bán bằng 0.1% (không phải một phần trăm) phần thanh toán trễ cho mỗi ngày chậm trễ.
- 16.1.2 Nếu Bên Mua đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng hoặc hủy bỏ Đơn hàng trái quy định thì Bên Mua phải chịu phạt toàn bộ giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm và mất toàn bộ tiền cọc đã thanh toán.
- 16.2 Bên Mua vi phạm bất kỳ nghĩa vụ Hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên Bán thì Bên Bán có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và Bên Mua phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh.
- 16.3 Nếu Bên Mua không trả nợ đúng hạn theo quy định của Hợp đồng này thì Bên Mua còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định pháp luật.
- 16.4 Bên vi phạm, bên cạnh việc phải chịu phạt vi phạm, còn phải chịu các khoản bồi thường thiệt hại. Bên vi phạm thanh toán tiền phạt và/hoặc tiền bồi thường thiệt hại trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi Bên bị vi phạm gửi yêu cầu.

ĐIỀU 17. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- 17.1 Không có quy định nào có thể diễn giải rằng việc mua bán sản phẩm theo Hợp đồng này gắn với việc cho phép Bên Mua sử dụng hay chuyển nhượng bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào cho Bên Mua.
- 17.2 Việc sử dụng nhãn hiệu, tên thương mại,... phải được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đồng ý bằng văn bản trước khi sử dụng.
- 17.3 Vào mọi thời điểm, Bên Mua cam kết thông báo ngay cho Bên Bán nếu Bên Mua nhận thấy người khác có hành vi xâm phạm đến các quyền sở hữu trí tuệ.

ĐIỀU 18. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 18.1 Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 10/01/2025 (bao gồm cả ngày này).
- 18.2 Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- Hợp đồng được thực hiện xong; hoặc



- Chấm dứt theo thỏa thuận của các Bên; hoặc
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 18.3** Bên Bán có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng và/hoặc Đơn hàng khi thuộc một trong các trường hợp sau:
- Bên Mua làm giảm uy tín thương hiệu của Bên Bán bằng bất cứ hành vi nào.
 - Trong 03 (ba) tháng liên tục mà không thực hiện được đơn hàng nào.
 - Bên Mua vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng mà không khắc phục được trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên Bán thông báo vi phạm.
 - Bên Mua không đạt doanh thu đã cam kết.

ĐIỀU 19. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 19.1** Trong trường hợp có sự không thống nhất về cách hiểu giữa văn bản Hợp đồng và Xác nhận đặt hàng, Thông báo giao hàng hoặc các tài liệu đính kèm, thứ tự ưu tiên áp dụng như sau:
1. Văn bản Hợp đồng
 2. Phụ lục đính kèm Hợp đồng
 3. Phiếu bán hàng
 4. Phiếu giao hàng
 5. Biên bản giao nhận hàng hóa
 6. Xác nhận đặt hàng
 7. Thông báo giao hàng
 8. Tài liệu khác đính kèm Hợp đồng (nếu có)
- 19.2** Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động giải quyết các tranh chấp này bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác. Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.
- 19.3** Vào mọi lúc, mỗi Bên cam kết giữ kín toàn bộ thông tin, tài liệu liên quan đến Bên kia và sẽ không sử dụng hoặc tiết lộ thông tin, tài liệu đó, trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền.
- 19.4** Trong mọi trường hợp, trách nhiệm của Bên Bán đối với từng Đơn hàng chỉ giới hạn ở số tiền Bên Mua đã thanh toán cho Bên Bán theo Đơn hàng đó.
- 19.5** Không Bên nào có quyền chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại.
- 19.6** Hợp đồng tự động thanh lý sau khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình.
- 19.7** Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- 19.8 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản gốc có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản gốc để thực hiện.



BUI VĂN HOÀNH

Chức vụ: Tổng Giám Đốc



VŨ VĂN THANH

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Trực

